Phan Trần Chúc

BÁNH XE KHỨ QUỐC

hay là cuộc đời trôi nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

alphabooks

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

KINH THÀNH MÂY PHỦ

Ngày 20 tháng Chạp năm Tân Mão.[1]

[1]. Năm Cảnh Hưng thứ 32 (Năm 1772)

Thành Thăng Long, sau những ngày hiu quạnh của tiết Đại hàn, như vừa được khoác một tấm áo mới, dưới những ánh nắng mặt trời êm dịu.

Trên làn cỏ non liên tiếp, không khác một dải lụa màu hoa lý viền lấy hồ Hoàn Kiếm, dân đô thành đua nhau ra hưởng vội vàng lấy cái khí ấp áp là vật mà về mùa giá lạnh, hóa công vẫn tỏ ra dè dặt, mỗi khi cần phải ban pháp nó cho muôn loài.

Sau quán Vọng Tiên cũng như trước các phố Hàng Khay và Hàng Bạc, có hàng trăm đứa trẻ, mình trần như nhộng, tụ vào một chỗ chơi nhảy "vô" hoặc "ú tim, ú òa".

Nước da bánh mật của chúng phản chiếu lại ánh mặt trời, cũng óng ánh như những hòn ngói tráng men trên nóc chùa Ngọc Sơn, một tòa lâu đài mà khách du có cái cảm tưởng như nổi lềnh bềnh trên mặt nước, những lúc mặt hồ gợn sóng. Cạnh chúng, là một bọn dân nghèo công nhiên phơi cái cảnh cùng túng của họ giữa nơi đô hội nhất của thành Thăng Long. Họ trút bỏ tấm áo mã khoa nâu đã biến sắc xuống cỏ mà bắt rận hoặc khâu vá lại những lỗ thủng là di tích của đời lao khổ và thời gian.

Dưới hồ, kẻ tắm, người gội, đàn ông và đàn bà thích cánh nhau mà không chút e ngại hoặc sượng sùng, vì không ai có mục đích gì khác là nhờ giọt nước hồ Gươm để trút bỏ những cái dơ bẩn bám vào người mình. Câu "nam nữ thụ thụ bất thân" của ông Mạnh thực ra chỉ đáng nêu nên ở những gia đình đài các và phong lưu, nơi người ta có dư thì giờ để nghĩ đến những chuyện vẩn vơ vì họ không phải bận rộn gì về sinh kế.

Ven hồ, trên những cầu tre có nhiều bậc mà bậc sau cùng là bắc là là ngay trên mặt nước, người ta tranh nhau giặt giũ: nào quần, nào áo, nào chăn, nào màn. Tiếp, họ phơi tất cả ngần ấy thứ lên bãi cỏ hoặc cành cây. Buổi nắng mới vô tình rốc ra bờ hồ tất cả những cái nhơ bẩn mà thành Thăng Long đã phải chứa chất một cách nhẫn nhục trong những ngày mưa rét.

Trong các phố phường, vẻ náo nhiệt lại còn rõ rệt hơn nữa.

Tại các chợ Đồng Xuân và Báo Thiên, kẻ mua, người bán, tuy đã quá Ngọ, vẫn không ngớt. Những đống bùn lớn trên mặt đường dần dần sẽ lại, tiếp khô hẳn, nhờ ánh nắng mặt trời và sự giày đạp của chân người. Công chúng qua lại thỉnh thoảng lại kính cẩn dãn ra hai bên lề đường để nhường lối cho những cỗ kiệu sơn son của các quan Tham, Chưởng... hoặc những chiếc võng màu cánh gián của các vị phu nhân. Vì gần gũi với Triều đường và Phủ liêu, dân đô thành vẫn tự hào với người các Trấn là họ có thể phân biệt được phẩm cấp của các quan văn võ, do theo nước sơn trên kiệu, võng của các vị ấy.

Trong lúc mọi người mải miết lăn lưng vào một cuộc náo nhiệt mà thời tiết vừa làm cho đình trệ thì từ phương Đông, chân trời bỗng vẩn lên một đám mây đen. Đám mây đó không khác gì một vết dầu loang, lan rất mau khắp da trời. Người ta đoán là trời sắp đổ mưa nên người lo thu những đồ vật phơi phóng ở sân vào, kẻ rảo bước về nhà hoặc tìm chỗ ẩn tránh. Chỉ trong chớp mắt, sự hoạt động của thành Thăng Long lại bị đình hẳn như chiếc máy đồng hồ, vì hết dây cót mà đứng dừng lại.

Người ta đoán lầm.

Đám mây, đáng lẽ phải đổi thành nước mưa mà dội xuống Long thành, nhưng nó vẫn cứ bám sát vào da trời, mỗi phút một dày đặc mãi ra. Lâu dần mặt trời bị phủ kín hẳn, thậm chí hai người không nhận được mặt nhau, tuy chỉ đứng cách nhau có vài bước. Các nhà giàu sợ quân gian thừa cơ lẻn vào trộm cắp, phải vội vã thắp đèn. Bọn sai dịch lo chậm trễ việc công cũng bắt buộc phải đốt đuốc mà đi ngoài đường phố.

Đô thành bỗng chốc đã hiện ra các cảnh tượng đêm ba mươi tết.

Trước một trạng thái phi thường như vậy, công chúng không thể không tự hỏi: tại sao?

Phải, tại sao trời đương nắng ráo phút đổi ra tối sầm?

Tại sao giữa trưa ngày hai mươi tháng Chạp mà mịt mù như lúc giao thừa?

Rồi trong lúc mỗi người tự đào óc để tìm lấy một câu trả lời cũng kỳ quái chẳng kém gì cái hiện tượng nói trên thì, từ ngục Đề lĩnh, một cậu lính Thiết đột hốt hoảng chạy ra, báo nhỏ với người bạn của hắn là lính Túc vệ đứng canh ở cửa Đại Hưng:

- Đức ông Hoàng Trừ bị hại rồi!

Hắn lại dặn thêm:

- "Việc quốc gia bí mật" anh nên biết một mình thôi, chớ nói lại với ai mà rụng đầu đấy!

Nhưng hắn vừa đi khỏi thì cậu Túc vệ đã lặp lại với một bọn chừng người cậu Túc vệ khác, từ trong thành ngất ngưởng đi ra.

- Các anh có biết không? Đức ông Hoàng Trừ bị hại rồi! "Việc quốc gia bí mật", các anh nên biết một mình thôi, chớ nói lại với ai mà rụng đầu đấy!

Rồi, từ mười người này truyền sang một trăm, tiếp một ngàn người khác, việc mà cậu lính Thiết đột gọi là "quốc gia bí mật", chỉ trong khoảnh khắc, đã do con đường "cửa miệng" của công chúng mà lan ra khắp thành Thăng Long.

Một vài kẻ khác cũng giàu trí tưởng tượng như tấm lòng mê tín, lại phê bình thêm với một giọng nói ngọt ngào:

- Đó là báo ứng của oan hồn đức ông đấy!

THÁI TỬ DUY VĨ

Tại sao cái chết của một người – dù là chết oan và chết lối "bất đắc kỳ tử" – đã được công chúng tin rằng có ảnh hưởng và gây ra một trạng thái phi thường trong vũ trụ!

Muốn trả lời câu trên này, trước hết các bạn phải biết qua thân thế của Đức ông Hoàng Trừ và địa vị Đức ông trên lịch sử Việt Nam giữa thế kỷ XVIII.

Người mà công chúng quen gọi là Đức ông Hoàng Trừ tên thật là Lê Duy Vĩ, con trưởng vua Lê Cảnh Hưng, hiện giữ ngôi Trừ Nhị[2] ở Bắc Hà.

[2]. Cũng như ngôi Thái tử, nghĩa là khi nào Vua chết thì được cử lên thay.

Duy Vĩ vẻ người tuấn nhã và thông minh rất sớm. Tuy đã được kén làm Thái tử, nghĩa là nắm vững cái phú quý trong tay, nhưng không đêm nào chàng không đọc sách và thân yêu kẻ sĩ, cho nên trong nước, ai cũng kính trọng và tin rằng tiền đồ của nước Nam sẽ ở trong tay một ông Vua minh mẫn.

Minh đô vương phi là Nguyễn Thị Ngọc Vinh cũng mến tài đức của Thái tử nên bàn với chồng, mang con gái yêu là Tiên Dung Quận chúa, gọi gả cho chàng, để giữ trước cho con gái mình ngôi "mẫu nghi thiên hạ".

Quận chúa có cái sắc đẹp thùy mị, lại học rộng và rất giỏi về văn thơ, đính hôn với Thái tử tưởng không còn gì xứng đáng hơn nữa. Song hóa công hình như hối hận là nếu đãi đôi thiếu niên mày một cách quá hậu, sẽ mang tiếng bất công với muôn loài nên đã dành cho họ một cái kết quả rất cay độc để giữ thế tương đương với những cái ân huệ mà họ được hưởng, khi mới bước chân vào cuộc thế.

Nguyên, ngoài Tiên Dung Quận chúa ra, Minh đô vương còn có một người con trai lớn (khác mẹ) tên là Trịnh Sâm. Sâm được lập làm Thế tử[3], cũng là tay văn võ kiêm toàn, nhưng tiếc rằng độ lượng khí hẹp hòi. Chàng thấy Thái tử có tài mạo chẳng kém gì mình mà được vợ chồng Minh đô vương biệt đãi thì có ý ghen tức.

[3]. Người được nối ngôi chúa được gọi là Thế tử, theo cách gọi của con Vua chư hầu đời Chiến quốc.

Một hôm, nhân Trịnh phủ có yến, Vương phi cho đặt một mâm cỗ ở sập trên, chiếu trải năm trùng để dành riêng cho Thái tử. Còn Thế tử thì phải ngồi sập dưới, chiếu trải có ba trùng.

Khi vào tiệc, Thế tử vô tình ngồi cùng với Thái tử một mâm. Nguyễn vương phi chợt đến, tỏ ý không bằng lòng dụ bảo hai người:

- Thái tử với Thế tử, tình là anh em, nhưng nghĩa là Vua tôi. Tuy ở trong gia đình cũng không nên bỏ lễ tôn ti trật tự.

Tiếp, Vương phi bắt Thế tử ngồi xuống chiếu dưới mà không tìm lấy một lời yên ủy.

Cử chỉ đột ngột đó làm cho Trịnh Sâm hổ thẹn không biết ngần nào. Rồi từ hổ thẹn đổi sang oán giận, chỉ trong có một bước: suốt bữa ấy, Sâm không ăn uống gì cả, chỉ nghĩ cách ám hại Thái tử.

Tan tiệc, Thái tử và Thế tử cùng ra về, tới cửa phủ, Sâm ngăn Thái tử lại, rút một đôi đũa bạc thủ sẵn trong tay áo ra bẻ làm đôi nói:

- Hai chúng ta tất phải có một người sống, một người chết. Vua ấy với Chúa này quyết không thể cùng đứng với nhau được!

Thái tử mỉm cười, gạt tay Sâm ra, lên kiệu tiến thẳng về cung nên cuộc xung đột của hai người, Minh đô vương và cho cả đến Nguyễn vương phi nữa, cũng không nghe biết.

Tại sau Duy Vĩ lại đáp lại sự khiêu khích của Trịnh Sâm bằng thái độ yên lặng, trong không khỏi có ý khinh bỉ?

Giản dị lắm.

Thái tử đã là người thông minh, bác học, tất không quên được việc Trịnh Tùng giết vua Lê Kính Tông, Trịnh Giang hại Lê đế Duy Phương và gần đây hơn hơn hết, Trịnh Doanh vô cớ truất vua Lê Ý Tông, ấy là chưa kể bao nhiêu lần khác nữa, họ Trịnh đã tự ý bỏ và

lập các vua Lê, không luận gì đến lễ nghĩa Vua tôi và lòng mong mỏi của sĩ phu trong nước.

Họ Trịnh có cả thiên hạ mà vua Lê chỉ được hưởng lộc của một nghìn làng. Họ Trịnh chiếm đoạt cả chính quyền lẫn binh quyền; vua Lê chỉ được giữ năm nghìn lính Túc vệ để canh giữ các cung điện.

Họ Trịnh là một quyền thần, nối đời ức hiếp nhà Vua .

Trái lại, vua Lê không khác một pho tượng gỗ, giương đôi mắt bất lực nhìn cái thế lực điêu tàn của nhà mình bị chìm đắm dần vào cõi tiêu diệt.

Duy Vĩ oán họ Trịnh.

Nhưng chàng cũng tự biết rằng cái sức bạc nhược của nhà Lê lúc này, chăng đủ trừ được một con hổ dữ mà thời gian đã nuôi cho béo và khỏe vô cùng.

Chàng trông cậy vào tương lai.

Chàng kết giao với sĩ phu trong nước, hy vọng là sau này sẽ nhờ cái lực lượng của họ để lật đổ chiếc vai cầy mà nhà Lê phải đeo đẳng đã trên hai thế kỷ.

Duy Vĩ có trí lớn.

Chí ấy không phải Minh đô vương không biết. Nhưng giữa Vương và Thái tử, có tình bố vợ con rể nên tuy biết mà Vương vẫn làm ngơ. Không may cuộc hôn nhân chưa kịp thực hiện thì Tiên Dung Quận chúa qua đời. Giọt lệ khóc ý trung nhân của Thái tử chưa ráo thì lại tiếp đến Minh đô vương băng hà. Thế là cái cầu nối hai họ Lê và Trịnh bắc chưa xong đã bị đổ ngổn ngang bỏ lại giữa nhà Chúa và nhà Vua một cái vực sâu thẳm.

Trịnh Sâm được thay cha lên làm Chúa Bắc Hà, lấy hiệu là Tĩnh đô vương.

Tĩnh vương không quên câu đe dọa hồi còn ở ngôi Thế tử.

Nhưng mấy năm đầu, Vương sở dĩ còn dùi dẳng là vì truất bỏ một vị Thái tử không dễ như cách chức một tên nội giám trong cung; cần phải có một cớ - dù chính đáng hay không cũng được – để thân minh với quốc dân.

Sau rốt, Tĩnh vương tìm được một cớ là vu cho Thái tử thông gian với những phi tần của cha mình.

Không luận rằng cái cớ "tổ truyền"[4] ấy công chúng có chịu nuốt trôi hay không. Tĩnh vương cũng cứ sai hai viên quan hoạn thân tín là Vũ Huy Đĩnh và Hoàng Ngũ Phúc vào nội điện bắt Thái tử hạ ngục.

4. Trịnh Giang vu cho Lê đế Duy Phương thông gian với phi tần của cha là Trịnh Cương mà làm tội.

Người ta sẽ chê Thái tử là chất thực quá, nếu chàng không đoán biết là sẽ có một cái vạ tày đình từ Trịnh phủ gieo xuống thân mình mà liệu cách đề phòng.

Có, Thái tử đã đoán biết cả. Vì đoán biết nên chàng thận trọng từng ly, từng tý, khiến cho Tĩnh vương tuy tốn công dò xét mà không bắt được chàng làm một việc gì trái với pháp luật hay luân thường.

vua Lê cũng hết mực lo lắng cho con. Nhất là từ hồi trong giếng Tam sơn ở sau điện có tiếng nhưng tiếng sấm nổi lên thì nhà Vua lại càng tin rằng tất có biến cố xảy ra, nên cho cầu đảo suốt đêm ngày, hy vọng là thượng đế sẽ thấu tấm lòng thành của nhà Vua mà cho họ Lê được tai qua nạn khỏi.

Nhưng ý định của hóa công là bất di bất dịch.

Liệu biết là giờ khốc liệt của mình đã gần đến, Thái tử lẩn trốn vào nội điện của vua Lê, tin rằng họ Trịnh sẽ vì nể mặt nhà Vua mà cho Thái tử được an toàn. Nhưng đó là một cái ảo tưởng. Vì Vũ Huy Đĩnh, sau khi lục soát Đông cung rất kỹ càng mà không thấy Thái tử đâu cả, liền vào thẳng nội điện, cáo tố tội trạng của Thái tử với vua Lê, rồi tâu:

- Tôi nghe Thái tử ẩn trong điện, xin bệ hạ truyền cho Thái tử ra đây để tôi khỏi phải làm náo động nơi ngự tẩm.

vua Lê thừa hiểu rằng con mình vô tội, nhưng nếu cưỡng với chúng cũng chẳng được nào, thành ra cứ dùng dằng không nỡ rời con. Thái tử vội ra mặt khóc lậy từ cha, rồi thân xuống thềm cho Vũ Huy Đĩnh bắt, giải về Vương phủ.

Đến trước Tĩnh đô vương, Vũ Huy Đĩnh giục chàng cởi mũ và quỳ xuống chịu tội. Nhưng Thái tử không nghe, hằm hằm nói:

- Thí nghịch, phế lập là việc thường của Chúa tôi nhà mày. Ta đây phỏng có tội gì? Sau này sẽ có sử xanh định liệu!

Nhưng một câu nói của Thái tử có khi nào làm chuyển một khối óc của một bọn người mà lương tâm đã bị mù, điếc vì sự hằn thù.

Người ta cứ thi hành đúng những cơ mưu đã định sẵn.

Người ta giáng Thái tử Duy Vĩ làm thứ dân mà hạ ngục.

Người ta đặt vào ngôi Thái tử, người con thứ tư của vua Lê C ảnh Hưng – Lê Duy Cẩn – một ông hoàng có bộ xương sống rất mềm, lại chăm ra vào Trịnh phủ.

Tấm lòng hờn oán của Tĩnh đô vương tuy vậy vẫn chưa được thỏa mãn. Vì xưa kia chẳng phải Thế tử Trịnh Sâm đã đứng trước Thái tử Duy Vĩ mà thề: "Hai chúng ta tất phải có một người sống, một người chết!"

Thế tử hiện nay đã lên ngôi Chúa, quyết là không chết được rồi. Vậy kẻ cần phải khước bỏ ra ngoài ánh sáng mặt trời, hẳn không còn ai khác là Thái tử Duy Vĩ, tuy Duy Vĩ đã không là Thái tử nữa!

Để hại Duy Vĩ, Tĩnh vương lại tìm ra được cớ thứ hai: vu cho Duy Vĩ mật mưu với bọn gian thần là Nguyễn Lệ, Lương Giản và Vũ Bá Cảnh để vượt ngục ra ngoài làm loạn.

Lương Giản may biết sớm, trốn thoát.

Vũ Bá Cảnh chậm chân, bị Vũ Huy Đĩnh bắt được, tra tấn đến cực hình. Bá Cảnh không nhịn được đau, phải nhận liều là có âm mưu thật và phun bậy ra thêm một người nữa là Điện tiền hiệu điểm, Nguyễn Lệ, tức là viên tướng quản lĩnh đội cấm binh của Duy Vĩ khi còn làm Thái tử.

Người ta bắt Nguyễn Lệ mà tra tấn.

Lệ khẳng khái, khai:

- Thái tử là ông Vua tương lai của một nước, không có tội gì mà bị bắt giam thì ai chẳng bất bình. Mưu cướp Thái tử ra khỏi ngục là nghĩa cử đó. Tôi chỉ tiếc rằng không được dự vào việc này. Vả trong khi Thái tử bị giam, đến vợ con cũng không được vào thăm thì chúng tôi phỏng còn mật mưu được với Thái tử bằng cách nào? Nếu muốn giết tôi thì cứ giết. Hà tất phải vu cho tôi những việc mà tôi không dự một mảy may nào cả.

Lại một lần nữa, người ta không cần phải tra cứu xem việc đó có thực hay không.

Các quan thẩm phán vẫn là Vũ Huy Đĩnh và Hoàng Ngũ Phúc – đã tiếp được mật lệnh phải kết án bọn Nguyễn Lệ và Vũ Bá Cảnh.

Họ cứ ngoan ngoãn mà kết án: hai người phải chịu tử hình.

Duy Vĩ cố nhiên cũng cùng một số phận với hai người trên. Nhưng vì trọng chàng là Thái tử cũ nên cho chàng được chết một cách kín đáo, nghĩa là đặc biệt hơn. Cho nên trong lúc Nguyễn Lệ và Vũ Bá Cảnh phải rụng đầu, giữa những tiếng chiêng và trống om sòm trên bến Thảo Tân thì Thái tử Duy Vĩ lẳng lặng tự kết thúc đời mình bằng ba vuông lụa mỏng trong một gian phòng tối tăm và ẩm ướt tại ngục Đề Lĩnh.

Lúc ấy vào khoảng cuối giờ Ngọ.

Cũng là lúc một tấm màn hắc ám bao phủ lên đô thành Thăng Long.

Người Việt Nam, luôn tin tưởng là có thần quyền, cho đó là một trạng thái gây ra bởi oan hồn của Thái tử Duy Vĩ[5].

[5]. Theo các nhà viết sử thì sau khi giết được Thái tử Duy Vĩ, Trịnh Sâm có ý cướp luôn cả ngôi báu của nhà Lê. Một hôm, ăn chay, tắm gội rất sạch sẽ, Sâm lên Tây hồ, định cầu chiêm bao, nghĩa là nhờ thần thánh quyết định giúp một việc mà chính Sâm còn do dự chưa dám làm. Nhưng dọc đường, phảng phất có người như Thái tử Duy Vĩ đứng ngăn lấy kiệu, Sâm sợ hãi, phải truyền quay về. Đêm ấy Sâm nằm mơ thấy có người áo đỏ, khăn hồng, tay cầm chiếc bơi chèo, vén màn lên chòng chọc nhìn mình . Sâm hỏi: "Ai?" thì người ấy đáp: "Ta là Thái tử Duy Vĩ đây!" Từ đó Sâm vì lo sợ quá mà thành bệnh, không thuốc thang nào khỏi nữa.

ĐỜI HAY LÀ HAI CÁNH CỬA NHÀ NGỤC

Đám mây đen đã tản dần để nhường chỗ cho hoàng hôn sắp tới.

Trên con đường tắt từ Linh Đường sang Dịch Vọng, thoáng có bốn cái bóng người lên lủi trên đồng lúa xanh rì. Trong bốn người đó, thật ra chỉ có một là đủ tính cách để được gọi là người, vì là một thiếu phụ, trạc ngoại ba tuần; còn ba là những đứa trẻ măng sữa mà đứa lớn nhất chưa đầy bảy tuổi, gay dắt một thằng bé lên năm. Đứa thứ ba thì do thiếu phụ ẵm trong lòng, nó mới ngoài ba mươi tháng.

Thiếu phụ, cũng như ba đứa trẻ, đều bận quần áo nâu đã bạc màu. Nhưng dưới mảnh vải thô lỗ, ngấn lên những thân hình rất đều đặn, phủ bằng nước da trắng mịn.

Thiếu phụ tuy đã đứng tuổi, nhưng đôi môi đỏ thắm không khác gì một vệt son mềm mại điểm trên khuôn mặt trái xoan. Mái tóc của nàng bị gió đập mạnh, xổ ra đen nhánh và gợn lên như những làn sóng nhỏ.

Ba đứa trẻ, con thiếu phụ, đều tuấn dị hơn các trẻ thường. Nhất là đứa lên bảy thì, thoạt trông, ai cũng biết là sẽ có một tương lại oanh liệt.

Đứa bé này, hai tai rất lớn, đôi con mắt đen và sáng, lúc nào cũng óng ánh như hai vì sao, tiếp với cái miệng hơi rộng, hẳn có một cái cằm rất nở, biểu lộ khối óc cương quyết và đại lượng.

Bốn người có lẽ đi đã lâu lắm. Vì trừ đứa bé được ẵm ra thì ai nấy đều bị bùn phủ lên đến đầu gối và bước cao bước thấp, coi rất nặng nề.

Tuy không phải bận rộn về thằng bé lớn nhất nó vẫn gắng gượng bước trên bùn lầy, nhưng thiếu phụ thỉnh thoảng vẫn phải ngừng lại để dỗ dành thằng bé lên năm. Thằng này cứ khóc và nhất định ngồi bệt xuống đường, kêu đau chân quá, không thể đi được.

Đến cuối làng Dịch Vọng thì trời vừa tối và lất phất có mấy hạt mưa. Tự liệu là có ép mấy đứa trẻ đi cố cũng không ích gì, thiếu phụ do dự một chút, rồi đi rẽ vào một ngôi nhà gỗ ở gần vệ đường, phía trong nhà có ánh đèn le lói, nàng đánh bạo gọi cổng xin vào ngủ trọ. Nhưng vừa dứt lời thì đã thấy một ông già hấp tấp chạy ra, ông ta dẫn đường cho thiếu phụ và dắt hai đứa trẻ vào. Ông lại thân đi lấy nước cho khách rửa chân tay, rồi mời cả lên một cái bục cao kê ở giữa nhà, trên đặt sẵn một mâm cơm bày thức ăn la liệt.

Thấy cách tiếp rước của chủ nhân rất vồn vã và sự khoản đãi hình như đã dự định từ trước, thiếu phụ không khỏi kinh ngạc và cố ý khước từ:

- Mẹ con tôi lỡ độ đường, được cụ cho nghỉ nhờ một đêm, cũng đã là may mắn lắm rồi, có đâu dám phiền cụ quá như vậy!

Ông già liếc nhìn mấy đứa trẻ, rồi cung kính thưa:

- Đêm qua, tôi chiêm bao thấy thần truyền: "Phải quét dọn nhà cửa cho sạch sẽ. Ngày mai sẽ có Vua và thái hậu đến đây". Tôi mong suốt cả ngày hôm nay, tuyệt nhiên không thấy một ai. Bây giờ mới có bà và ba cậu xin vào ngủ trọ. Tôi chắc không phải họ hàng nhà Vua thì cũng là dòng dõi nhà Chúa chứ không sai.

Thiếu phụ hơi biến sắc mặt, nhưng lại nghiêm nghị nói:

- Mộng mị xưa nay có đúng sự thực bao giờ, cụ lầm đấy. Không nên nói quấy quá mà có khi nguy hiểm đến tính mạng.

Ông già làm thinh không đáp. Nhưng những cử chí rất thành kính của ông sau này đủ chứng rằng lời thiếu phụ chẳng đánh đổ nổi sự tin tưởng của ông. Ông hết sức chăm nom cho mấy đứa trẻ và tự buông màn lấy mời thiếu phụ đi nghỉ.

Hôm sau, thiếu phụ dậy thật sớm, cáo biệt chủ nhân, rồi lại ẵm và dắt ba con lên đường. Ông già cố giữ lại ăn cơm sớm, nhưng nàng nhất định chối từ. Ông liền tặng vài nắm cơm với một chút đồ ăn và tiễn ra đến tận cộng.

Dọc đường, chốc chốc thiếu phụ lại cúi đôi con mắt đẫm lệ xuống

nhìn nhìn hai con và nghẹn ngào thúc giục cho chúng đi thật mau lên, mặt trời vừa đứng bóng thì mẹ con nàng đã đến Đại Phùng, một bến đò trên con đường Sơn Tây, cách đô thành chừng bốn mươi dặm.

Thấy hai con đã mệt lử, thiếu phụ liền ghé vào một quán nước, bỏ cơm nắm ra ăn. Nhưng nàng vừa cắt xong cơm nắm đặt lên vỉ với một chút muối vừng thì, phía ngoài chợt có tiếng ngựa hý, xen lẫn với tiếng rầm rập của chân người. Bất giác nàng đứng dậy, toan dắt ba con ẩn vào sau quán thì đã có hàng trăm tên lính nón dấu, áo nẹp đổ xô vào, vây bọc lấy mẹ con nàng.

Từ đám đông đó, một viên tướng tiến lên, vái chào thiếu phụ thưa:

- Thần được lệnh của Chúa thượng đi thỉnh lệnh bà và các hoàng tôn về an trí ở kinh thành, xin lệnh bà mau mau lên võng để thần khỏi phải làm trái với đạo thần tử.

Nước da đang trắng nõn bỗng đổi sang tái nhợt, thiếu phụ đứng trơ như một khúc gỗ, giữa mấy đứa trẻ níu chặt lấy áo mẹ nó để cầu sự che trở trước một bọn người mà chúng không hề quen biết bao giờ. Song hình như lại định thần được ngay, thiếu phụ đáp lại những câu thúc giục của viên tướng bằng một cái gật đầu. Tiếp, lẳng lặng nàng dắt con ra đặt lên một cái võng mà người ta đã dựng ở cửa tự lúc nào, chính nàng cũng không được biết.

Bắt được mẹ con thiếu phụ rồi, Vũ Huy Đĩnh (tên viên tướng) vui vẻ nhảy lên mình ngựa, hộ quân kéo thẳng lên Sơn Tây. Trên võng thiếu phụ vẫn thản nhiên vuốt ve ba con. Nhưng chúng thấy phu khiêng võng đi lanh như gió cuốn thì kinh sợ, hỏi mẹ:

- Họ đưa chúng ta đi đâu mà vội vàng thế hả mẹ?

Thiếu phụ ung dung đáp:

- Xuống âm phủ để xum họp với cha các con đấy!

Đứa lớn nhất hiểu thấu câu ấy nên mặt thoáng có vẻ buồn. Trái lại, thằng bé lên năm tưởng là lời nói ngay thật thì vỗ tay reo:

- Được thế thì còn gì vui hơn nữa, mẹ nhỉ!

Thiếu phụ gật đầu, trong khóe mắt rân rấn ra hai giọt lệ

Ngay ngày hôm ấy, cả bọn cùng tới trấn lỵ Sơn Tây. Nhưng cái

danh phận của tội nhân có lẽ khí quá lớn, không xứng với cái uy quyền khí nhỏ quá của viên Hiến sát sứ Trấn Đoài, nên người ta lại do con đường cũ mà giải mẹ con thiếu phụ về Thăng Long.

Tới đô thành, Vũ Huy Đĩnh đưa thẳng tội nhân đến ngục Đề Lĩnh mà giam vào một gian phòng ẩm ướt và tối tăm, gian phòng mới bỏ rỗi được hai ngày, vì chủ nhân cũ của nó vừa chịu tử hình.

Trước khi trở về Trịnh phủ để phục mệnh Tĩnh đô vương, Huy Dĩnh còn dõng dạc truyền bảo giám ngục quan:

- Phải canh phòng cẩn mật, nghe không? Chúng toàn là những tử tù cả đấy!

TỪ NHÀ NGỤC ĐẾN NHÀ VÀNG

Hai tiếng "tử tù" thốt ra từ miệng Quận Đĩnh bất giác làm cho thiếu phụ rùng mình. Nàng hình dung nó là một chén thuốc độc hay ba vuông lụa mỏng đã kết liễu biết bao cuộc đời lỗi lạc, trong những buồng ngục ẩm thấp ở Bắc Hà.

Nàng không sợ chết, nếu cái chết chỉ là món quà để tặng riêng nàng. Vì, chết đối với nàng là trút bỏ tất cả những nỗi đau khổ âm thầm, là sang một thế giới vô hình để sum họp với người, vì Tiên Dung Quận chúa xấu số đã nhường cho nàng được nâng khăn sửa túi.

Nhưng nàng vẫn hết sức lẩn trốn cái chết không phải vì nàng mà vì ba đứa trẻ - ba khối thịt trong là máu nàng hòa lẫn với máu của Thái tử Duy Vĩ.

Thiếu phụ mà các Ngài đã nhận ra là Lê Hoàng phi, vợ Thái tử Duy Vĩ – lợi dụng lúc bầu trời u ám, dắt theo ba con lên Sơn Tây, định gửi gấp cho một người thân. Nhưng không may, mẹ con Hoàng phi bị Quận Dĩnh đuổi bắt được ở dọc đường.

Bắt, tức là chết.

Cái ý nghĩ Thái tử sẽ bị tuyệt tự, đối với Hoàng phi đã là một mối đau khổ vô cùng. Nhưng còn có điều đau khổ hơn nữa, điều đó làm cho Hoàng phi đứt từng khúc ruột là chẳng chóng thì chầy người ta sẽ mang ba đứa trẻ ra hành hình. Hoàng phi sẽ phải chứng kiến cho bọn ngục tốt rằn ba đứa trẻ ra mà đổ thuốc độc vào miệng chúng, cũng như người ta đã từng ép đổ cho những tội nhân không đủ can đảm nâng lấy chén thuốc độc để tự kết liễu đời mình.

Ba đứa trẻ sẽ khóc và giẫy giụa, nhưng cái thân hình yếu ớt của chúng không khi nào chống nổi được những cánh tay vạm vỡ của bọn ngục tốt đã thông thạo về nghề này.

Thuốc độc sẽ ngấm vào phủ tạng của ba đứa trẻ.

Da chúng tái dần đi.

Các khiếu của chúng ứa máu tươi ra.

Chúng quằn quại nhưng những con rắn bị thương.

Mắt chúng trợn ngược lên.

Chúng tắt nghỉ.

Nghĩ đến đây Hoàng phi không còn đủ can đảm để tự kiềm chế nữa. Bà hét lên một tiếng, rồi ngất đi. Đứa bé nhất trong ba đứa trẻ giật mình, cũng òa lên khóc. Hai đứa lớn thấy mẹ nó nằm trơ ra như khúc gỗ thì sợ hãi, kêu cứu rầm lên. Bọn ngục tốt vội chạy vào, kẻ giựt tóc mai, người đổ nước gừng. Hồi lâu, Hoàng phi tỉnh lại, nhưng từ đó, mỗi lần nhà ngục có tiếng động lại làm cho Hoàng phi sợ đến thất thần, tưởng lầm là người ta đã đến đưa con bà vào cõi chết.

Sự sợ hai, khi đã không đủ sức mạnh để giết những người mà nó hành hạ, thường lại bắt thói quen với những người ấy mà tặng cho họ một đức tính mới là khinh sống hoặc cũng gọi là liều.

Lê Hoàng phi, vì liều nên ao ước được chết một cách chóng vánh để khỏi phải chịu cái sống đầy ải ở ngục thất là một lối chết thong thả và âm thầm.

Ba con trai của Hoàng phi – Lê Duy Khiêm, Lê Duy Tự[6] và Lê Duy Chỉ - kết tinh bằng những giọt máu tôn quý nhất trong nước, cũng phải chia với mẹ chúng một số phận hẩm hiu. Nhất là Duy Khiêm, đứa trẻ đã có đôi chút trí khôn thì ngoài cái đau khổ về bản thân mình, lại càng đau khổ hơn nữa, khi thấy mẹ nó rầu rĩ suốt ngày, vì thương chồng chết oan uổng, và thương con sống đầy đọa.

6. Có nơi chép là Duy Du.

Tuy nhiên, thời gian vẫn giúp cho ba đứa trẻ khôn lớn. Nhưng trong lúc ở bên ngoài, không biết bao nhiêu đứa trẻ khác gọi là hèn kém, được học hành và chạy nhảy tự do trong bầu không khí rộng rãi là của chung muôn vật thì ba đứa cháu nội của một ông Vua đương trị vì – Vua Cảnh Hưng – phải ngồi co ro bên cạnh mẹ nó, trong một gian buồng chật hẹp và thở hút những mùi hôi hám và ẩm ướt từ những cánh cửa và cột gỗ mục nát bốc ra.

Chúng không được trông thấy gì khác là những xiềng xích hoen rỉ và bộ mặt hốc hác của các tội nhân.

Chúng không được nghe gì khác là những tiếng kêu não ruột của những con dế cô quạnh ẩn trong chân tường.

Hàng ngày, người ta nhồi nhét cho chúng vài nắm cơm mà vôi với đá sỏi vẫn chiếm số nhiều hơn là gạo nguyên chất của nhà trời.

Thế giới của chúng là nhà ngục.

Nhãn giới của chúng không bao giờ được ra khỏi cái phạm vi chật hẹp ấy.

Khi có ánh mặt trời xuyên qua khe cửa mà chiếu vào tận chúng thì chúng biết là ngày.

Khi buồng ngục bỗng tối sầm lại thì chúng bảo là đêm.

Chúng không biết có tháng năm.

Chỉ khi nào – khi ấy cách xa nhau lắm – phía ngoài có tiếng pháo nổ rồn rã thì mẹ chúng lại nhắc cho chúng biết rằng đời chúng đã tăng lên một tuổi rồi.

Từ khi chúng bị giam, thấm thoắt đã mười lần pháo nổ, nghĩa là đã mười năm. Duy Khiêm đã gần đến tuổi trưởng thành; chàng mười bảy, Duy Tự, mười năm; Duy Chỉ, mười ba.

Lê Hoàng phi chú ý nhìn ba con, thấy chúng càng lớn, diện mạo càng tuấn tú, khác hẳn mọi người, bất giác thở dài. Bà nghĩ đến những đứa trẻ rạng rỡ như thế, nếu được ra khỏi nhà ngục thì dù không được theo dòng máu của cha chúng mà lên ngôi hoàng đế chăng nữa thì chúng cũng có thể tự làm được đến công hầu.

Nhưng ngày ra khỏi ngục là ngày nào?

Hoàng phi chờ nó đã mười năm.

Bà tin rằng sẽ phải chờ nó mười, hai mươi năm nữa và có lẽ suốt đời.

Tóm lại, ngày ấy sẽ không bao giờ đến.

Bà ôm mặt khóc, theo lệ thường, ba con trai xúm lại khuyên giải mẹ chúng và tặng cho bà một thang thuốc hồi sinh là hy vọng vào tương lai.

Nhưng điều chúng mong mỏi, lần này đến thật.

Vì phía ngoài, chợt có tiếng ồn ào, tiếp đập phá cửa ngục dữ dội. Tiếng đập phá vừa im thì có hàng trăm, nghìn người áo xanh, áo đỏ rất sặc sỡ đổ xô vào sân ngục, tản ra, đi lục lọi khắp mọi nơi.

Một người trong bọn họ tình cờ phá được cửa phòng của Lê Hoàng phi, hắn trông vào, thấy anh em Duy Khiêm thì lớn tiếng reo:

- Anh em ơi! Hoàng tôn đây rồi!

Cả bọn liền xô đến gian phòng này. Rồi người dắt hoàng phi, kẻ cõng Duy Khiêm, Duy Tự và Duy Chỉ. Họ tỏ ra vui mừng và hò reo như sấm động mà kéo thẳng vào Hoàng thành. Tới điện Vạn Thọ, anh em Duy Khiêm đã thấy ông nội mình là vua Lê Cảnh Hưng – một ông già mà mười năm cách biệt đã làm cho đầu hói và trán nhiều nếp nhăn thêm – đứng đón ở trước thềm.

Nhà Vua mừng rỡ vuốt ve cháu.

Tiếp, đến cả hoàng tộc quây quần lại hỏi han anh em Duy Khiêm.

Bức phông đời của ba cậu bé này, từ chỗ tối tăm của nhà nhục, chỉ trong chớp mắt đã đổi sang một nơi mà đồ trang sức đều là vàng, son, gấm, vóc.

KIÊU BINH NỔI LOẠN

Anh em Lê Duy Khiêm được thoát khỏi cái đời u tối ở nơi ngục thất mà trở về ánh sáng mặt trời là do tình cờ. Nhưng chỉ là tình cờ nhỏ bị bao hàm trong một tình cờ lớn nó đã đẩy nước Việt Nam vào một cuộc loạn ly ròng rã tới một phần tư thế kỷ.

Đầu mối của nó là cuộc đảo chính mà người đương thời gọi là "loạn kiêu binh".

Kiêu binh chính tên là ưu binh, hoặc cũng gọi là "lính Tam phủ" là hạng lính được ưu đãi hơn lính các nơi khác (các trấn), vì chúng là lính mộ ở hai xứ Thanh, Nghệ, nơi phát tích của hai họ Trịnh và Lê. Vì hai xứ này đã có công lớn trong việc phục hưng và sáng nghiệp của vua Lê và Chúa Trịnh, nên lính hai xứ ấy được coi như chân tay của nhà Vua và nhà Chúa.

Ưu binh được bổng hậu hơn lính các trấn. Số công điền mà họ được hưởng cũng nhiều hơn. Và, trong lúc lính cách trấn phải đi "thú" nghĩa là lên đóng ở các tỉnh thượng du để chịu cái khổ lam sơn chướng khí và

Chặt tre đẵn gỗ trên ngàn,

Hữu thân hữu khổ, phàn nàn cùng ai.

Thì ưu binh được sống một đời nhàn nhã ở Thăng Long, công việc hàng ngày của họ không có gì nặng nhọc hơn là canh giữ các điện Vua và phủ Chúa.

Lính Tam phủ cũng như hầu hết các quân nhân khác thường là thất học. Khi được ưu đãi như vậy thì không những chúng không hiểu là một cái ơn riêng, cần phải dè dặt mà chúng lại còn trở nên kiêu căng, không coi ai ra gì cả.

Dân Bắc Hà vì ghét lính Tam phủ nên đặt cho chúng một tên

chung là kiêu binh.

Vì được nhàn rỗi nên kiêu binh thường họp nhau ở ngoài phố mà uống rượu và chòng ghẹo đàn bà con gái. Túng tiền thì chúng đi cướp phá của các nhà bình dân.

Quan lại, hãn hoặc có người nghĩ cách trừng trị chúng thì chúng dọa giết, phá nhà.

Về đời Tây vương Trịnh Tạc, hai quan Tham tụng (tể tướng) là Phạm Công Trứ và Nguyễn Quốc Trinh mật xin với Chúa Trịnh đàn áp bọn kiêu binh. Chúng nghe biết, liền kéo đến phá nhà hai ông này. Nguyễn Quốc Trinh bị chúng giết chết, Phạm Công Trứ máy trốn thoát.

Tây vương tra ra việc này, liền mang mấy tên thủ xướng ra chém, nên bọn kiêu binh từ đấy mới chịu nhụt đi chút đỉnh.

Đến đời Ân vương Trịnh Doanh, kiêu binh lại phá nhà quan Tham tụng là Nguyễn Công Thái. Chúng lại bị trừng phạt rất nghiêm. Nhưng đến cuối đời Tĩnh vương Trịnh Sâm thì chính sự của Vua và Chúa đều đổ nát quá rồi.

Vua Chúa yếu, lẽ tự nhiên là kiêu binh lại mạnh. Nhưng lính Tam phủ có lẽ cũng chưa thành một mối họa lớn cho Bắc Hà, nếu không có một cuộc tranh giành rất khốc hại xảy ra ở ngay trong nội bộ nhà Chúa.

Nguyên khi về già, Tĩnh vương rất say mê một người vợ lẽ tên là Đặng Thị Huệ, tục gọi là "bà Chúa Chè". Vương tuy đã có một con trai lớn là Trịnh Khải, nhưng vì ghét Khải là con vợ cả nên không lập làm Thế tử, mà định truyền ngôi cho con trai Thị Huệ là Trịnh Cán, một đứa trẻ quặt quẹo ngày từ lúc mới đẻ và không thuốc thang nào chữa được.

Thị Huệ muốn có vây cánh trong chính phủ nên liên lạc với tước Huy quận công là Hoàng Tố Lý, một đại thần được Sâm rất tin dùng.

Trong lúc Tĩnh vương yếu nặng, Trịnh Khải xin vào thăm, nội giám – theo lệnh của Huy quận – nhất định không cho vào, Khải buồn bực quay về, mang cái khổ tâm của mình nói ra với bọn gia thần là Thế Vũ, Thẩm Thọ và Đàm Xuân Vực. Bọn này khuyên Khải nên sắm khí giới và một lấy một ít dũng sĩ để trực sẵn trong nhà, đợi khi nào Tĩnh vương mất thì giết Hoàng Tố Lý, hạ ngục Đặng Thị Huệ và Trịnh Cán, rồi tự lập lên làm Chúa. Lại sợ các

Trấn không phục mà khởi loạn. Đàm Xuân Vực khuyên Khải nên mật ước với thầy học cũ của Khải là Nguyễn Khản, đốc trấn Sơn Tây và Nguyễn Khắc Tuân đốc trấn Kinh Bắc; hẹn sau này sẽ mang quân về giúp.

Cho lời bàn của Xuân Vực là phải, Trịnh Khải liền y kế thi hành. Ngoài ra lại sai người mang một nghìn lạng bạc lên Lạng Sơn tậu ngựa.

Không may có kẻ biết mưu này, đến báo với Đặng Thị Huệ. Lại gặp lúc bệnh của Tĩnh vương cũng vừa thuyên giảm. Vương nghe tin Trịnh Khải có âm mưu làm loạn thì tức giận vô cùng, lập tức cho đòi Nguyễn Khản, Nguyễn Khắc Tuân và tất cả những người đồng mưu về mà trị tội. Bọn Đàm Xuân Vực ngọt mười người phải chịu tử hình, Nguyễn Khắc Tuân tự tử trong ngục.

Việc này các nhà làm sử gọi là "vụ án năm Canh Tý".

Trịnh Khải vì là con của Chúa nên được miễn tội chết. Nhưng bị giáng làm quý tử, nghĩa là mất hết quyền nối ngôi cha, làm Chúa Bắc Hà.

Nhân việc này Đặng Thị Huệ xin với Tĩnh vương lập con mình là Trịnh Cán lên làm Thế tử.

Được ít lâu, bệnh của Vương lại phát ra rất nặng và tự liệu là không thể sống được. Vương liền mang việc lập Trịnh Cán làm Chúa mà ủy thác cho Huy Quận công. Nhưng Huy quận cho rằng một mình mình không kham nổi nên xin lập một hội đồng phụ chính trong có bảy người là Nguyễn Hoàn, Trịnh Kiều, Phạn Lê Phiên…

Tĩnh vương mất.

Bọn Huy quận theo di chúc lập Cán lên làm Chúa, lấy hiệu là Điện đô vương.

Trịnh Khải từ vụ án năm Canh Tý vẫn bị giam rất ngặt, nay được nới ra một chút để về phủ chịu tang. Khải nhân cơ hội liên lạc với bọn kiêu binh. Bọn này, phần vì ái ngại cho Trịnh Khải là con trưởng mà không được lập lại bị giam cầm khổ sở, phần khác vì ghét Quận Huy và Đặng Thị Huệ lộng quyền, liền họp nhau lại giết Quận Huy, bắt giam Đặng Thị Huệ, Trịnh Cán và lập Trịnh Khải lên thay, lấy hiệu là Đoan nam vương.

Đoan nam vương, vì là người chịu ơn của bọn kiêu binh, nên phải

chiều chuộng chúng và mặc ý muốn làm gì thì làm. Kiêu binh nhân đó càng ngày lại càng kiêu thêm. Chúng tin rằng chúng có những quyền hạn vô đối, dù Vua chúa cũng không bằng.

Một hôm nhân họp nhau uống rượu, có kẻ nhắc đến việc Thái tử Duy Vĩ bị chết oan và vợ con bị giam cầm. Thế là chúng nhao nhao lên, rồi chẳng suy nghĩ gì cả, chúng kéo ùa cả đến ngục Đề Lĩnh mà rước mẹ con Duy Khiêm về điện.

QUYỀN CỦA MẠCH MÁU

Trời sẩm tối.

Tiết cuối thu tỏa lên mặt nước Tây Hồ một màn sương trước còn lờ mờ, sau tối hẳn.

Đồng thời với các đồn khác, đồn Thụy Chương cũng vừa điểm xong hồi trống thu không. Từ chòi canh, viên biện lại thủng thỉnh quay xuống trú phòng định lấy rượu ra uống để giải khuây cái buồn lữ thứ. Nhưng thày vừa rót được một chén thì một cậu vệ mải mốt chạy vào, nói có người xin mở giúp cửa ô để cáng một người thân ra ngoài thành phục thuốc.

Kinh thành gần đây luôn luôn bị náo loạn, nên các cửa ô cần phải khám xét rất ngặt những người ra vào.

Đó là lệnh của chính phủ.

Nhưng chính phủ không bằng chén rượu mà hơi men đã bốc lên rất nồng nàn. Không buồn quay lại phía cậu vệ đương kiên nhẫn đứng chờ, thày biện dõng dạc truyền:

- Cho đi.

Rồi thày cứ ung dung nâng lấy chén rượu, mắt lừ đừ nhìn ra con đường cổ ngư xa thẳm như một con rắn nằm vươn mình giữa hồ Tây và hồ Trúc Bạch. Viên biện lại vừa cạn chén rượu thì thốt giật mình, vì phía ngoài có tiếng kêu dữ dội. Để ý kỹ thì nhận thấy tiếng ấy phát ra ngay trong cỗ cáng mà người đi theo khai là khiêng một bệnh nhân. Người nằm trong cáng không những kêu la ầm ĩ, trái với hơi thở yếu ớt của các bệnh nhân thường mà lại còn giẫy giụa khiến cho người khiêng đi rất khó khăn tuy bọn này đã cố rảo bước để mau tới đích.

Viên biện lại không khỏi ngạc nhiên về thái độ của bệnh nhân đó,

nên gọi giật lại định xét xem người trong cáng là ai. Nhưng thày càng gọi thì phu cáng càng chạy thật nhanh. Tức giận viên này liền cùng với mấy người Vệ binh chạy ra đuổi theo giữ lại. Bọn phu cáng và người đi kèm tự liệu là khó lòng trốn thoát, liền quẳng cáng xuống đất mà chạy tháo thân, không đuổi theo nữa, nên biện lại sai lính mở cáng ra xem thì thấy phía trong có một cậu thanh nhiên bị trói chặt cả chân tay, vừa bị ngất đi, vì bị quẳng xuống đường mạnh quá.

Bọn lính vội khiêng thiếu niên vào trong điếm và dùng mọi cách để cấp cứu như giựt tóc mai, đổ nước gừng... Hồi lâu thiếu niên tỉnh lại. Viên biện lại gạn hỏi thì thiếu niên nói tên là Lê Duy Khiêm hồi chiều đương chơi ở trong điện thì có kẻ xin vào hầu, nói là nội giám ở Vương phủ. Vì nghe tin chàng mới được thoát nạn, Trịnh Thái phi muốn xem mặt, nên cho cáng sang rước. Duy Khiêm còn đương ngần ngại thì viên nội giám kia cố gò chàng lên cáng mà khiêng đi. Khi ra khỏi cửa Tuyên Vũ, Duy Khiêm không thấy khiêng mình qua Trịnh phủ mà lại đi tuốt lên ô Thụy Chương thì lên tiếng hỏi. Nhưng viên nội giám không nói năng gì hết, lấy giẻ nhé vào miệng chàng và trói chặt chân tay chàng lại mà khiêng ra cửa ô. Đến đấy may chàng lấy lưỡi đẩy được nắm giẻ ở miệng ra, kêu lên được, nên mới thoát nạn.

Viên biện lại biết thiếu niên mà mình vô tình cứu thoát, chính là hoàng tôn Lê Duy Khiêm thì mừng rỡ không biết ngần nào. Viên này vội lấy cơm rượu cho hoàng tôn ăn uống, rồi thông báo cho tất cả bạn đồng ngũ trong thành. Bọn quân nhân nghe biết việc này thì tức giận vô cùng, kéo cả đến mà săn sóc cho hoàng tôn và hết sức truy nã những kẻ đã lập mưu mà họ ngờ là trong số đó có cả Thái tử Duy Cẩn. Vì họ tin rằng Lê Duy Cẩn vì sợ hoàng tôn tranh mất ngôi Thái tử của mình nên đã nghĩ mưu làm hại cháu.

Họ tưởng lầm.

Thủ phạm chính là Trịnh Thái phi, người đã quá yêu cho rước hoàng tôn sang Vương phủ để xem mặt.

Nguyên khi Duy Vĩ bị giết, Thái phi rất tán thành việc lập Duy Cẩn lên thay. Khi kiêu binh phá ngục Đề Lĩnh, Thái phi thấy anh em Duy Khiêm được bọn quân nhân cực lực hoan nghênh thì lo rằng Duy Khiêm còn, cái tương lai của Duy Cẩn sẽ bấp bênh. Bà nghĩ chỉ có cách là trừ Duy Khiêm đi thì mới ổn thỏa hết được. Bà liền sai người giả làm nội giám vào cung nói là để rước hoàng tôn sang Vương phủ chơi, nhưng sự thực là mang hoàng tôn ra dìm xuống dòng sông Nhị.

Kiêu binh không biết việc đó nên quy oán cả cho Thái tử Duy Cẩn.

Hôm sau, chúng kéo đến Vương phủ, xin Đoan Nam vương tra cứu những kẻ đã định ám hại hoàng tôn tình cờ gặp các đồ lộ bộ của Duy cẩn để ở cửa phủ. Chúng tức giận nói:

- Làm Thiên tử đã dễ mà được à! Để chi nhưng đồ này cho hắn làm những điều trái phép!

Nói rồi, đập phá cả cả đồ lộ bộ. Duy Cẩn lúc ấy đương ở trong phủ, sợ quá, phải lẻn ra cửa sau , đi bộ mà về.

Đoan Nam vương nguyên đã biết là mưu ở Thái phi, nên phải ôn tồn khuyên dụ quân lính và lập tức cho thảo biểu xin đặt Duy Khiêm vào ngôi Đông cung và giáng Duy Cẩn xuống làm Sung Nhượng công.

Duy Khiêm nhờ ở sự tình cờ mà ra khỏi nhà ngục, nay lại nhân một tình cờ nữa mà không những thoát chết, lại còn được bước lên ngôi Đông cung là một bậc thang để trèo lên tới ngai vàng.

Từ kẻ tử thù, chàng lần lượt đóng vai hoàng tôn, Thái tử, trong khi chờ làm một vị đế vương. Cũng may ngoài cái quyền máu ra chàng đã có được những tư chất thông minh, nên tuy vai trò thay đổi mau chóng mà chàng không đến nỗi bị khổ tâm vì vấp váp.

Nguyên sau khi được chính vị Đông cung rồi, triều đường liền cắt quan tư giảng để dạy Hoàng tự tôn học. Duy Khiêm học đâu nhớ đấy, nên chỉ trong vài năm, các kinh sử đều thông hiểu. Chàng lại biết ăn ở hiền hiếu nên tiếng tăm đồn khắp mọi nơi. Bọn kiêu binh nhân thế, muốn tác thành cho một người mà cái mệnh hệ đã do chúng tạo ra. Chúng bàn nhau định xin vua Lê Cảnh Hưng thoái vị để nhường ngôi cho chàng.

Việc này tuy mới là dự định, song có lẽ chẳng bao lâu nữa sẽ thực hành, nếu trong nước không xảy ra một biến cố nó đã xoay tiền đồ nước Việt Nam sang một phương hướng khác hẳn với chỗ mọi người mong mỏi.

ĐOAN NAM VƯƠNG MOI RUỘT TỰ SÁT

Kiêu binh, vì là ân nhân của cả nhà Vua lẫn nhà Chúa, nên tự cho là có quyền hạn vô đối ở Bắc Hà. Chúng lại thấy các nhân viên trong chính phủ mới như quốc cữu Dương Khuông[7] – đứa con đầu lòng của thời thế - và Tham tụng Nguyễn Khản – một người sống sót trong vụ án năm Canh Tý – đều là những nhà chính trị vô tài, nên tỏ ý khinh thường mà giày xéo cả lên pháp luật.

7. Dương Khuông là em ruột Dương Thái phi, mẹ Trịnh Khải.

Khuông và Khản vẫn có thâm ý muốn đàn áp bọn kiêu binh, nhưng chưa có dịp nào.

Một hôm, nhân có bốn tên kiêu binh ức hiếp một nhà buôn ở phố Đông Hà mà vay tiền, bị bản đội phát giác ra, Khuông và Khản lập tức làm án xử trảm bốn tên này. Bọn kiêu binh cho thế là quá nặng, nhưng chỉ ôm sự hờn oán trong lòng, vì chúng đã tự tố giác nhau, không thể trách vào ai được.

Vì tức giận Dương Khuông và Nguyễn Khản, bọn kiêu binh oán cả Đoan Nam vương là người đã tin dùng hai vị đại thần này. Chúng muốn nhân cơ hội mưu cuộc thống nhất cho nhà Lê, nghĩa là thu cả chính quyền về phía triều đường, mà tước hết thế lực của họ Trịnh.

Việc đó tại Trịnh Khải.

Tuy không lấy gì làm bằng cớ, nhưng giữa kiêu binh và Trịnh phủ đã hiện ra một mối thâm thù.

Hôm rằm tháng Năm năm Giáp Thìn, kiêu binh xin vào nội điện, cung đón hoàng tôn để xin phong tặng cho cha mẹ. vua Lê muốn lấy lòng chung, truyền đánh cá hồ xen lên làm gỏi cho quân ăn

uống ở sân điện, rồi bàn cách thưởng sau.

Chúng đương ăn uống thì Dương Khuông sai gia tướng là Nguyễn Chiêm tức Chiêm Vũ, một dũng sĩ đương thời mang quân đến vây bắt.

Đứng ở cửa điện, Chiêm Vũ tuốt gươm quát:

- Gươm này sắc lắm, chỉ để chém đầu kiêu binh!

Chúng sợ chạy toán loạn. Chiêm Vũ chỉ bắt được có bảy người, giải cả về Vương phủ.

Bọn này thật ra chưa hành động gì trái phép cả, nên các quan không biết phân xử thế nào. Duy có Dương Khuông quả quyết nói:

- Bất tất hỏi chúng làm gì. Chúng chỉ quen thói tụ họp lại mà làm càn. Chúng đông quá không thể giết hết cả một lúc được. Vậy cứ bắt được đứa nào phạm tội là chém. Ví như nắm đũa, bẻ dần chiếc một rồi cũng phải hết.

Nguyễn Khản cũng tán thành ý đó, lập tức khép bảy tên kiêu binh vào tội "Thân nhập hoành hành" rồi mang ra chém.

Việc này làm cho kiêu binh tức giận đến cực điểm.

Chúng không e sợ gì nữa, lập tức kéo nhau đến phá nhà Dương Khuông, Nguyễn Khản, Chiêm Vũ và có ý lùng giết ba người.

Dương Khuông và Chiêm vũ trốn vào Vương phủ. Khuông nhờ có Dương Thái phi và Đoan Nam vương hết sức xin với bọn kiêu binh nên chúng mới tha. Chiêm Vũ thế không đừng được, phải ra cho chúng đánh chết.

Nguyễn Khản may trốn thoát lên Sơn Tây cùng với em là Nguyễn Điền hiệu triệu các trấn, mang quân về thành đánh giết kiêu binh. Nhưng việc không có kết quả, vì Đoan Nam vương đã bị chúng giữ ở Thăng Long rồi, bọn Nguyễn Khản không dám tiến quân vào, sợ ném chuột lỡ chạm phải đồ quý.

Găng nhau một hồi lâu, kiêu binh tự kiệu là không chống được với quân Bắc Hà đông và chỉnh bị hơn, định giết Trịnh Khải, rồi rước vua Lê về Thanh mà mưu kế lâu dài. Khải biết mưu ấy, phải đứng ra giảng hòa mới được an toàn va kinh thành cũng tạm yên, nhưng từ đó chính phủ nát bét và chính lệnh của triều đình không còn được ai tôn trọng nữa.

Trong lúc cái uy quyền của hai nhà họ Lê và Trịnh cùng theo đó mà đổ nát thì từ phía nam, đảng Tây Sơn bồng bột nổi lên. Theo mưu của Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn H uệ chiếm lấy thành Thuận Hóa, rồi tiến thẳng ra Thăng Long. Các danh tướng của Bắc Hà như Hoàng Đình Thể, Hoàng Nghĩa Hồ, Trịnh Tự Quyền, Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ theo nhau mà chết bởi thua trận nên Đoan Nam vương phải tự ra cầm quân. Vương chống nhau với quân Nguyễn H uệ ở trước lầu Ngũ Long, nhưng chẳng được bao lâu thì thế lực cũng điêu tàn. Vương bỏ chạy sang Kinh Bắc định mưu đồ khôi phục thì bị một tên bạn thân là Nguyễn Trang bắt, nộp Tây Sơn. Không chịu được nhục, nửa đường, Đoan Nam vương khoét rốn, tự tử.

Trước những biến cố lớn nó liên tiếp xảy ra như trên một màn ảnh, Lê Duy Khiêm tuy đã trưởng thành và ở ngôi trừ bị, nhưng cũng cam tâm làm người chứng bất lực ngồi nhìn quốc gia bước sâu mãi vào chỗ bại vong. Vì, đã trên hai năm nay, họ Trịnh thu lấy cả chính quyền và binh quyền. Chàng dù có tài năng cũng không thể thi thố gì được, bởi trong tay không có lấy một tên quân và một miếng sắt.

Chàng và cả đến vua Lê cũng vậy, lại càng đành lòng hơn nữa, vì trong cuộc Bắc phạt, Nguyễn Huệ thủy chung vẫn lấy danh nghĩa là diệt Trịnh phù Lê và khi tới Vị Hoàng, Huệ có gửi trước ra cho vua Lê một tờ biểu xưng thần, lời lẽ rất ôn hòa và thành kính.

Vua tôi nhà Lê có tin rằng tính mạng của họ sẽ gửi gắm được vào tay tướng Tây Sơn không?

Chắc không, nhất là ở phía ngoài thành, các quan lại cũng như dân chúng đã tìm chỗ chôn giấu của cải và bồng con bế cái đi lánh nạn ở các nơi xa.

Bọn vô lại nhân cơ hội đón cướp ở các đầu đường. kiêu binh lúc ấy cũng chạy tản mát mỗi tên một nơi. Dân gian tóm được tên nào, lập tức giết chết để trả cái thù chúng đã hành hạ và khinh bỉ mình khi trước.

Đương lúc rối loạn, có một người béo tròn trùng trục, cởi trần chạy ra cửa ô. Trong đám dân chúng có người gọi to hỏi:

- Thằng to bụng kia có phải là kiêu binh không ? Nên bắt lấy nó mà đánh chết đi!

Người bị đe dọa phải vội vàng lên tiếng:

- Không phải! không phải. Tôi là quan huyện Thọ Xương đây.

Dân chúng cời rộ lên:

- Rõ thực là quan huyện to bụng!

Rồi tha cho đi. Trong cuộc loạn ly này số kiêu binh bị dân chúng giết chết có tới hàng ngàn. Tiếng kêu khóc với những vũng máu lênh láng ở vệ đường góp thành một cảnh tượng làm cho kẻ bàng quan phải rùng mình sởn gán. Cảnh tượng ấy sao khỏi có ảnh hưởng đến vua Lê và những người hoàng phái, hiện vẫn tĩnh túc ở trong thành.

Tuy nhiên, người ta vẫn không rước nhà Vua đi trốn là vì hồi đó, Vua Cảnh Hưng đã già yếu quá và đương có bệnh, sợ làm kinh động thì tính mệnh của nhà Vua khó mà toàn được. Họ tôn thất và các thân thần đành cứ liều mà ở lỳ trong nội điện. Quả nhiên, Nguyễn Huệ đã lo xa mà phái trước một đội quân đến giữ chỗ cung khuyết được an toàn. Nhưng khi các hoàng thân thấy quân Tây Sơn – tự phân biệt với quân Bắc Hà ở cái mũ đỏ - đứng nhốn nháo ở phía ngoài tường thì lại ngời là họ chực phạm đến thánh thể nên vội vàng đỡ nhà Vua ra ẩn ở vườn sau.

Họ lầm.

Chỉ trong một khoảnh khắc thì có một tỳ tướng vào dâng một tờ tâu của chủ tướng Tây Sơn, trong Nguyễn Huệ chúc cho nhà vưa được khang kiện và hẹn ngày hôm sau sẽ xin vào bệ kiến.

Duy khiêm lúc này có lẽ tự nhiên là cũng ở trong những tả hữu của nhà Vua . Chàng đã được hưởng sự an ổn rất đầy đủ, giữa một các hoàn cảnh cực kỳ rối loạn.

NHỮNG CÁI VINH VÀ CÁI LỤY CỦA CHIẾC NGAI VÀNG HOÀNG ĐẾ

Nguyễn Huệ giữ lời hứa.

Không những ông không xâm phạm tới chủ quyền của vua Lê ở Bắc Hà, mà còn giúp nhà Vua gây lại cái triều đường cũ mà sức xâm lấn của họ Trịnh đã làm cho gần như không còn nữa.

Để tỏ rõ cái ý "phù Lê diệt Trịnh" cho thiên hạ biết, Huệ xin với vua Lê làm lễ đại triều và xuống chiếu "nhất thống thiên hạ". Cử động ấy có nghĩa là từ nay chính quyền thu cả về nhà Lê. Đồng thời cũng là tấm mộ chí để đặt lên cái dĩ vãng của 13 đời Chúa Trịnh.

Hoàng tự tôn Lê Duy Khiêm đã được chứng kiến những hành vi đại lượng của Nguyễn Huệ.

Chàng không khỏi mừng thầm.

Vì thu lại chính quyền cho vua Lê là cái ý nguyện tuyệt đối của cha chàng khi xưa. Và cũng bởi ôm ấp cái ý nguyện ấy nên Thái tử Duy Vĩ đã bị thiệt mạng và ngậm hờn nơi chín suối. Với cuộc Bắc phạt của Tây Sơn, Duy Khiêm thấy đồng thời xảy ra hai việc có quan hệ mật thiết đến đời chàng; trừ họ Trịnh để báo thù cho Thái tử Duy Vĩ và thống nhất nước Việt Nam tức là thực hiện việc mà bình sinh Thái tử vẫn mong ước.

Một điều may mắn nữa cho Duy Khiêm là sau này, khi nâng món thừa tự của tổ tiên, chàng sẽ được làm Vua với tất cả những quyền hạn và vinh dự của chiếc ngai vàng chứ không phải là một hư vị mà quyền giật dây ở cả trong tay họ Trịnh. Nhưng hạnh phúc ở đời có khi nào được hoàn toàn. Nhất là đối với Duy Khiêm thì sự

thiếu thốn lại càng rõ rệt hơn nữa.

Nguyên để đáp lại cái thịnh tình của tướng Tây Sơn và mưu một cuộc hòa bình lâu dài, vua Lê nghe theo lời khuyên của Nguyễn Hữu Chỉnh gả người con gái thứ chín là Ngọc Hân Công chúa cho tướng Tây Sơn. Công chúa là người tài sắc tuyệt vời, song cũng chưa thoát khỏi được cái dung tình nhi nữ. Cho nên khi Nguyễn Huệ dò hỏi nhân cách của các hoàng tử, hoàng tôn thì Công chúa tự nghĩ rằng anh thế tất phải thân hơn cháu nên hết sức nói tốt cho Duy Cẩn và cố vạch vòi vài thói xấu của Duy Khiêm. Vì đấy, Huệ có ý muốn truất Duy Khiêm xuống mà trả lại ngôi Thái tử cho Duy Cẩn.

Không may bệnh tình của vua Lê trở nên rất trầm trọng. Nhà Vua yếu mệt đã lâu, hôm làm lễ triều hạ phải cố gắng gượng ra thị triều. Nhân đó lại bị cảm mạo thêm, không thuốc nào chuyển nữa. Tự liệu không thể qua khỏi được, nhà Vua cho gọi Duy Khiêm đến bên long sàng dặn dò mọi việc. Tiếp nói:

- Ta sắp được trút bỏ gánh nặng mà lên chầu trời. Cái gánh nặng ấy sau này sẽ về cả cháu. Cháu nên cố lo mà đương lấy.

Trước khi băng hà, nhà Vua lại bảo Duy Khiêm:

- Lúc ta nhắm mắt rồi, các công việc lớn nhỏ cháu đều phải bẩm mệnh với Thượng công[8]. Chớ nên coi thường.

[8]. Chỉ Nguyễn Huệ.

Mang lời sau rốt này mà bảo Duy Khiêm, Vua Cảnh Hưng có cái thâm ý muốn gây tình liên lạc giữa Hoàng tự tôn với tướng Tây Sơn. Vả khi Vua ốm mệt, Huệ vì tị hiềm không vào thăm, nhưng cũng vẫn muốn chờ đến khi nhà Vua băng hà rồi, sẽ đứng làm chủ tang, để tỏ rằng mình tuy là kẻ võ biền nhưng cũng hiểu lễ và biết giữ thủy chung với bố vợ. Cũng vì thế nên khi nghe tin nhà Vua đã tắt nghỉ rồi, Huệ lập tức cho sắp sửa kiệu võng ở Vương phủ, chỉ chờ hoàng tôn đến mời là vào điện trị tang. Nhưng Duy Kỳ[9] không hiểu ý ấy nên làm lễ phát tang xong rồi mới sang mời. Huệ giận lắm, gọi Công chúa ra mắng:

[9]. Khi lên ngôi, Duy Khiêm đổi là Duy Kỳ.

- Tiên đế là Vua cả thiên hạ, chứ không phải của riêng một nhà ai. Ta rất kính mến tiên đế. Bữa nọ ta không dám vào hầu, là bởi tị hiềm. Hôm nay nhân lúc chưa khâm niệm, ta muốn vào trông mặt ngài, để thỏa tình bố vợ con rể.

- Tại sao lúc phát tang lại không cho ta biết, nếu không có ta thì còn ra triều đình chính sự gì nữa. Ta thử bỏ đi xem họ làm ăn ra sao!

Nói rồi Huệ truyền quân thu xếp để định ngày về Nam. Công chúa kêu khóc và mật bảo Duy Kỳ phải sai quan đến tạ và cố lưu Huệ mới thôi.

Huệ lại muốn hoãn lễ đăng quang để bỏ Duy Kỳ mà lập người khác. Các quan nghe tin ấy rất lo sợ, nhưng không biết xử trí thế nào. Trước Ngọc Hân Công chúa, một vị đại thần người trong hoàng tộc là Vương quận công nói:

- Đích tôn không lập thì thiên hạ tất loạn, nhà Lê tất mất. Chính Công chúa đã lầm lỡ việc nước. Nên bỏ tên Công chúa trong sổ tôn thân cho về Tây Sơn mà hưởng phú quý. Trong họ không có con người ấy cũng chẳng sao.

Câu nói đe dọa ấy đã thúc giục Ngọc Hân Công chúa phải kêu nài Nguyễn Huệ lập Hoàng tự tôn lên làm Vua. Cái số mệnh của chàng thành ra trước sau đều ở trong tay một người đàn bà lúc là tán thành, lúc là phá hoại. Tuy nhiên tình thế của chàng cũng không trở nên khó khăn cho lắm vì Nguyễn Huệ đối với chàng tuy không có thiện cảm, nhưng là người có lượng, nên sẵn lòng tha thứ cho chàng. Ông lại giúp đỡ cho tự hoàng trong lúc trị tang nên Duy Kỳ cũng sẽ bớt được một nửa cái gánh nặng của mình cho Nguyễn Huệ.

Nhưng đối với Nguyễn Nhạc thì tình thế lại khác hẳn. Tang lễ vừa cử hành xong thì Nhạc ra tới Thăng Long. Hữu Chỉnh ngờ rằng Nhạc muốn thôn tính Bắc Hà nên khuyên Tự quân (Duy Kỳ) nên thảo thư xin hàng. Đó là việc rất quan trọng định nghị hàng hai ba n gày mà trong các quan không ai dám thảo hàng thư thì chợt Nguyễn Huệ tới nơi. Tự hoàng thân dẫn các quan ra đón ở đàn Nam Giao và cắt cử một vị hoàng thân thay mặt Vua để phòng ứng tiếp Vua Tây Sơn. Nhưng khi đi qua Giao đàn, võng Nhạc cứ đi thẳng mà đi thật mau. Hồi lâu mới cho một quan hầu trở lại nói:

- Quả nhân tôi thấy Tự hoàng giữ lễ quá, sợ đi xe thì chậm làm nhọc cho Tự hoàng phải chờ lâu mà mang tiếng thất lễ nên phải vội. Vậy xin Tự hoàng cứ về cung, mai thong thả sẽ xin tiếp kiến.

Mấy hôm trước Tự hoàng (Duy Kỳ) vẫn còn phân vân, không biết nên hàng hay không. Nay thấy ngôn ngữ của Vua Tây Sơn có vẻ rất khoan hồng nên không nói đến chuyện hàng nữa.

Hôm sau, Huệ cho đặt chỗ ngồi ở phủ đường, lấy lễ là cuộc tương kiến của hai Vua, Nguyễn Nhạc ngồi sập giữa, bên tả là ghế Tự quân, bên hữu là ghế Nguyễn Huệ. Các quan văn võ thì đứng dàn hai bên. Nghi vệ coi rất nghiêm chỉnh. Khi xe Tự quân đi đến cửa phủ, Nhạc sai quan ra đón. Tự quân đi bộ đến trước thềm thì Nhạc xuống sập và sai Nguyễn Huệ mời vào.

Tuy được Vua Tây Sơn đón tiếp rất long trọng. Nhưng trong lòng Duy Kỳ hồi hộp không biết ngần nào. Nhưng bước hiểm nghèo chàng trải qua đã nhiều. Song không bao giờ làm cho chàng bối rối đến như bây giờ. Vì, trước kia chỉ là những việc có quan hệ đến một cá nhân, mà cuộc hội kiến với Vua Tây Sơn bây giờ, trong khi định đoạt số mệnh của chàng, sẽ liên quan cả đến cái tương lai của một dân tộc. Cuộc hội kiến lại càng làm cho chàng bối rối hơn nữa, vì đã ấn định trước rằng việc ứng thù, chàng sẽ phải nhường cho các quan theo hầu mà chính chàng chỉ ngồi để làm một hư vị.

Sau khi an tọa rồi, Vua Tây Sơn trông về phía Tự quân hỏi:

- Hoàng thượng năm nay bao nhiêu tuổi?

Thị thần trả lời thay và tâu:

- Quốc dân chúng tôi tuy bị họ Trịnh lộng quyền đã mấy đời nay, thành ra trên dưới điên đảo; nay được nhà Vua ân sâu, nghĩa lớn đem quân ra giúp quốc dân tôi chỉnh đốn lại việc nước. Hiện nay nhân dân và thổ địa nước Nam đều là nhờ nhà Vua cả. Nếu nhà Vua muốn lấy một vài quận để khao quân, quốc quân tôi cũng xin dâng.

Sở dĩ triều thần nhà Lê đề xướng ra việc cắt đất dâng cho Tây Sơn là vì tin rằng Nguyễn Nhạc cũng giống như những nhà chinh phục thường, chỉ cầu một chút lợi về thổ địa. Nhưng người ta không biết rằng Nguyễn Nhạc không có chí gì về đất đai cả. Ông ra vội Bắc Hà, cốt ý là dìu Nguyễn Huệ về, sợ sau nhiều cuộc chiến thắng, Nguyễn Huệ trở lên kiêu căng quá, sau này không kiềm chế nổi.

Để đáp lại việc dâng đất của Vua tôi nhà Lê, Vua Tây Sơn nói:

- Vua Thái tổ dựng nước Nam, công đức như trời bể. Tôi tuy ở Nam Hải, nhưng cũng là trong phạm vi đất nước của nhà Lê. Nay thấy họ Trịnh đời đời hiếp chế nhà Vua thì tôi mưu việc tôn phù. Nếu là đất của nhà họ Trịnh thì một tấc tôi cũng không để lại. Nếu là đất của nhà Lê thì một tấc tôi cũng không dám màng. Tôi nghĩ trong nước mới yên, cần phải lưu lại để giúp nhà Vua sửa sang lại chính

trị. Khi nào bốn phương yên định cả rồi, lúc ấy anh em chúng tôi sẽ lại về nước. Chỉ mong nhà Vua gắng sức làm cho dân nước được thịnh vượng và sau này hai nước chúng ta đời đời giao hiếu với nhau.

Uống trà xong, Tự hoàng từ về. Vua Tây Sơn đứng dậy chắp tay tiễn biệt. Văn Huệ đưa xuống dưới thềm, rồi sai quan tiễn ra đến tận cửa phủ. Khi Tự hoàng lên kiệu rồi, các quan Tây Sơn mới quay trở vào.

CỜ ĐẾN TAY

- Tôi nghĩ trong nước mới yên, cần phải lưu lại để giúp nhà Vua sửa sang lại chính trị.

Câu trên này thốt ra ở miệng Vua Tây Sơn, trong cuộc tiếp kiến mà Nguyễn Huệ đặt cho cái tên rất bình đẳng là "cuộc hội kiến của hai vua".

Nếu nó được thực hiện thì hạnh phúc cho nước Việt Nam không biết nhường nào. Nói thế không phải chê Vua Chiêu Thống[10] là ấu trĩ quá, không đủ uy quyền để trị nước, vì nhà Vua nay đã trưởng thành rồi. Cũng không thể trách được là nhà Vua thiếu tài, vì cậu thanh niên Duy Khiêm rất tuấn tú và thông minh không thể chỉ trong khoảng thời gian vài năm, trở nên Vua Chiêu Thống tối tăm và ngu dốt.

[10]. Duy Kỳ lên làm Vua lấy niên hiêu là Chiêu Thống.

Muốn phán đoán cho công bằng, thiết tưởng các bạn chỉ nên xét qua về bộ máy chính trị của nước Việt Nam vào thời Lê mạt.

Nhà Lê từ hồi trung hưng trở về sau, thật ra chỉ có hư vị. Tuy nhiên sáu Chúa Trịnh đầu (Kiểm, Tùng, Tráng, Tạc, Căn, Cương) còn tỏ ra tôn trọng quân quyền, nghĩa là mỗi việc trước khi thi hành còn bẩm mệnh vua Lê. Và khi Nguyễn Công Hãng khuyên Trịnh Cương dùng mũ áo sắc vàng để phân biệt với các quan, thì Cương còn từ chối, nói đó là sắc để dành riêng cho nhà Vua . Như từ đời Trịnh Giang trở đi thì thiên hạ không biết cái uy quyền của họ Lê nữa, tuy người ta vẫn vì quen miệng mà dùng tiếng " vua Lê Chúa Trịnh".

Họ Trịnh tuyển bổ các quan văn võ.

Họ Trịnh chủ trương việc thi cử.

Họ Trịnh giữ cả tài chính trong nước.

Họ Trịnh quyết định thưởng phạt và chiến hòa.

Tóm lại họ Trịnh chiếm cả chính quyền lẫn binh quyền và tất cả tất cả các cơ quan chính trị trong nước. Không luận là lớn nhỏ đều ở trong tay họ Trịnh. Họ Trịnh lại còn đặc biệt hơn các quyền thần.

Từ cổ đến giờ đã thu phục được cả lòng tin cậy của dân, vì trải mười thế hệ kế tiếp nhau cầm quyền, Trịnh phủ đã cố kết được lòng người như một cây cổ thụ mà gốc rễ đã ăn sâu xuống đất.

Họ Trịnh đổ, lẽ tự nhiên là cái chế độ do họ Trịnh lập ra cũng đổ theo. Và, một điều rất trái ngược là trong cuộc loạn ly ở Bắc Hà không thể không có họ Trịnh tham dự một phần; đó tức là những kẻ chịu ơn của Trịnh phủ lâu đời muốn nổi lên để khôi phục lại chính quyền cho dòng dõi chủ cũ của họ. Khi Vua Chiêu Thống tiếp lấy chính quyền thì Kinh thành Thăng Long – vì họ bị đè áp dưới sức mạnh của quân Tây Sơn – hiện ra một bộ mặt rất bình tĩnh. Nhưng tại Hải Dương, Đinh Tích Nhưỡng – viên tướng thua trận ở Vị Hoàng – hết sức cậy cục để gây lại thế lực của mình. Hoàng Phùng Cơ người đã chống đỡ cho họ Trịnh đến phút cuối cũng cũng hoạt động ở Sơn Tây. Rồi Trịnh Lệ, em ruột Tĩnh vương Trịnh Sâm, Trịnh Bồng,con trưởng Uy vương Trịnh Giang, mấy ông chúa "hậu bổ" này sao khỏi cố công vận động để giật lấy cái di sản của cha ông để lại.

Nếu anh em Vua Tây Sơn quả muốn giúp sức Vua Chiêu Thống gây lại kỷ cương trong nước thì việc không lấy gì làm khó, nhưng phải lưu lại Bắc Hà đến hàng năm. Thoạt đầu là chia quân đi đánh dẹp khắp nơi, bắt ép bọn Cơ, Nhưỡng, Bồng, Lệ phải chọn lấy một trong hai điều: bị tiêu diệt hay thừa nhận chủ quyền của vua Lê. Tiếp đến khước bỏ bọn quan lại cũ là chân tay của họ Trịnh khi xưa mà tuyển lấy một lớp quan lại mới, có đủ đảm bảo là sẽ trung thành với chính phủ mới. Ngoài ra, Nhạc lại phải giúp Vua Chiêu Thống tổ chức một đội quân chỉnh bị để giữ việc trị an trong nước và bảo vệ Hoàng thành.

Nói tóm lại, nếu anh em Nguyễn Nhạc thành thực giúp đỡ thì Vua Chiêu Thống không phải mệt mỏi gì cả mà được trị một nước gần như hòa bình. Còn dân Bắc Hà thì ngoài tấm lòng hoài cựu của họ phai nhạt dần mà vui vẻ phục tùng cái chính lệnh của nhà Lê, một chính lệnh xưa nay họ chưa từng biết đến, vì giữa Lê Hoàng và dân chúng, vẫn có một bức tường ngăn cách là họ Trịnh.

Tiếc rằng cái ý tốt của Nguyễn Nhạc chỉ có nói mà không có làm. Vì, ngoài mặt tuy làm ra thong thả để đánh lừa Nguyễn Hữu Chỉnh và nhất là tránh cho dân Bắc Hà khỏi nhân lúc về mà tập công nhưng trong bụng Nhạc lúc nào cũng lo lắng việc vô Nam.

Nhạc ở Thăng Long không đầy một tháng.

Trong thời gian ấy thực ra cũng không giúp cho Vua Chiêu Thống được việc gì. Chợt đêm hôm 17 tháng Tám năm Bính Ngọ, Nhạc cùng với Huệ và vài viên bộ tướng là đập cửa điện, cáo biệt vua Lê, rồi lên đường.

Thế là quân Tây Sơn ra khỏi Bắc Hà.

Việc này đành là thế tất cả phải có và có lẽ cũng là diều mong thầm của Vua tôi nhà Lê. Nhưng quân Tây Sơn kéo về một cách quá ư đột ngột, không khỏi làm cho Vua Chiêu Thống choáng váng như người vừa tỉnh một giấc chiêm bao, nhất là xung quanh nhà Vua không thấy có lấy một vài nhà chính trị có tài để phòng đối phó với thời cục trước những sự việc bất ngờ huống hồ nói đến sự trị an chung của toàn quốc, đến ngay Hoàng thành cũng không có nổi một đội quân cho ra hồn để phòng vệ.

Ngồi cô độc giữa một cái thành không, nhà Vua lúng túng không biết xử trí thế nào, phải cho triệu các quan và thượng nghị. Sau một hồi bàn cãi rất lộn bậy, người ta đi tới ý định:

"Xuống chiếu hiệu triệu các thế gia và cố thần mộ quân về bảo vệ Thăng Long."

Kế ấy quả nhiên có hiệu quả ngay, nghĩa là chỉ trong khoảng mười hôm, Thăng Long liền chật ních những đội quân rất ngô nghê và ô hợp chạm nhau ở các phố phường. Lính Mường ở Hòa Bình do họ Đinh đưa về xen lẫn với lính Thổ ở Lạng Sơn, ấy là chưa kể bao nhiêu đội quân khác ở các trấn Trung Châu, tuy cùng nói một thứ tiếng, nhưng chẳng biết kỷ luật là gì, vì toàn là những tên dân cày ngu ngốc mà người ta vừa phát cho bộ áo lính.

Thổ hào cũng như các vọng tộc, người nhiều là một nghìn quân, kẻ ít là đôi ba trăm, lũ lượt kéo về Thăng Long, lấy danh là để bảo vệ Hoàng thành, nhưng thực chất là để thỏa mãn tấm lòng hám danh của họ.

Bọn vô lại ở các nơi cũng thừa cơ tụ tập nhau lại, tự xưng là lính đi cướp bóc các phố phường. Kinh thành Thăng Long với những đội quân trên, đã hiện ra một quang cảnh rất buồn cười và vô cùng rối

loạn.

Giữa lúc ai cũng hô lớn cái mục đích tôn quân để cầu một chút danh vị thì Trịnh Lệ dắt bọn Dương Trọng Tế và Trương Tuân rầm rộ mang quân vào thành, để đòi lại cái ngôi báu của chú khi xưa.

Lệ nguyên là con thứ của Minh vương Trịnh Doanh (em ruột Trịnh Sâm). Chàng rất nhiệt tâm phú quý, nên đã nhiều lần âm mưu tranh cướp ngôi Chúa Bắc Hà, nhưng đều không thành. Khi Sâm còn, Lệ đã vì thất bại mà bị lột chức và tống giam, mãi đến lúc Khải lên cầm quyền, Lệ mới được tha. Chợt quân Tây Sơn vào thành, Lệ không lo chống cự gì cả mà chạy tuốt sang Văn Giang nương nhờ một người cháu ngoại. Nay nghe Tây Sơn đã đi khỏi, liền vội vã quay về, đến bờ sông Phú Lương (Nhị Hà) thì vừa lúc gặp Trung hầu Trương Tuân (nguyên Đốc trấn Kinh Bắc) và Dương Trọng Tế một nhà nho cũng thiếu liêm sỉ như tài cầm quân. Lệ liền cho nhập bọn mà cùng sang sông. Trọng Tế xưa kia đã từng tố cáo Lệ để cầu công danh, nhưng nay thấy Lệ gần đi đến chỗ thành công thì quay cổ lại mà xin hàng.

Lệ, Tuân và Tế hợp thành một đội quân rất lớn cứ ngang nhiên kéo thẳng đến Vương phủ, cho quét dọn lại, rồi khua chiêng đánh trống mà kéo vào.

Vua Chiêu Thống nghe biết liền cho triệu thì Trung hầu đến dụ:

- Nhà ngươi đời đời làm tướng, nay Kinh thành đơn yếu, ngươi đem quân vào giúp, sao không vào thẳng trong triều để ta ban tước lộc cho?

Tuân tâu:

- Bốn phương ai cũng là bề tôi nhà Vua . Vua cứ rủ áo chắp tay ngồi đấy là yên rồi, hà tất phải lo đến việc binh vệ. Duy có nhà Chúa bất hạnh bị giặc xâm phạm, chủ súy bị giết. Vậy xin lập Chúa Lệ lên làm Chúa để tôn phù nhà Vua . Tôi nghĩ bảo vệ kinh thành không chước gì hay hơn chước ấy.

Nói xong Tuân lạy, rồi lui ra.

Vua Chiêu Thống tức giận vô cùng, định cho người đuổi theo bắt Tuân đem chém. Nhưng các cận thần can ngăn:

- Quân về hộ vệ nhà Vua không được mấy, mà quân của nó có hàng vạn. Sợ giết hắn, sẽ sinh biến, xin hãy thong thả.

Nhà Vua đành nuốt giận mà quay vào.

Cũng như Thái tử Duy Vĩ, Vua Chiêu Thống vẫn oán giận họ Trịnh. Nhưng vì biết thế yếu nên phải nín tiếng để đợi thời. Chợt Nguyễn Huệ mang quân ra Bắc, họ Trịnh không chống được, mà phải tan. Nhà Vua hồi đó đương ở ngôi Hoàng thái tôn liền cùng với các anh em đến mừng Huệ nói:

- Tôi với họ Trịnh có thù lớn, ông báo giúp cho, kiếp này thật không mong gì hơn nữa. Nếu thân tôi có mất về quý quốc tôi cũng không tiếc gì. Huống hồ ông lại tôn phù và có chí giúp nhà Lê tôi thống nhất thì công đức bằng trời bể. Tôi dù muốn báo ơn cũng không thể được.

Huệ ngỏ lời úy dụ:

- Đạo trời thường báo ứng. Xưa kia Tiên Thái tử bị oan nên nay hoàng tôn được hưởng phúc. Đó là đạo thường của trời đất.

Khi lên ngôi rồi. Vua Chiêu Thống tuy bận về nhiều việc, nhưng việc chính vẫn là gác bỏ họ Trịnh ra ngoài những cơ quan chính trị của nước Việt Nam. Song nhà Vua chưa kịp trở tay thì Trịnh Lệ từ trong bóng tối nhô ra. Không những Lệ the nếp cũ của nhà ông mà còn tỏ ra ngạo mạn hơn hẳn các Chúa Trịnh khác.

Lệ tự lập lên làm Chúa mà không hỏi han gì đến vua Lê. Chàng lại hẹn ngày cho các quan phải đến lạy mừng. Nhưng vì trong số các quan có nhiều người không phục lấy cớ rằng lập Chúa mà không có lệnh Vua thì chưa phải là hợp thức nên bất đắc dĩ Lệ phải cho người vào điện xin sắc mệnh của nhà Vua với tờ tâu rất kiêu ngạo:

“Tôi là Trịnh Lệ xin tâu: nhà tôi nối ngôi làm Chúa tôn giúp nhà Vua . Mới rồi bọn giặc đến xâm lấn phá hoại miếu xã. May nhờ có người trung nghĩa giúp tôi đánh đuổi nên giặc phải trốn về đêm. Mồng sáu tháng này, tôi đã trở về phủ chính, xin Vua ban sắc cho tôi được lập tước vương. Tôi sẽ giúp việc tôn phù đế thất như ông cha tôi khi trước.”

Bài biểu trên như khêu gợi mãi sự tức giận của nhà Vua . Nhất là Trọng Tế lại mắng sứ giả và xé chỉ dụ, khiến cho giữa Vua với Lệ, không còn một miếng đất nào để điều đình được nữa.

YẾN ĐÔ VƯƠNG

Đương lúc Vua Chiêu Thống bị lúng túng về cái ách Trịnh Lệ thì chợt có Trịnh Bồng dâng biểu xin về chầu. Bồng là con cả Uy vương Trịnh Giang vốn là người trọng lễ nghĩa và liêm sỉ, lâu nay vẫn ẩn tích ở chùa Trúc Sơn huyện Chương Đức, nay được bọn bộ hạ cũ họp lại giúp đỡ, thế lực rất to. Nhà Vua liệu biết là Bồng có thể đàn áp được Lệ nên giáng chỉ triệu về. Đồng thời, Tuân và Tế cũng nhận thấy cái thế của Lệ đã núng, thảo biểu cho Lệ, xin vào bái mệnh. vua Lê thuận cho, nhưng dự bị sẵn quân mai phục, chờ cho Lệ vào thì giết. Lệ nghi hoặc không dám vào chầu. Tuy nhiên cuộc xung đột giữa Bồng và Lệ thế tất phải xảy ra. Cái thế của Vua Chiêu Thống lúc này là ngồi nhìn hai con hổ chọi nhau, để chờ cái kết quả: một con còn, một con mất.

Con mất chính là Trịnh Lệ.

Bị Dương Trọng Tế mưu phản, Lệ đồng thời bị quân Trịnh Bồng đánh vào quân Túc vệ của nhà Vua đánh ra, thua to, phải cùng với Trương Tuân chạy trốn.

Trịnh Bồng mang đội quân chiến thắng vào thành để bệ kiến vua Lê ở điện Vạn Thọ. Bồng giữ trọn vẹn lễ Vua tôi, lậy năm lậy. Nhà Vua phán:

- Nhà Chúa hơn hai trăm năm nay tôn phù nhà Vua , công đức ấy không phải là nhỏ, Trẫm vẫn mong có lúc báo đền. Ngày nay họ Chúa xét ra không có ai tài đức bằng nhà ngươi. Vả lại, ngươi lại là con trưởng. Vậy việc giữ tôn miếu nhà Chúa chính là phần nhà người đó.

Bồng lậy, tâu:

- Tôi tài hèn, tính lại ưa tĩnh. Gặp lúc vận nhà suy bĩ, tôi cũng muốn mặc áo cà sa để hưởng trọn tuổi trời. May nhờ ơn Vua, yên được nạn nước, tôi mới được thấy mặt trời. Nay Bệ hạ nghĩ đến

công ông cha tôi mà không nỡ bỏ tôi, lại muốn lấy lượng thánh gây dựng cho thì Bệ hạ dạy thế nào tôi cũng xin tuân mệnh.

Vua Chiêu Thống hỏi:

- Nhà ngươi đã dọn chỗ nào cho bộ hạ ở chưa?

- Có phủ cũ cũng còn che được mưa gió. Tôi xin về ở đấy.

Ý nhà Vua không muốn cho Trịnh Bồng về ở phủ cũ, sợ lại nối quyền tiếp chế của ông cha khi xưa mà ức chế nhà Vua nên vờ hỏi:

- Phủ cũ của nhà ngươi không việc gì ư?

- Phủ cũ nhà tôi trong ngõ cùng, ngọn lửa không bén đến, chỉ bị quân gian phỉ chúng tàn phá, cướp bóc mà thôi.

Vua Chiêu Thống lại hỏi thăm về vợ và con Trịnh Khải, Trịnh Bồng nhất nhất trả lời. Hồi lâu, Bồng lạy tạ xin ra. Khi cùng các bộ hạ qua cửa cung miếu là nơi phụng sự tiên tổ họ Trịnh, Bồng thấy nhà cửa tan hoang, tường sân rêu cỏ thì giọt lệ chưa chan. Bồng đứng tần ngần một lúc, rồi mới quay về Lượng phủ là chỗ ở riêng của mình khi trước.

Bọn môn hạ của Bồng thấy vậy, lấy làm bất bình nói:

- Thiên hạ theo ông về đây, là muốn ông ở súy phủ làm Chúa Bắc Hà để mong lấy một chút công danh. Nay ông lại lánh phủ ấy mà không ở thì rút cuộc, rồi cũng chỉ đến là một vị vương tử mà thôi. Người ta thấy vậy sẽ ngã lòng mà tan thì tụ làm sao được nữa? Vả nếu ở Lượng phủ thì thà ở quách Chương Đức cho xong, tội gì mang chúng về đây cho vất vả?

Bồng nghe nói có lý liền thiên sang ở một gian tại Vương phủ, rồi thảo biểu dâng lên vua Lê, đại ý nói:

- Tôi vào thăm miếu cũ, thấy đèn hương tắt lạnh, phong cảnh tiêu điều nên không nỡ bỏ đi cho dứt. Vậy xin ở tạm một cái gác con ở cạnh miếu, để được sớm quét dọn và tụ tập linh hồn của tổ tiên thì may mắn không biết nhường nào.

Nhà Vua tuy hiểu cái thâm ý của Trịnh Bồng, nhưng thế không thể ngăn cấm được, nói riêng với tả hữu:

- Trịnh Bồng về ở đây, hẳn là lại có ý muốn làm Chúa rồi. Cái phủ ấy có khác gì một tổ chim đã bị phá, người này đi rồi, người khác

lại đến, chẳng sợ cát bụi nhơ bẩn cả người. Tiếc rằng khi Tây Sơn nói đi khỏi, Trẫm không cho nó một bó đuốc cho rảnh việc.

Hôm sau, Vua Chiêu Thống nghị phong cho Trịnh Bồng. Nhà Vua muốn cho Bồng tước Quốc công và ban cho bổng lộc rất hậu, chứ không phong vương như trước. Như các quan thấy Bồng lại về ở phủ cũ, quyết là không chịu nhụt nào. Có người bàn:

- Tổ nhà Trịnh khi mới thụ phong, chỉ là "Tiết chế bình chương quân quốc trọng sự", tước Quốc công mà thôi. Nay cứ theo lệ ấy mà phong thì lo gì không có bằng cứ.

Vua Chiêu Thống theo kế ấy, truyền Lục quốc sử ra, phong cho Bồng tước Quốc công, nhưng lại rút hai chữ "Tiết độ" đi. Các quan đều có vẻ ngần ngại, không ai dám thảo sắc phong thì chợt có tin Đinh Tích Nhưỡng mang quân từ Hải Dương về. Nhưng có ba nghìn quân đóng ở ô Trường bắn và ba trăm chiến thuyền đóng ở bến Thụy Ái. Nhưỡng chỉ mang vài ba trăm bộ hạ theo hầu, nghênh ngang cưỡi ngựa vào thành, có ý coi thường vả thiên hạ.

Nhà Vua sợ Nhưỡng ăn cánh với Trịnh Bồng, vội cho triệu Nhưỡng vào điện, phủ dụ:

- Người đã tới đây, tất là có ý muốn giúp Trẫm bảo vệ Hoàng thành. Vậy nên cho quân vào ngay đi còn chờ gì nữa.

Nhưỡng lậy tạ trở ra. Có người mang việc nhà Vua căn cứ vào quốc sử mà tấn phong Trịnh Bồng nói với Nhưỡng, Nhưỡng hỏi:

- Tôi là kẻ võ biền, không biết chữ, những điều đó không thể hiểu được. Chỉ muốn biết nhà Vua đối với nhà Chúa, hậu bạc thế nào?

Chức hàn lâm trong điện là Nguyễn Hàn có ý thiên về nhà Vua , đáp:

Nhà Chúa mất ngôi, nhà Vua lại trả cho. Thế là hậu lắm, sao lại gọi là bạc được?

Nhưỡng trừng mắt hỏi Hàn:

- Ông cũng là Tiến sĩ phải không?

- Phải!

- Đỗ khoa nào?

- Khoa Kỷ Hợi.

Nhưỡng nín lặng đi ra. Các quan ai cũng về nhà nấy.

Bọn thủ hạ của Trịnh Bồng muốn nhờ tay Nhưỡng cho chóng xong việc, xin Bồng mời Nhưỡng lại cùng bàn. Nhưỡng từ:

- Nhà tôi đội ơn Vua, Chúa rất hậu, chỉ biết báo ơn Vua, Chúa chứ không dám có bụng nào. Hiện thời việc phong tước của ông chưa xong, nếu tôi lại hầu ông, sợ người ngoài ngờ rằng giữa tôi và ông có tư tình. Vậy xin chờ đến khi thành mệnh rồi, tôi lại hầu cũng không muộn.

Hôm sau, Chiêu Thống sai Nguyễn Hữu Hạo mang sắc đến phong cho Nhưỡng tước Quận công và dụ Nhưỡng hết lòng giúp nhà Vua . Nhưỡng nói:

- Tôi phụng chiếu đến đây, thấy nhà Vua thực hành được cuộc thống nhất thiên hạ là việc phúc lớn cho nhà nước, tôi đâu chẳng hết lòng. Nhưng ngày nay, việc nhà Chúa vẫn chưa yên mà tôi đã vội nhận ơn nhà Vua thì công luận sao khỏi chê tôi là tham lam. Thôi thờ nhà Vua là việc lâu dài, xin hãy tạm thu sắc lệnh lại.

Hữu Hạo thấy Đinh Tích Nhưỡng tỏ thái độ rất cương quyết nên phải xin với Vua Chiêu Thống cứ theo lệ cũ mà phong cho Trịnh Bồng là "Tiết chế thủy bộ chư quân Bình chương quân quốc trọng sự Côn quốc công". Lại cấp cho 3.000 quân, 5.000 mẫu ruộng và thuế 200 xã để phụng sự cung miếu của họ Trịnh. Các quan mang việc này nói với Nhưỡng, Nhưỡng không phàn nàn gì hết. Khi sắc phong làm xong, tâu lên, Vua Chiêu Thống sợ dần dà Trịnh Bồng lại leo lên tước vương chăng nên truyền thảo thêm một đạo sắc dụ, trong nói từ nay về sau, họ Trịnh đời đời chỉ được phong đến tước Quốc công thôi chứ không bao giờ được phong vương nữa.

Theo lệ, sắc ban xuống cho Trịnh Bồng rồi thì lập tức dán ở cửa Đại Hưng cho công chúng cùng biết.

Đinh Tích Nhưỡng đọc sắc thấy mấy chữ đời đời chỉ được phong đến tước Quốc công thì tức giận nói:

- Nếu lấy Quốc công làm tước phong ban đầu thì còn có nghĩa, chứ bắt người ta từ đời này qua đời khác không bao giờ được phong vương thì còn vô lý gì bằng. Ngày nay nhà Vua thống nhất, các quan đều được phong theo chức cũ, lẽ đâu nhà lại phải oan khuất một mình!

Lập tức, Nhưỡng thảo tờ đạt mời các quan đến dự hội tại cung Tây Long để bàn về việc này. Đến dự hội chỉ có sáu, bảy quan văn là

Ngô Trọng Khuê, Nguyễn Gia Lịch, Nguyễn Tôn Điển, Nguyễn Đình Thiều, Phan Huy Ích. Những người này, quan chức phần nhiều là còn thấp bé, sở dĩ a dua với Nhưỡng, chẳng qua cũng chỉ là để cầu chóng được thăng.

Khi vào việc, Nhưỡng hỏi:

- Việc phong Quốc công, các ông nghĩ thế nào?

Trọng Khuê lên tiếng đầu tiên, đáp:

- Nước Nam ta, trong hai năm nay, vẫn có Vua, có Chúa. Không lẽ nhà Chúa mới thua một trận mà đã tuyệt ngay. Hoàng thượng còn trẻ tuổi, nghĩ ngợi chưa suốt, kẻ phụ họa lại ý kiến hẹp hòi. Bây giờ nếu muốn chỉnh đốn lại, phi ông thì không ai đương nổi.

Lời Trọng Khuê như gãi trúng vào chỗ ngứa của Đinh Tích Nhưỡng. Viên tướng thua trận ở Cửa Luộc dương dương tự đắc:

- Hội hôm nay chính về việc ấy. Tôi muốn tâu lại với Vua. Các ông có thuận không?

Mọi người đồng thanh:

- Nếu không thuận, sao chúng tôi lại đến đây?

- Các ông đã thuận cả thì làm bản tâu đi. Dù Vua không cho, tôi cũng xin kỳ được mới nghe.

Một viên quan võ là Nguyễn Gia Quán nói xem vào:

- Khi trước Dương Trọng Tế đã làm bản tâu xin cho Trịnh Lệ. Chỉ vì Vua không cho nên mới nát việc. Nay các quan đã đồng ý cả, cứ vào thẳng trong phủ mà họp là thành triều đình rồi cần gì phải xin ai nữa!

Nhưỡng tỏ ý ngần ngại:

Làm thế cũng được, nhưng Chúa cũng còn phải chịu mệnh ở Vua kia mà. Tục ngữ có câu: "Không ai mặc áo qua đầu" nên phải theo đường chính mà làm. Tôi không như Trọng Tế, làm việc cẩu thả để đến nỗi bị người ta đè nén. Nếu tâu xin rồi, mấy anh đồ gàn trong triều có muốn bẻ bai tôi cũng không được.

Thảo sớ xong, cả bọn kéo nhau vào tâu Vua Chiêu Thống, xin phong tước vương cho Trịnh Bồng.

Nhà Vua tức giận phán:

- Cầu phong vương để ức chế ta mới được hả dạ ư? Nếu cứ yên đạo làm tôi thì công với vương phỏng có khác gì? Vả sắc mệnh vừa mới ban ra lập tức đã đổi ngay thì còn ai tôn trọng nữa.

Nhà Vua nhất định không chịu đổi ý. Các quan hầu cận nghĩ đối với việc lập Chúa mình đã không dự thì cũng chẳng cần phải khuyên Vua làm gì, chỉ lo tìm cách cáo về cho yên chuyện.

Đương lúc Vua và Chúa găng nhau, Phan Lê Phiên xin vào, tâu:

- Ngày trước nhà Chúa hiếp chế nhà Vua nên đã gây ra rối loạn. Nay Trịnh Bồng lại muốn theo gương ấy thì quyết không thể cho được. Tuy nhiên Đinh Tích Nhưỡng là kẻ vũ phu, không thể lấy nghĩa lý mà chuyển được lòng hắn. Tôi xin thân đến bảo Trịnh Bồng. Nếu hắn lui đi thì đại cục may ra còn có thể vãn hồi được.

Nhà Vua thuận cho, Phan Lê Phiên đến bảo Trịnh Bồng:

- Tôi chịu ơn nhà Chúa rất nặng, đối với ông thực không có bụng nào. Chỉ nghĩ cuộc biến loạn hồi này là do ở cơ trời đóng mở, không biết đâu mà lường. Đại phạm việc đời không bao giờ nên câu chấp quá. Nay việc phong tước, Vua đã không muốn mà mình cứ cố ép làm là rất không nên. Nghĩa tôi phải nói cho nên nói để ông biết. Nếu bỏ lời tôi, thì sau hồi loạn này, không còn có cơ cứu vãn được nữa. Sách có câu: "Lúc trị thì ra làm quan, lúc loạn thì xin về đi ẩn". Xin nói để ông biết rằng, từ nay tôi xin bắt đầu đi ẩn.

Bồng đáp:

- Tôi vẫn biết tôi là kẻ dung thường, không dám mong gì quá đáng. Mọi việc đều tự Đinh Tích Nhưỡng xướng xuất ra cả, tôi không dự một chút nào. Hoàng thượng xử đoán thế nào tôi cũng xin tuân. Xin ông vì tôi tâu giúp để Hoàng thượng biết bụng cho tôi.

Phan Lê Phiên thấy Bồng có ý thoái thác, biết là việc không xong, liền về phục mệnh và tâu:

- Có một việc thế mà tôi làm cũng không xong thì dùng tôi phỏng có ích gì, vậy tôi xin cáo về.

Từ hôm đó, Phan Lê Phiên bỏ chức, quay về điền lý. Đinh Tích Nhưỡng nghe tin, cười:

Cái anh râu biếc ấy đi khỏi tức là triều đình bớt được một thằng bố lém.

Hồi này triều đường vắng ngắt. Còn thưa thớt được một vài người thì toàn là vây cánh của Nhưỡng cả.

Nhà Vua trông thấy quang cảnh ấy, buồn rầu bảo với thị thần:

Ta không có người giúp nữa rồi. Nhưng nó cũng không thể cậy nhiều mà hiếp ta được. Ta thử không cho, xem chúng nó giở những trò gì?

Bọn thị thần thấy gương Phan Lê Phiên không dám đương đầu với Đinh Tích Nhưỡng thì lo rằng sau này Nhưỡng sẽ trách vấn đến mình nên cố ý khuyên Vua cho Nhưỡng được như ý. Nhưng nhà Vua nhất định không cho. Lâu dần chính Nhưỡng cũng núng thế, phải mật tâu xin cứ phong vương cho bồng, nhưng chính quyền thì tự nhà Vua chủ trương lấy. Bất đắc dì nhà Vua phải thuận và truyền chỉ phong cho Trịnh Bồng tước Yến đô vương.

CHỨC VÀ QUYỀN

Từ khi quân Tây Sơn đi khỏi, Vua Chiêu Thống vẫn áy náy về cái ách họ Trịnh cho nên những quan chế do Trịnh phủ đặt ra, nhà Vua nhất thiết đổi đi cả, định dùng một ngọn bút mà xóa nhòa dĩ vãng. Vì theo ý ấy nên những chức của Trịnh phủ như Tham tụng, Bồi tụng, Thiêm sai, Lục phiên... đều đổi làm Bình chương, Đồng bình, Chương sự, Thiêm sự, Lục bộ...

Sự cố gắng của nhà Vua lẽ tự nhiên là không có kết quả.

Vì, trong khoảng 200 năm nhiếp chính, họ Trịnh đã nảy ra những mầm gốc rất kiên cố ở Bắc Hà. Những mầm gốc ấy là hàng vạn gia đình đời dời lập nên công nghiệp và hưởng những bổng lộc của Trịnh phủ.

Muốn trừ được mầm gốc ấy, thế tất phải có một cơn giông tố lớn làm rung chuyển cả xã hội Việt Nam. Nhưng Vua Chiêu Thống không phải là người gây ra và làm chủ được những cơn giông tố như vậy thì những việc hợp với tự nhiên thế tất phải xảy ra.

Trên đây mới là việc tranh vị, dưới này sẽ là việc tranh quyền.

Sự tranh giành đó cố nhiên không phải do Trịnh Bồng gây ra. Vì Bồng cũng chỉ giữ một hư vị như nhà Vua mà quyền ở cả bọn cường thần ngu dốt, danh là phục hưng nhà Chúa, nhưng sự thực là cầu lấy một chút tư lợi.

Người tranh quyền cho nhà Chúa là Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ, viên tướng bị thua quân Tây Sơn ở bến Thúy Ái.

Sau khi đã bỏ bảy người vừa con, vừa rể ở sa trường, cơ chạy lên Hưng Hóa, nương nhờ một người thổ tù là Đinh Công Hồ. Quân Tây Sơn đi hỏi, Vua Chiêu Thống cho triệu, Cơ lập tức mang quân về đóng ở Trường bắn, còn mình thân vào chầu Vua trước và hầu Chúa sau. Công chúng thấy Cơ cử chỉ như vậy cho là Cơ đứng về

phe Vua, tất phản với Nhưỡng về phe Chúa, không bao lâu nữa kinh thành sẽ diễn ra một cuộc tàn sát giữa hai người. Có kẻ nhát gan đã phải tìm nơi ẩn tránh.

Trịnh Bồng sợ cơ chống với mình nên hết sức mua chuộc và Nhưỡng cũng mượn người đút lót để lấy lòng Cơ.

Một kẻ bộ hạ của Thạc quận là Nguyễn Liễu thấy chủ phân vân, không biết thuận về chiều nào thì khuyên Cơ nên hợp với Nhưỡng, bỏ Vua mà giúp Chúa.

Cơ đáp:

- Người chịu khó nhọc mới làm nên được một mâm cỗ ngon. Ta vừa đến, thò đũa vào gắp ngay thì coi sao được?

- Nay Vua đã phong vương cho Chúa rồi, nhưng giữ cả lấy chính quyền, thành ra Chúa cứ ngồi suông, dù cậy răng cũng không dám nói nửa lời. Trong chính phủ không ai đề xướng việc này lên trước. Vậy phi ông thì không xong. Cổ lục có câu: "Mưu việc thì dễ, nên việc thì khó." Nếu ông chịu đương lấy cái khó nhọc ấy thì công nghiệp phỏng có kém gì Đinh Tích Nhưỡng?

- Nhưng làm thế nào bây giờ?

- Trước kia, Nhưỡng có hội các quan bàn xin phong vương cho Chúa. Nay ông cũng hội các quan lại, nhưng là để bàn định về chức vị của các quan, rồi cũng tâu xin với Vua. Nhà Vua dù muốn không cho, cũng không được.

Thạc quận nghe lời, liền đặt thư đi mời các quan đến họp tại công đường bộ Lễ. Trong thư có câu: "Nay sông núi y nguyên, vua chúa như cũ. Nhưng kỷ cương đổ nát, triều chính rối ren. Các quan văn võ có lẽ ngồi yên, khóa miệng hay sao? Vậy xin đúng ngày đến họp bàn, rồi sẽ tâu xin vua chúa ban lệnh thi hành cho ra thể thống."

Coi tờ đạt, dân đô thành lại càng tin rằng Thạc quận tất vì nhà Vua mà đáp lại cuộc hội họp của Liễn quận (Đinh Tích Nhưỡng) ở cung Tây Long.

Đúng hẹn, Thạc quận mang quân từ Hoàng thành ra, Liễn quận cũng kéo quân từ Vương phủ đến. Công chúng cho rằng cuộc giao chiến đã đến nơi rồi. Nhưng khi họp mặt, hai người tỏ ra rất thân thiện với nhau, thì người ngoài lại ngờ là Liễn quận đã mắc mưu Thạc quận.

Khi các quan đã đến họp đông đủ cả, Thạc quận khai mạc bằng mấy câu sau:

- Chúa lập lên đã hơn một tuần nay mà chính sự của chiều đình vẫn chưa nên mối manh gì cả. Các quan có ý kiến gì thì nói ra, để cùng làm tờ tâu, xin Vua thi hành cho ra thể thống.

Một quan văn trẻ tuổi là Ninh Tốn nhanh nhẩu nói:

- Sáng nghiệp về trước quyền ở nhà Vua , trung hưng về sau quyền ở nhà Chúa.

Nhưỡng thừa thế , hỏi vặn:

- Nay sáng nghiệp về trước hay là trung hưng về sau?

Tốn đáp:

- Tôi nói thế là tỏ ra rằng chúng ta hiện ở sau hồi trung hưng.

- Có phải thế, ông nên nghị trước đi.

- Vua chúa chung quy vẫn là một mói. Tên các quan chức tuy Vua đã sửa đổi, nhưng cũng nên dung hòa với những tiếng đã dùng quen. Vậy nên cho chức Bình chương kiêm chức Tham tụng, Tham tri kiêm Bồi tụng, Thiêm thư kiêm Thiêm sai, Cấp sự kiêm Tri lục phiên. Chức Trưởng phủ, Thự phủ thì gia thêm ấy chữ nữa gọi là Tả hữu Đô đốc. Còn Nghị sự đường ở cửa phủ thì tai mắt thiên hạ đã quen, xin cứ giữ nguyê như cũ. Bao nhiêu chính sự trong triều thì cũng cứ theo lệ trước gửi Chúa, rồi sau sẽ tâu Vua.

Liễn quận thấy Ninh Tốn có ý tôn trọng nhà Chúa mà bỏ Vua thì mừng lắm:

- Người ta khen ông giỏi về từ hàn, quả không sai!

Lập tức sai Ninh Tốn làm tờ tâu theo đúng những danh từ vừa kể trên.

Đinh Tích Nhưỡng sợ vào chầu thì trái lời hứa với nhà Vua khi trước nên cáo về. Bọn quan võ cũng đi theo. Duy có bọn quan văn cùng với Thạc quận xin vào bệ kiến Vua Chiêu Thống.

Thoạt đầu, nhà Vua tưởng Thạc quân thiên về mình thì có ý mừng, nhưng đọc tờ tâu biết rằng viên tướng già này cũng về phe với Đinh Tích Nhưỡng thì tức giận nói:

- Đã là Tham tụng, Bồi tụng thì còn đeo thêm những chữ Bình chương, Tham tri là gì? Là Chưởng phủ, Thự phủ thì hà tất phải thêm Tả hữu Đô đốc? Các ngươi chỉ bày trò ra để dối Trẫm như dối con nghề. Phép thờ Vua đâu có thế.

Thạc quận vốn có lòng nể Vua Chiêu Thống, thấy nhà Vua quở trách thì lo sợ, không dám nói gì cả, chỉ rập đầu tạ tội.

Ninh Tốn tiến lên, tâu:

- Hiện nay ngoài thành chỗ nào cũng là chiến trường cả. Lòng người xao xuyến mà chính sự trong triều cứ phân vân mãi thì xã tắc khó yên. Phạm đến uy Bệ hạ, chúng tôi lấy làm sợ hãi vô cùng. Xin Bệ hạ soi xét cho.

Nhà Vua quát mắng:

- Chiến trường ở ngoài thành tự ai gây ra mà đổ lỗi tại ta? Chẳng nên nói lắm làm gì vô ích. Các ngươi đã cậy đông người mà ăn hiếp ta thì cứ tự tiện mà làm, xin làm gì nữa?

Thạc quận nghe nói, sợ hãi, lưng toát mồ hôi, không dám kêu nài gì nữa, chỉ quỳ phục ở sân điện cho đến khi trời tối, cũng vẫn chưa dậy.

Nhà Vua tự liệu rằng bọn Thạc quận đã cố xin thì dù không cho cũng chẳng được nào nên phải chuẩn y, nghĩa là trả lại cả chính lẫn binh quyền cho họ Trịnh, theo đúng khuôn mẫu từ hai trăm năm về trước. Cuộc "phù Lê diệt Trịnh" của Nguyễn Huệ cũng như chế độ "nhất thống" của Nguyễn Hữu Chỉnh chung quy chỉ là một giấc chiêm bao. Vua Chiêu Thống tuy lưu luyến nó, nhưng tự nó đã chuyển sang Trịnh phủ, do khối óc hẹp hòi của mấy viên quan võ.

Được nhà Vua ưng chuẩn, Hoàng Phùng Cơ sung sướng như giật được võ công lớn nhất trong đời. Ngay hôm sau, Thạc quận họp các quan ở Vương phủ để bàn việc gán chức và chia quan: Tứ xuyên hầu Phan Lê Phiên được cử vào chức Bình chương kiêm Tham tụng; Kế liệt bá Bùi Huy Bích, Khuê phong bá Phan Huy Cẩn, Đồng bình chương sự kiêm Bồi tụng. Hoàng Phùng Cơ được phong làm Trung quân Đô đốc phủ tả Đô đốc chưởng phủ sự, tước Thạc võ công; Đinh Tích Nhưỡng, Đông quân Đô đốc phủ hữu Đô đốc thự phủ sự, tước Liễn quân công. Bọn Ngô Trọng Khuê và Ninh Tốn cùng làm Tham tri; Phan Huy Ích thì Lục khoa cấp sự trung kiêm Thiêm sai lục phiên.

Sắc mệnh thảo xong, dâng lên vua Lê. Nhà Vua nhất thiết chuẩn y, không sửa chữa qua một điều nào cả. Nhưng Phan Lê Phiên và Bùi Huy Bích quả quyết khước từ. Duy có Phan Huy Cẩn nhận chức, song cũng chỉ ngồi làm vì; mọi việc đều ở hai tay viên quan võ là Hoàng Phùng Cơ và Đinh Tích Nhưỡng.

Chính quyền đã từ Hoàng thành chuyển sang Vương phủ thì Vua Chiêu Thống cũng không thể hành động gì hơn được các vua Lê khác, bắt đầu từ Trang Tôn và sau rốt là Hiển Tôn. Lộc của nhà Vua lại thu hẹp trong một nghìn xã; nhà Vua định làm việc gì thì Trịnh phủ tìm cớ thoái thác để ngăn ngừa. Bị ức chế một cách quá đáng, Vua Chiêu Thống liền phái người đi mộ ngầm quân lính, danh là bảo vệ Hoàng thành, nhưng sự thực là để chống nhau với Chúa Trịnh.

Theo lệ cũ, trong nội điện họ Trịnh vẫn đặt một chức "phụ tá". Yến đô vương liền lấy một vị hoàng thân về phái mình làm chức ấy để dòm nom công việc của nhà Vua . Vua Chiêu Thống bất bình, bảo với vị hoàng thân kia:

- Trẫm vừa cho Yến đô vương làm Chúa, ngồi chưa nóng chỗ mà đã định kiềm chế Trẫm rồi. Thôi ông hãy về bảo với Chúa rằng Chúa sai ông sang giúp Trẫm, nhưng Trẫm không cần đến, vậy hãy trả ông về mà giúp Chúa.

Hoàng thân sợ mà lui ra. Nhà Vua lại bảo tả hữu:

- Các ngươi đừng sợ. Hễ người ấy trở lại thì chặt chân hắn đi.

Mối hiềm khích giữa Vua và Chúa bắt đầu từ đấy. Và cái nguyên nhân diệt vong của họ Trịnh cũng ở đấy.

Nguyên trong số bầy tôi mới của Yến đô vương có một nhà nho rất gian hoạt là Dương Trọng Tế, xưa theo Trịnh Lệ, nhưng lại phản Lệ mà về với Yến đô vương. Sợ Vua Chiêu Thống trị cái tội khi quân khi trước, Trọng Tế bàn với Trịnh Bồng:

- Chữ "nhất thống" là do miệng Cống Chỉnh nói ra, không còn vô lý gì bằng. Xưa kia chính quyền ở Chúa mà tế tự ở Vua. Thế cũng là nhất chứ nhị thống bao giờ? Nay gặp khi hoạn nạn, nhà Vua đã không biết hợp với nhà Chúa mà cùng lo liệu thì chớ, lại còn cầu cho nhà Chúa bị tai hại để cầu an toàn lấy một mình. Còn bọn triều thần thì như Phan Lê Phiên chẳng hạn, chịu uốn gối dưới chân giặc mà chỉ biết có Vua chứ không biết có Chúa. Như vậy dù thiên lý hay nhân tình cũng không tài nào dung được. Ngày trước Chúa thượng về chậm nên tôi phải theo Trịnh Lệ. Nếu Chúa

thượng về sớm chút nữa thì tôi quyết không dung bọn hàng giặc kia. Vả trong tôn phái nếu muốn kén một người làm Vua cũng chẳng khó gì. Vua này đã do Tây Sơn lập ra thì cũng nên cho theo Tây Sơn mới phải.

Yến đô vương cho lời Trọng Tế là phải nên mật mưu định vây Hoàng thành, bắt các thị thần mà giết đi, rồi bỏ Vua Chiêu Thống, lập người khác. Mọi việc xếp đặt xong, liền sai học trò Trọng Tế là Nguyễn Mậu Nhĩ mang quân đến đánh vào mặt trước Hoàng thành. Còn Nhuận trạch hầu là Bùi Thời Nhuận thì từ cửa An Hoa vào đánh tập hậu.

Nhà Vua biết, liền sai hoàng thân chia giữ các cửa. Mậu Nhĩ cưỡi voi đi đầu, dẫn quân vào cửa Đại Hưng, thanh thế rất mạnh, tưởng rằng chỉ trong chốc lát thì hạ được Hoàng thành. Không ngờ từ cửa Đông Hòa, Hoàng Phùng Cơ đã cưỡi voi chạy lại. Thạc quận tuốt gươm trỏ vào mặt Mậu Nhĩ nói:

- Mày muốn toàn đầu thì lập tức phải thu quân về. Không thế tao hãy chém đầu mày, rồi bắt đảng mày mà giết hết.

Thạc quận vốn ghét Trọng Tế, lại cũng không ưa những việc đại nghịch. Vả Thạc hiện kiêm chức Chánh đề lĩnh, có nhiệm vụ canh giữ Hoàng thành, nếu để việc xảy ra thì chính mình cũng không khỏi mang tiếng là đồng phạm. Vì vậy, khi nghe tin Mậu Nhĩ mưu phản, Thạc quận phải vội đến ngay. Vốn biết Thạc quận là một danh tướng khói lòng địch nổi, Mậu Nhĩ chịu phải rút lui. Nhuận trạch hầu không thấy phía trước hành động thì tự kéo quân về nội điện thành ra vô sự.

Khi biết rõ việc này, Vua Chiêu Thống tức giận bảo cac quan.

- Đảng ác mỗi ngày một nhiều. Mối loạn khó trừ được, có lẽ Trẫm phải gọi Nguyễn Hữu Chỉnh ra dẹp mới xong.

CỐNG CHỈNH RA TRÒ

Vừa thoát khỏi các ách Trịnh Lê thì lại tiếp ngay đến cái họa Trịnh Bồng; không đủ sức để tự vệ, nhà Vua thế tất phải vơ víu lấy một người nào khả dĩ giúp nhà Vua nhổ được cái gai ở trước mắt là dòng dõi họ Trịnh.

Người mà nhà Vua tìm kiếm không thể còn ai kha cs được là Nguyễn Hữu Chỉnh. Vì khi quân Tây Sơn còn ở Bắc Hà, Chỉnh thấy cái thế mình lung lay, đã ngầm tâu với Vua Chiêu Thống xin được trấn thủ đất Nghệ An. Nhưng nhà Vua chưa quyết định ra sao thì anh em Nguyễn Nhạc đã thừa lúc Chỉnh không ngờ mà kéo quân về Nam. Bị cô độc ở một nơi mà chung quanh toàn là người thù oán, Chỉnh tự xét không thể lưu lại được Bắc Hà nên lại buông thuyền theo anh em Tây Sơn. Nhưng khi theo kịp thì lại bị Nguyễn Huệ xua đuổi. Chỉnh đành phải trở về Nghệ An nơi chôn rau cắt rốn của mình, xong chung quanh cũng chỉ toàn là người thù ghét.

Nếu là một người tầm thường ở vào địa vị ấy, tất phải thất vọng mà tìm một cách giải quyết ươn hèn. Nhưng Chỉnh không thế. Ông dùng một cái uy vũ giả dối, thoạt tiên là uy hiếp người huyện mình, rồi đến cả trấn Nghệ An mà bắt lính, thu lương, sau rốt tổ chức nên được một đội quân tinh nhuệ.

Thủy chung vẫn mượn cái danh nghĩa "diệt Trịnh phù Lê" làm bộ xương sống cho công cuộc hoạt động, Chỉnh phái một viên gia thần là Nguyễn Khuê ra Thăng Long, xin Vua Chiêu Thống cho Chỉnh là trấn thủ Nghệ An và mang quân về đuổi họ Trịnh. Nhà Vua hỏi về quân tình của Chỉnh, Khuê hết sức nói lớn mãi lên, nên nhà Vua có ý mừng mà bảo Khuê lưu lại Kinh thành để chờ mệnh.

Trong số thị thần, có người biết việc này, liền khuyên vua:

- Chỉnh xa mà Chúa gần, chưa biết sau này được thua thế nào. Nếu phong cho Chỉnh mà lỡ Chỉnh thua thì sau này Chúa có thể trách nhà Vua được!

Nhà Vua vì thế sinh ngần ngại và chùng chình mãi mấy ngày không ban chiếu.

Khuê biết ý, lại lẻn về Nghệ An, nói phao lên rằng nhà Vua đã ban sắc phong Chỉnh làm trấn thủ Nghệ An, tước Bằng lĩnh hầu, được lệnh mở doanh Trung hùng quân.

Kế này do Chỉnh bày ra, vì Chỉnh lựa biết rằng xin vị tất Vua đã cho, nên dặn Khuê làm ra một đạo sắc giả mang về và Chỉnh cũng bày ra nghi vệ cùng hội các tướng lại tuyên đọc khiến cho ai cũng tin là thực.

Vì có đạo sắc giả đó, các đội quân nổi lên phản đối Chỉnh đều tự tan vỡ và các thế gia vọng tộc đều theo hịch của Chỉnh mà lần lượt đầu quân, nộp lương.

Khi thanh thế đã mạnh rồi, Chỉnh liền kéo quân ra Bắc.

Được tin báo, Yến đô vương liền phái Đang trung hầu Bùi Thế Toại làm Trấn thủ Nghệ An, Phan Huy Ích là Đốc thị và Mãn trung hầu Lê Trung Nghĩa làm Tham lĩnh kéo quân vào đánh Chỉnh.

Khi lên đường, Huy Ích có ý tự đắc, bảo với mọi người:

- Các ngươi hãy đứng chờ đây, xem ta vào Nghệ An lấy đầu Cống Chỉnh.

Huy Ích lại sai làm một các trống thật lớn bỏ người vào lọt, rồi trỏ mà nói:

- Ta sẽ đánh trống này dực tiền quân bắt Cống Chỉnh bỏ vào trống, mang về nộp!

Huy Ích không biết rằng tiền quân của Đang trung hầu đã bị Chỉnh đánh thua rồi. Nguyên khi quân Chỉnh ra đến Đông Thanh thì gần giáp quân của Đang trung hầu đương đóng ở Vân Trụ. Hầu nghe thanh thế của Chỉnh mạnh lắm và Chỉnh lại có mệnh của Vua, thành ra phân vân không biết đối phó thế nào. Chợt quân Chỉnh kéo đến, làm cho Đang trung hầu trở tay không kịp đến nỗi toán quân phải tan vỡ.

Đương lúc đắc chí, Chỉnh lại tiếp được mật chỉ của Vua Chiêu Thống giục Chỉnh kéo quân ra để hộ vệ nhà Vua . Ông liền hội các tướng lại, đọc chiếu chỉ cho nghe và nói:

- Đinh Tích Nhưỡng và Dương Trọng Tế âm mưu phản nghịch. Ta

tiếp được mật chiếu của Thánh thượng vời ra trừ giặc. Các tướng sĩ nên nhân lúc này mà lập công để lưu danh với mai hậu.

Các tướng ai nấy đều nức lòng cố đánh, Chỉnh phân phái con là Nguyễn Hữu Du, tướng là Hoàng Viết Tuyển, Nguyễn Như Thái, Lê Duật và Nguyễn Cảnh Thước chia giữ các đội, rồi tiến thẳng ra Bắc.

Qua bến Hoàng Mai thuộc huyện Quỳnh Lưu, Chỉnh nghe Lê Trung Nghĩa và Phan Huy Ích đã gần tới nơi, liền sai hai độ quân Thiết đột và Thiết kỵ tiến lên trước, giao chiến ở chân núi Ngọc Sơn. Quân họ Trịnh ô hợp bị thua to, Lê Trung Nghĩa bỏ chạy, Phan Huy Ích bị bắt.

Chỉnh truyền giải Huy Ích đến kể tội về bè với Chúa để phản Vua và hỏi:

- Ta nghe nói anh làm một cái trống to lắm. Trống ấy bây giờ ở đâu?

Huy Ích sợ hãi xin chịu tội, Nguyễn Khuê với Huy Ích nguyên có cố giao, hết sức xin hộ, Chỉnh cười:

- Nhà nho hay nói khoác, giết cũng vô ích! Tiếp cho Huy Ích đi theo, cùng tiến ra Thăng Long.

Yến đô vương thấy quân mình liên tiếp bại trận, mà quân địch thì tiến đến mỗi lúc một gần, lo sợ không biết nhường nào. Vương định trông cậy vào Đinh Tích Nhưỡng. Nhưng lại cũng giữa hồi này, hào mục Hải Dương được mật chỉ của nhà Vua vây đánh nhà họ Đinh ở Hàm Giang. Nhưỡng bất đắc dĩ phải xin Yến đô vương cho về trấn thủ Hải Dương, nhưng vừa mang quân về đến trấn thành đã bị các hào mục vây đánh rất gấp. Nhưỡng phải đương đêm phá vòng vây mà chạy.

Hoàng Phùng Cơ thấy tình thế nguy bách, cũng kéo quân lên Sơn Tây để giữ lấy mặt thượng du. Kinh thành phút chốc trở nên trống rỗng, dân gian lại được dịp bồng con bế cái chạy chốn các nơi. Giặc cướp lại nổi lên, tha hồ mà giết người vét của.

Để bảo vệ Hoàng thành, Vua Chiêu Thống phải sai các hoàng thân mang lính mộ ra chia giữ các cửa và đi tuần suốt đêm ngày.

Duy có bọn Bùi Thì Nhuận, Dương Trọng Tế vẫn ngồi vững trong vương phủ đạt giấy đi các nơi đòn đốc binh lương. Nhưng mệnh lệnh chỉ có giá trị là một tập giấy bồi, dân không nộp binh lương

nữa.

Yến đô vương bàn với Trọng Tế:

- Việc lớn hỏng rồi. Họa chăng có tài như Vua Thiếu Khang, tướng Thần Mỹ thì mới cứu vãn lại được. Ta không biết tự lượng, chót đã làm Chúa; ông vì trung thành quá mà ra làm quan. Nay gặp lúc tình thế nguy ngập như thế này, ông nên cố lo dùm hộ mới được.

Liền đó, Vương sai Trọng Tế làm trấn thủ Thanh Hóa, mang quân vào chống với Nguyễn Hữu Chỉnh. Trọng Tế bất đắc dĩ phải đi nhưng nghe nói đến Cống Chỉnh thì giật mình thon thót. Quân tới cầu Giềng, Tế cho đóng lại ngay, không dám tiến. Chúa Trịnh phải thúc giục, Tế mới lại tiến được đến Bình Vọng thì nghe tin Chỉnh đã qua sông Thanh Quyết. Trọng Tế lo sợ nói:

- Có chăng ông Thánh Gióng phục sinh thì mới đối địch được với nó. Quân Thạc quận Liễn biết cơ đã chạy trước cả rồi. Ta là quan văn mà không khôn ngoan bằng mấy anh võ biền ấy.

Nói rồi lập tức cho quân qua bến Thanh Trì chạy sang Kinh Bắc rồi dâng khải về cho Yến đô vương xin làm trấn thủ nơi này, để các hào mục lo việc mai hậu.

Nhận được khải, Yến đô vương trông trước trông sau, không thấy một ai là người có thể tin cậy được thì khóc và than rằng:

- Ta bất hạnh sinh vào nhà Chúa lại bị quân tiểu nhân nó lừa dối. Nếu biết trước cơ sự như thế này thì thà ta ngồi yên đóng vai một hòa thượng ở Chương Đức cho xong.

Gạt lệ, Vương hỏi bọn hầu cận:

- Đến nông nỗi này rồi, ta nên chạy đi đâu bây giờ?

Có kẻ là ngoại điệt của Vương thưa:

- Xin Chúa cứ yên tâm. Ngay bây giờ Chúa nên vào cung miếu cáo biến đi đã, rồi thu lấy thần vị cho tôi mang sang sông trước. Đến đêm, tôi sẽ thuê thuyền, rước Chúa sang làng tôi là Quế Ổ, nơi ngoại hương của Chúa thượng. Nhà tôi vốn đời đời làm tướng, các hào mục phủ Từ Sơn toàn là môn hạ nhà tôi cả. Tôi lấy lời trung nghĩa và dụ họ thì tất họ phải theo mà giúp Chúa trong việc khôi phục. Đồng thời tôi lại xin vì Chúa mà đạt giấy cho quận Liễu ở Hải Dương, quận Thạc ở Sơn Tây và Trọng tế ở Kinh Bắc, nhờ ba người đó làm ngoại viên. Còn quân ta thì cứ đóng ở Quế Dương giữ

lấy mặt sông Nhị Hà. Chỉnh dù có tài năng đi nữa, cũng vị tất đã làm gì ta nổi.

Được lời bàn đó Yến đô vương mừng rỡ như kẻ đã chết mà có người cho được thang thuốc hồi sinh. Vương hớn hở nói:

- Có lẽ lòng trời chưa tuyệt họ Trịnh nên mới sinh ngươi để giúp ta. Nếu mọi việc sẽ được như lời bàn của ngươi thì không còn gì may mắn cho xã tắc hơn nữa.

Canh hai đêm ấy, Yến đô vương đáp thuyền sang Quế Ổ, tả hữu chỉ còn độ vài chục người. Sáng sớm hôm sau, Vua Chiêu Thống biết tin Yến đô vương đã trốn ra ngoài thành Thăng Long thì lập tức sai người đến đốt phủ Chúa Trịnh. Lửa cháy âm ỉ đến hơn một tuần mới tắt. Cơ nghiệp nhà họ Trịnh gây dựng trong hai trăm năm, rút lại thành một đống tro tàn, người xa gần ai trông thấy cũng phải động lòng thương cho một cái uy quyền phút chốc đã tan ra thành mây khói.

Từ đây Chỉnh không còn bị ngăn trở vì một sức kháng chiến nào nữa. Khi qua sông Thanh Quyết, Chỉnh sai Nguyễn Khuê thảo biểu dâng trước về Thăng Long, đại ý nói:

"Tiếp được sắc chỉ của Hoàng thượng, tôi lập tức cất quân. Tới núi Ngọc Sơn trấn Thanh Hóa, bọn Lê Trung Nghĩa là Phan Huy Ích có mang quân ra cự địch. Nhưng nhờ uy đức của Hoàng Thượng, tôi đã chém được Lê Trung Nghĩa và bắt sống Phan Huy Ích, quân thế trở lên mạnh mẽ trăm phần. Từ trấn Thanh trở ra, tôi hết sức tuyên dụ ân đức nhà Vua cho muôn dân biết, nên đi đến đâu cũng được trăm họ tiếp rước, đón mừng. Tôi tuy mình mặc áo chiến, nhưng trong lòng lúc nào cũng mơ tưởng long nhan và chỉ cầu chóng tới Thăng Long để được vào bái mệnh ở cửa khuyết..."

Xem biểu, nhà Vua mừng rỡ không biết ngần nào, lại hỏi cặn kẽ Nguyễn Khuê về những việc mới xảy ra ở Nghệ An. Khuê nhất nhất tâu bầy. Nhà Vua liền sai thảo sắc phong cho Khuên làm Nội hàn kiêm Tả sai quân quản cơ.

Nghe tin quân Chỉnh tới Thanh Liệt, nhà Vua vội sai các quan ra đón. Tới Thăng Long, Chỉnh lập tức vào bệ kiến Vua Chiêu Thống tại điện Trung Hòa. Nhà Vua lấy lời ngọt ngào úy dụ, Chỉnh tâu:

- Trước đây kiêu binh nổi loạn, giết hại đại thần, tôi đương cầm quân ở ngoài bị Chúa Trịnh không dong nên mới phải bỏ làng, bỏ nước mà chạy vào Tây Sơn, chứ thực lòng không muốn. Tôi nghĩ gốc loạn nước nhà là ở cương thường hỗn loạn, cho nên mấy năm

Thân Dậu, người nào có lòng trung nghĩa đều giúp hoàng thân khởi nghĩa hoặc giữ lấy các châu quận mà hùng cứ một phương. Ngay hồi ấy, tôi cũng đã có chí muốn chỉnh đốn lại cơ đồ để rõ nghĩa Vua tôi, chứ thật ra không có thù riêng gì với Chúa Trịnh. Tiên đế biết biết bụng tôi như vậy nên đã rủ lòng thương mà phủ dụ, tôi cảm kích vô cùng. Người không biết cho tôi là có tội và lập tâm muốn hại tôi. Điều đó thiết tưởng Bệ hạ cũng đã soi xét cho.

- Trẫm đã biết rõ cả, ông bất tất phải nói. Nay chỉ nhờ ông giúp Trẫm, dẹp yên loạn lạc để dân nước được cùng hưởng thái bình.

Chỉnh lạy tạ trở ra. Hôm sau Vua Chiêu Thống ra ngự bên Tây Long duyệt quân Nguyễn Hữu Chỉnh và phong cho Chỉnh làm Bình chương quốc quân trọng sự, Đại tư đồ, tước Bằng trung công. Nguyễn Khuê, Nguyễn Hữu Du đều được phong hầu. Các tướng tá và binh sĩ cũng đều được chức tước cả.

Khi Chỉnh còn ở Nghệ An, có một quan văn là Nguyễn Đình Giản kể cái tội Chỉnh mang quân ngoài về cướp nước nhà, xin mang quân vào đánh và thề sẽ không cùng với Chỉnh đội trời chung. Hồi đó công luận đều khen Đình Giản, duy nhà Vua không cùng ý ấy! Lúc Chỉnh đến thì Nguyễn Đình Giản đang phụng mệnh Yến đô vương lên mộ quân ở Sơn Tây chưa về. Công chúng cho rằng Chỉnh với Giản sẽ không thể chung nhau được. Nguyễn Khuê hỏi riêng Chỉnh:

- Nguyễn Đình Giản là người thế nào?

- Là người cương trực.

- Có nên dùng không?

- Chẳng những nên dùng, lại còn nên kính trọng nữa.

- Thế ông không giận Nguyễn Đình Giản à?

- Đến ngay như Hoàn quận là bố vợ ông ta mà ông ta còn kể tội là khuất tất với giặc mà đàn hặc ở giữa triều đình, huống chi là người khác. Nếu mình có lỗi mà ông ta dám nói là thẳng. Mình mà không có lỗi thì ông ta dù nói nữa phỏng có hại gì? Và giận ông ta cũng không ích gì, chỉ tổ cho thiên hạ cười mình là hẹp lượng.

Liền đó, Chỉnh viết thư mời Giản về và gán cho chức Phó Đô ngự sử.

Các quan lại khác thấy Chỉnh đãi người có nhã độ, liền lục tục kéo

ra, không bao lâu triều đình lại có vẻ phồn thịnh như những thời thịnh trị. Nhưng đến lúc đã đắc chí rồi, Chỉnh không thể tự kiềm chế được mình. Ông cho làm nhà ngay ở lương phủ - phủ của Chúa Trịnh khi còn ở ngôi Thế tử - mà ở. Năm ngày Chỉnh mới vào chầu Vua một lần. Ngoài ra, cứ ngồi ở công đường, các quan phải thân đến tận nhà Chỉnh để xin xử quyết mọi việc. Chỉnh tự đặt ra một đạo quân riêng gọi là Võ thành. Trong đạo có năm doanh là Thiết đột, Thiết kỵ... quân phục giống hệt như quân nhà Thanh bên Tàu.

Con Chỉnh là Hữu Du thì làm nhà riêng ở cạnh phủ cha. Tương tự như Thế tử họ Trịnh khi xưa. Tại phủ đệ cha con Chỉnh chỗ nào cũng đài các lộng lẫy và áo mũ xe kiệu rất trang hoàng. Trong triều thì Chỉnh giữ cả chính trị lẫn binh quyền, mọi việc thường tự chuyên lấy một mình. Tại các trấn thì bao nhiêu chức quan trọng đều ở trong tay bọn thủ hạ của Chỉnh là Hoàng Viết Tuyển, Nguyễn Cảnh Thước... Sĩ phu trong nước thấy Chỉnh hống hách chẳng kém gì Chúa Trịnh khi trước, đều tỏ vẻ lo buồn. Chính Vua Chiêu Thống cũng ngờ vực Chỉnh.

Hồi này, nhân có chiến tranh luôn nên tiền tệ trong nước phần nhiều bị các nhà giàu tích trữ, vật giá thành ra mỗi ngày một cao, sự sinh hoạt trở nên rất khó khăn. Chỉnh xin với Vua thu tượng và chuông đồng ở các chùa để đúc tiền dùng. Bọn thủ hạ nhân thế, buộc cho nhiều người vào tội ẩn nặc mà sách nhiễu tiền nong. Dân gian khổ sở không biết ngần nào, đều quy oán cả vào Nguyễn Hữu Chỉnh.

Có kẻ làm câu đối dưới đây dán ở cửa Đại Hưng để giễu Chỉnh và vua Lê:

Thiên hạ nhất tự chung, chung thất nhi đỉnh an tại.

Hoàng thượng phần vương phủ, phủ phần nhi điện diệc không.

(Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất đỉnh còn sao được?

Hoàng thượng đốt phủ Chúa, phủ tan mà điện cũng trơn.)

CHIM BẰNG CẤT CÁNH

Đốt phủ Chúa Trịnh, Vua Chiêu Thống có cái tin tưởng dung dị là đã mất tổ rồi thì con cháu họ Trịnh không có chỗ ra vào ở Thăng Long nữa mà nhà Lê cũng thoát được cái vai cày nặng trĩu đeo đẳng đã hơn hai trăm năm.

Chỗ tin tưởng của nhà Vua , cũng may đã đúng với sự thực. Vì từ khi chạy sang Quế Ổ, cái thế lực của Yến đô vương mỗi ngày một điêu tàn. Sau rốt, bị Nguyễn Hữu Chỉnh công phá một trận, thành tan ra mấy khói.

Nhưng lại nảy ra một cái ách mới mà nhà Vua không ngờ đến là ách Nguyễn Hữu Chỉnh.

Nhà Vua có ý trừ Chỉnh nên mật bàn với bọn cận thần là Ngô Vi Quý và Nguyễn Xuân Hợp:

- Chỉnh tuy có công thật, nhưng mỗi ngày một kiêu lọng, nếu không trừ trước đi sợ sau này hối lại không kịp!

Hai người ngẫm nghĩ rồi tâu:

- Chỉnh là người lập tâm nham hiểm lắm, thực là kẻ gian hùng đời loạn. Từ khi đắc chí hắn coi thường cả mọi người. Việc quân đốc tự hán chuyên quyết cả, không bàn với ai mà cũng không tâu Vua nữa. Theo ngu ý chúng tôi thì hắn như con lang, con sói không thể dung được. Nhưng muốn giết hắn không phải là dễ. Ngay bây giờ Bệ hạ hãy làm ra vẻ trọng đãi hắn. Rồi đây khi hắn bắt đầu quen rồi, sẽ mời hắn vào điện ăn yến, dùng rượu độc mà giết đi. Như vậy không lộ ra hành tích gì hết. Kế hay tưởng không gì hơn thế nữa!

Nhà Vua gật đầu, bảo hai người:

- Việc này chỉ có ta với các ngươi biết, chứ chớ để lộ đến người

ngoài. Cổ nhân nói: " Vua không kín thì mất bề tôi, bề tôi không kín thì hại đến mình". Các người phải nhớ lấy câu ấy, khi nào có cơ hội Trẫm sẽ bảo.

Mấy hôm sau, một đại thần là Võ Trinh vào hầu, nhà Vua mang việc trên ra hỏi. Trinh giật mình nói:

- Nếu bệ hạ thi hành kế ấy thì nguy cho xã tắc không biết bao nhiêu mà kể. Ngay nay giặc ngoài đương mạnh, tin báo mỗi ngày một gấp. Đáng lẽ Bệ hạ phải lấy Chỉnh làm vây cánh, lấy bụng thực mà xử với hắn, hắn sẽ cảm động thì dù là gian thần cũng đổi làm lương thần. Nếu ức đạc mà ngờ vực hắn thì Vua tôi sẽ không có liên lạc với nhau nữa, xã tắc nguy mất. Vả các địa vị quan trọng trong nước đều ở tay bọn thủ hạ hắn cả. Nếu giết chủ chúng, chúng sẽ nổi lên mà theo giặc. Như vậy có phải là mình tự cầm dao mà cắt vây cánh đi không?

Nhà Vua có ý hối hận:

- Nếu ông không nói, Trẫm sẽ mắc một cái lầm to!

Và lập tức truyền bọn Ngô Vi Quý và Nguyễn Xuân Hợp không được cử sự nữa.

Việc dần đến tai Chỉnh, Chỉnh có ý oán Vua, bảo riêng với bộ hạ là Nguyễn Như Thái:

- Ta đi khắp chân trời, góc bể, không ai dám giương mắt nhìn thẳng vào ta, thế mà ngày nay gặp mấy anh đồ kể cũng táo gan thật. Khi nào ta mang quân đi đánh giặc, sẽ mượn cái cổ hắn để thử xem gươm ta có sắc hay không? Nên cho hắn xuống âm phủ mấy những mưu độc ác.

Thái hỏi ai thì Chỉnh nói rõ là Ngô Vi Quý và Nguyễn Xuân Hợp.

Từ đấy, Chỉnh không vào chầu nữa. Mỗi lần có việc gì quan trọng thì Chỉnh sai người vào tâu với Vua. Vua định đoạt thế nào, lại sai bọn đại thần là Phan Lê Phiên, Trần Công Sán và Võ Trinh ra nói cho Chỉnh biết.

Một hôm, nhân gặp trời rét, Võ Trinh nhân có việc đến phủ Chỉnh. Bọn lính canh ngăn lại, không cho vào nói:

- Tướng công đương nghỉ ở trung đường. Bây giờ không phải là lúc tiếp khách, xin ông hãy về, lúc khác sẽ lại.

Trinh gắt:

- Việc quân khẩn cấp, không thể chậm được, Tướng công ngồi cách đây có hai bức cánh cửa mà coi như nghìn dặm là nghĩa làm sao? Tôi vì việc công mà lại đây, chứ có phải việc riêng đâu? Về làm sao được?

Chỉnh nghe tiếng vội cho mời vào. Trinh nói xong mọi việc, vội lui ra, Chỉnh giữ lại:

- Việc ấy đã có quận Thái và các ty tướng cấp quân đi rồi. Ông không cần phải về phục mệnh nữa. Hãy ngồi lại đây uống vài chén rượu.

Vừa nói vừa rót rượu đưa cho Trinh, Trinh từ không uống. Chỉnh bất bình hỏi:

- Hay ông có bụng nghi tôi chăng?

Trinh xin lỗi, nâng chén rượu uống cạn, nói:

- Tôi bất tài, nay tôi được cất nhắc đều là nhờ ơn Tướng công cả. Có đâu dám nghi.

Tiệc tan, Võ Trinh cáo về; khi ra tới cửa có bảo riêng môn hạ của Chỉnh là Nguyễn Khuê:

- Thiên hạ có lắm kẻ nói xằng, trăm điều không được một điều đúng. Quân gian nhân thế lại gièm pha vào để làm rối loạn trong ngoài. Tướng công là người minh mẫn, hẳn không để ý đến những điều ấy. Chỉ sợ nhiều người nói quá thì cũng sinh ngờ, tôi muốn giải rõ những điều ấy để Vua tôi cùng hiểu nhau là việc rất may mắn cho giang sơn xã tắc.

Hôm sau, Nguyễn Khuê mang lời Võ Trinh thuật lại với Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh nói:

- Lời thiên hạ đành rằng không nên tin cả những cũng không hẳn là không có vài phần sự thực, vậy chưa hẳn là đã không có. Nhưng dù có nữa, cũng không làm gì được ta. Hiện nay trong nước đương lắm việc. Điều đó ta hãy để đấy, chưa bàn đến vội.

Chỉnh tuy biết lấy lượng mà đáp lại một việc xuất ở tiểu tâm của vau Chiêu Thống, nhưng quyền hành đã thu vào trong tay cả thì ít ai đã tự kiềm chế nổi mà không trở nên tự tin và kiêu căng, nhất là từ khi Chỉnh trừ được hai tay cường thần là Dương Trọng Tế và

Hoàng Phòng Cơ nổi lên ở Kinh Bắc và Sơn Tây thì suốt từ trong triều ngoài nội, Chỉnh không còn coi một ai ra gì cả. Chỉnh xin gia tước Quận công cho môn hạ mình là Nguyễn Như Thái và Hoàng Viết Tuyển, Vua thuận. Các quan muốn a phụ Chỉnh xin Vua phong cho chỉnh tước Công một chữ, mở quân phủ Võ thành và đúc ấn Võ thành, Vua cũng cho. Con Chỉnh là Nguyễn Hữu Du cũng được thăng lên chức Tướng quân, coi hết cả quân quyền. Bộ ngũ của Chỉnh cũng cậy thế Chỉnh mà làm những việc phi pháp; các nhà thức giả thấy Chỉnh chỉ chăm lo phú quý mà không thiết gì đến việc quân cả thì thất vọng, đoán rằng cơ loạn sẽ tới sau lưng, nên tìm cách cáo về. Dân chúng bị bộ hạ của Chỉnh sách nhiễu, cũng ca thán mà quy cả tội vào cho Chỉnh.

Thấy nhàn tâm ly tán, Chỉnh liền nghĩ đến cách mua chuộc lòng người nên mới theo phép của Tư Mã Quang đời Tống, đặt ra lối "Thập khoa thủ sĩ". Năm Đinh Mùi, Chỉnh mở ra chế khoa, cho phép các q uan từ tam phẩm trở lên được đề cử nhân tài, cho vào đình đối sách. Danh sĩ trong nước nhân đó, nô nức ra thi. Lúc vào điện thi có tới hai trăm người, Chỉnh định cho đỗ cả để thu lấy nhân tài, nhưng lúc đó truyền lô chỉ có hai người hợp cách là Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát. Chỉnh không bằng lòng. Sang mùa đông lại mở một kỳ điện thí ở lầu Ngũ Long, lấy bọn Bùi Dương Lịch tất cả mười lăm người đỗ tiến sĩ. Người của Chỉnh là Nguyễn Khuê đỗ thứ tư nên thiên hạ đều ngờ là Chỉnh có ý thiên vị.

Chỉnh muốn mua chuộc lòng người, nhưng việc làm càng ngày càng mất lòng người. Chính lệnh của triều đình vì đó, không được ai tôn trọng nữa. Ngoài thành giặc cướp nổi lên như ong, tại miền thượng du thì các thổ tù kế tiếp nhau mà mộ quân đúc khí giới, chống lại với Chỉnh. Nhà Vua nghe tin cấp báo, lo sợ không biết nhường nào, bảo Chỉnh thì Chỉnh cứ dương dương tự đắc, yên trí rằng với một đạo hịch có thể gây được cuộc bình trị ở khắc trong triều ngoài nội.

Trong các triều thần, hãn hoặc có người đã trông rõ mối loạn, muốn tìm phương hướng giải cứu, nhưng mở môi ra, là sợ Chỉnh thù mà tìm cách hại ngầm.

Về mặt Nam Hà thì Chỉnh tin rằng có tướng Tây Sơn là Nguyễn Duệ, trấn thủ Kỳ Hoa về hùa với mình nên không tính cách đề phòng. Nhưng đến khi Nam hà xảy ra cuộc xung đột giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, Duệ giục Chỉnh cất quân thì Chỉnh lại không dám, vì vợ con còn gửi gắm cả ở trong đó.

Không bao lâu Bắc bình vương phái Vũ Văn Nhậm ra Nghệ An hỏi

tội Nguyễn Duệ, Duệ tự biết là không chống nổi, phải bỏ thành trốn về Quy Nhơn. Nhậm nhân viết thư ra trách Chỉnh, Chỉnh giấu không cho Vua biết, rồi mật trả lời, trong có câu:

"Người ta không biết bụng tôi, thấy tôi ở Bắc Hà thì bày đặt ra chuyện này, chuyện khác. Sao không xét cho rằng sau khi Chúa công về Nam, tôi lưu ở Nghệ có mươi ngày thì kịp đâu mà tư thông với Nguyễn Duệ được? Đầu cuối như thế, xin Tướng quân vì tôi mà thân oan với Chúa công cho."

Vũ Văn Nhậm đệ thư của Chỉnh về Phú Xuân, Bắc Bình vương thừa biết rằng Chỉnh trí trá mà nói thác ra vậy, nhưng Nam Hà đương lắm việc nên Vương cũng bỏ qua mà chưa hỏi đến. Chỉnh tưởng rằng mình đã dối trá được Bắc bình vương rồi, nên không lo gì phòng bị nữa.

Chợt có tin đồn Vũ Văn Nhậm đương kén lính ở Nghệ An, sớm chầy sẽ ra đánh lấy Bắc Hà và Thăng Long về đổi làm một chiến trường lớn. Dân chúng không biết thực hư thế nào, đều chôn giấu của cải và bồng con bế cái đi ẩn trốn các nơi.

Vua thấy dân tình huyên náo, liền triệu Chỉnh vào hỏi, Chỉnh tâu:

- Họ bịa ra đấy, có gì là thực. Tôi đã phái người vào thận nơi xem xét rồi. Từ khi về Nam, Nguyễn Huệ ở luôn ngay Phú Xuân, xây thành đắp lũy và thu giữ cả lấy những của cải và khí giới cướp được ở Bắc Hà. Nhạc phong cho Huệ làm Bắc bình vương, bắt phải nộp những của đó và về chầu tại Quy Nhơn, Huệ không chịu, Nhạc liền mang quân ra đánh. Hiện nay trong nhà họ đương lục đục, anh em thù ghét nhau quá người ngoài. Như vậy họ còn tâm trí đâu qua dãy Hoành Sơn, ra đây mà tranh hơn thua với ta nữa.

Ta cứ lo sửa sang việc nước là tự nhiên được hưởng thái bình. Còn trấn Nghệ An thì ta cứ sai sứ giả vào nói khéo, tự khắc họ sẽ trả mình. Ta với họ còn có tình dâu gia, bất tất phải lo ngại lắm.

Chức Ngự sử là Nguyễn Đình Giản bác lời Chỉnh:

- Xưa nay dâu gia có chắc gì? Nếu mình có tự cường lên được thì mới không phải lo người dòm ngó. Bắc bình vương là một vị anh hùng trong thiên hạ, ta coi thường sao được.

- Tôi đã từng chung đụng với họ, phỏng tôi còn lạ gì. Bắc bình vương quả anh hùng thật, son nhân tài ở Bắc Hà phỏng có kém gì? Nếu có xảy ra cuộc binh cách, tôi xin đương đầu với ông ta. Còn từ Văn Nhậm trở xuống thì đáng kể gì. Bảy huyện ở Nam Hà chưa

biết chừng sẽ về tay ta cả.

Vua Chiêu Thống thấy Chỉnh nói cứng như vậy thì cũng hơi yên lòng, bảo Chỉnh:

- Nước ta yên hay nguy quan hệ ở trong Nam động hay tĩnh. Ông nên tính kỹ để Trẫm đỡ phải lo lắng.

Chỉnh khảng khái tâu:

- Vũ Văn Nhậm tuy là tướng của Nguyễn Huệ, nhưng là rể Nguyễn Nhạc. Nay thấy anh em Tây Sơn đánh nhau Nhậm sao khỏi phân tâm mà thiên về phía bố vợ. Tôi nghe nói khi Nhậm ở Đông Hải có xin về chầu nhưng Bắc bình vương không cho, bắt phải ra thẳng Nghệ An. Nhân lúc Nhậm đương bị nghi, tôi muốn cho người vào nói việc cương giới Nghệ An. Ngoài có Nhậm giúp đỡ, trong có Công chúa chu toàn. Bắc bình vương dù có chẳng muốn, cũng không thể không theo ta được.

Hôm sau, Vua Chiêu Thống hội tất cả các quan để bàn việc cử người đi sứ.

Trương Đăng Quỹ bàn nên cử Nguyễn Đình Giản và Phạm Điển, nhưng Phan Lê Phiên gạt đi nói:

- Bắc bình vương quỷ quyệt lắm, lúc nói thế này, lúc nói thế khác, không biết đâu mà lường được. Tôi sợ hai ông này không thể đương đầu được với ông ta.

Chỉnh xin cử Trần Công Sán. Nhà Vua thuận, Sán xin cho Ngô Nho làm phó sứ và một vị hoàng thân là Lê Duy Án cùng đi.

Nhà Vua lại sai Nguyễn Hữu Chỉnh hợp với Phan Lê Phiên, cùng thảo quốc thư, đại ý nói:

"Xứ Nghệ gần với xứ Thanh, là côn bản của quốc triều tôi. Văn vũ người ở đấy nhiều mà lính Túc vệ cũng mộ từ đấy ra. Nếu dùng người mà bỏ đất để cho người ta phải làng nước cách biệt, họ hàng ly tán thì thật trái với nhân tình. Nhà Vua vãn lấy điều tín giao hảo với lân bang, việc dù nhỏ nhặt đến đâu thẩy đều rõ cả, không lẽ không trông thấy một việc rành rành làm vậy? Vả, khi nhà Vua ra Bắc Hà, là noi theo mục đích giúp đỡ nước tôi khi tiên đế tôi còn, cùng với nhà Vua cùng ngồi trên sập, những lời vàng đá nay còn văng vẳng bên tai. Đến lúc lâm chung, tiên đế tôi vẫn còn ân cần dặn bảo, phải nương nhờ quý quốc. mới đây nhà Vua sai tướng ra giữ đất Nghệ An, người nước tôi kinh nghi, tưởng là

tướng biên thùy sinh sự. Đến khi tiếp được giấy đạt, mới biết quý quốc muốn nước tôi phải chia đất để khao quân. Tôi mới lên làm Vua, chưa hiểu rõ mọi việc, khi sai đình nghị, mới biết rằng đó là hai châu Minh Linh và Bố Chính, chứ không liên quan gì đến đất Nghệ An cả. Lúc trước, quý quốc vương có nói: 'nếu đất của nhà Lê một tấc cũng không lấy'. Vì cần phải khao quân thì cắt đất không bằng lấy của. Nước tôi sẽ thu thuế trong hạt ấy năm năm một lần mang nộp quý quốc ở địa đầu. Xin quý q uốc nghĩ cho thế nào để toàn cái nghĩa bang giao của hai nước."

Thư làm xong dâng lên, Vua xem xong sai lấy vàng, lụa trao cho Sán mang đi.

Hôm lên đường, các quan tiễn sứ bộ ra đến ngoại ô, duy có Chỉnh đi mãi đến chùa Thịnh Liệt, nhân lúc vắng người Sán bảo Chỉnh:

- Bắc bình vương dối trá mà bất trắc lắm. Việc này vị tất đã nghe nào. Nhưng tôi đã vâng mệnh đi thì cũng cứ hết sức biện bác cho khỏi nhục mệnh Vua. Còn ông ở nhà thì phải gia tâm đề phòng. Tại sơn phận đất Thanh Hóa, phải chia ra đóng đồn thủ hiểm. Các cửa bể như Sơn Nam chẳng hạn, cũng phải cắm cờ mặt sông mà giữ mặt thủy. Nếu họ có trái ước mà mang quân ra thì ta cũng đã phòng bị sẵn sàng rồi, không lo ngại gì cả.

- Xin thầy[11] cứ yên tâm mà đi, bất tất phải lo xa quá. Tôi chắc nếu thầy nói khéo thì họ phải nghe. Bằng họ không nghe chăng nữa thì cái tài dụng binh của tôi phỏng có kém gì người. Vạn nhất có biến cũng làm cho rầm rĩ như sấm sét một phen để đạp đổ cả núi, bể cho thỏa lòng mình. Dù họ có kiệt liệt, vị tất cũng đã làm nổi.

[11]. Trần Công Sán là thầy học cũ của Chỉnh.

Công Sán thấy Chỉnh tự đắc một cách quá đáng, có ý không bằng lòng. Tới huyện Quỳnh Lưu, bộ tướng Vũ Văn Nhậm xem xét vật phẩm, rồi chỉ cho ba quan sứ và mười tám người tùy tòng vào địa giới, còn lại đuổi về cả.

Đến trấn lỵ Nghệ An, Nhậm mở tiệc thết đãi. Ăn uống xong, Nhậm bảo Công Sán:

- Các quan ngoài Bắc Hà như ông được mấy người, vua Lê giao quyền cho Chỉnh tự nghĩ thế nào? Tôi hiện đã lĩnh ấn ra đánh Bắc Hà, không bao lâu nữa sẽ tới Thăng Long, trước là chém đầu Nguyễn Hữu Chỉnh, rồi hỏi vua Lê về tội bội ân, đã dong một kẻ phản bạn. vua Lê đã không giữ nổi nước thì từ Thanh trở ra nếu ta không lấy thì người khác cũng lấy mất, chứ đất Nghệ An này thì

có khinh trọng gì mà đáng kể.

Sán nín lặng.

Khi ra, Nho bàn với Sán nên đổi lời lẽ trong quốc thư, nhưng Sán nhất định không nghe. Tới Phú Xuân, Sán mang vật phẩm và quốc thư vào trình Bắc bình vương. Đọc thư xong, Vương tỏ vẻ tức giận quát hỏi:

- Thư này ai làm mà nói năng vô nghĩa thế này? Tao có phải trẻ con đầu mà lừa dối được.

Trần Công Sán không biến sắc mặt, cùng Bắc bình vương biện thuyết, không chịu kém câu nào. Vương truyền bắt bọn Trần Công Sán hạ ngục, rồi ngầm bảo Trần Văn Kỷ đến dụ hàng. Nhưng Sán không chịu, thành ra cả bọn bị đưa ra cửa Đan Nhai mà dìm xuống đáy bể.

BẰNG BAY VỀ TRỜI

Khi Công Sán mới vào Nam, Chỉnh chắc thế nào cũng xong việc nên thường tuyên bố ở triều đường: "Tình hình Tây Sơn ta biết rõ cả rồi. Hiện chúng đương rối về cuộc nội loạn, còn tai mắt nào mà để ý đến ta. Xem thư ta, Bắc bình vương hẳn phải nghe. Còn Vũ Văn Nhậm thì viện binh không có, chắc cũng không làm gì được."

Vì Chỉnh nghĩ như vậy nên những lời Trần Công Sán dặn lại, Chỉnh không thi hành một chút nào. Khi Lê Duật vào trấn thủ Thanh Hóa, Chỉnh dặn:

- Vào đấy nên coi giữ cho cẩn thận. Chớ sinh sự để họ ngờ. Đợi khi sứ bộ về, vào trấn thủ Nghệ An, hãy đắp lại lũy Hoành Sơn để làm kế lâu dài.

Chỉnh lại thường nói với tả hữu:

- Nguyễn Huệ là một hào kiệt trong Nam Hà. Nhưng ta đây phỏng có kém gì. Nó quỷ hơn ta, ta khôn hơn nó. Bây giờ ta hãy chịu lui nó một bước; bao giờ tạm yên ta sẽ chuyên chú về mặt Nam, đem quân vào chọi nhau với nó một trận để bỏ cái xương hóc ấy đi. Như vậy từ Hoành Sơn vào đến Nam Kỳ không phải là đất của ta thì còn là đất của ai nữa? Còn như Công Sán vào bàn việc cương giới thì nếu cần ra, nhường cho nó một nước cũng không sao. Đó chẳng qua cũng là lối cũ nước Tân hiến ngọc ngựa cho nước Ngu, Hán Cao Tổ nhường Quan Trung cho Hạng Vũ nghĩa là muốn lấy của người thì hãy lấy lợi mà dử người đã. Kế ấy người thường không thể biết được.

Nhưng Chỉnh không biết rằng Nguyễn Huệ có chí đánh Chỉnh đã lâu, chỉ vì cơ mưu sâu sắc nên Chỉnh không lường được. Hãn hoặc có người nói chuyện đến ngoài biên, Chỉnh cho là ức đạt. Đến khi nghe tin sứ bộ chết ngoài bể, triều thần nhiều người nói là bởi Huệ không muốn tiết lộ việc Nam Hà, nên dùng mẹo giết đi. Việc biến

cố trong Nam yên hẳn, Huệ tất sẽ đánh ra.

Lời ấy Chỉnh không cho là phải.

Chợt Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ giảng hòa, Huệ lập tức phái Vũ Văn Nhậm làm Tiết chế mang bọn Ngô Văn Sở và Phan Văn Lan ra đánh.

Quân Nhậm tới Thổ Sơn, trấn thủ Thanh Hóa là Lê Duật không dám chống cự, chỉ lui quân về giữ sông Trinh Giang, rồi phi báo về Thăng Long, một ngày tới chín lần. Dân kinh thành thấy thế sợ hãi, bồng con bế cái đi trốn. Hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa kín mít, đường cái không có người qua lại. Các dinh sở, chỉ thưa thớt có một vài quan lại vì chức vụ nên phải lưu ở đấy.

Vua sai các quan đến bàn mưu đánh giữ với Chỉnh, Chỉnh vẫn làm ra vẻ cứng cáp. Nhưng khi bị Nguyễn Đình Giản bắt bẻ thì Chỉnh luống cuống, không biết trả lời thế nào, phải theo kế của Phan Lệ Phiên mà cử Nguyễn Như Thái làm Thống lĩnh và Ninh Tốn làm Tham tán quân vụ cất quân vào Thanh Hóa, hợp với Lê Duật để cự địch.

Thái vừa mang quân đến Châu Cầu thì được tin Duật đã tử trận rồi, vội bàn với Ninh Tốn đi riết vào giữ lấy núi Tam Điệp để thủ hiểm, nhưng núi ấy cũng bị quân Tây Sơn qua trước mất rồi. Bất đắc dĩ phải giao chiến suốt từ sáng đến trưa, Thái thế cùng viện Duyệt, bị Vũ Văn Nhậm chém chết tại trận, Ninh Tốn trốn vào nhà dân nên thoát nạn.

Vũ Văn Nhậm thừa thắng kéo thẳng ra Bắc. Được tin báo, Chỉnh đang ăn, phải vứt đũa đứng dậy, thúc giục con trai là Nguyễn Hữu Du phải mang quân đi ngay, còn tự mình cũng đốc quân tiếp ứng.

Du vào đắp lũy giữ lấy mặt sông Thanh Quyết nhưng cũng bị Nhậm đánh thua.

Chỉnh kéo quân đến Bình Vọng, mở sách ra bói phải một quẻ xấu, lại bị ong đốt, đương lo buồn thì lại gặp tàn quân của Du quay về, Chỉnh sợ hãi. Các tướng cũng không có ý đánh nữa, bàn với Chỉnh nên chạy sang Kinh Bắc và giữ sông Nhị Hà làm thế thủ để lo kế tương lai.

Chỉnh cho là phải, liền quay về. Tới Thăng Long, Chỉnh sai Nguyễn Khuê vào tâu với Vua, xin dự bị để sang hôm sau thiên sang Kinh Bắc. Còn chính mình thì quay về phủ thôi thúc vợ con sang sông trước. Lính Kim ngô đi tuần bắt gặp, vội về báo với Vua Chiêu

Thống. Nhà Vua vội vàng đến nhà Chỉnh thấy Chỉnh đương tới tấp sai người nhà thu xếp để đi.

Nhà Vua cầm tay Chỉnh hỏi:

- Sự thể đã đến thế này thì làm thế nào?

Chỉnh có ý xấu hổ đáp:

- Bệ hạ mang việc nước giao phó cho tôi. Tôi làm không nổi, đến nỗi việc lớn lầm lỡ, thật tôi biết tội đã nhiều. Nay ở kinh thành thì mặt tây nam không có hiểm cố gì cả; thành cũng chưa đắp, chỉ trơ ra có mấy cửa ô. Nếu giặc đến thì đánh không được mà giữ cũng không xong vì không lấy gì làm phên giậu được cả. Vậy không gì bằng lánh sang Kinh Bắc, để tìm kế về sau. Giặc tự xa lại, quân đã mệt nhọc, lại có sông to cách trở, chắc không dám đuổi nào. Trong mươi hôm ta sẽ tính kế vạn toàn để đánh giặc. Xin Bệ hạ về tâu với Thái hậu thu xếp đi cho, tôi xin đem quân ra đợi ngoài bến sống.

Nói rồi, Chỉnh lại cặm cụi trông nom cho người nhà dọn dẹp.

Vua Chiêu Thống buồn rầu đi chân trở về, dọc đường thấy dân gian dắt díu nhau mà chạy; quân gian thừa cơ cướp bóc, tiếng kêu khóc rầm rĩ.

Nhà Vua qua cửa Chu tước, vừa vào đến cửa Thiên môn thì thoảng nghe tiếng Hoàng thái hậu và cung tần, vì tìm Vua không thấy, đương hỏi nhau: " Vua ở đâu?" Vua vội vàng lên tiếng: "Ở đây! Ở đây!" Lập tức nhà Vua cho gọi lính thị vệ thì đã trốn gần hết, chỉ còn sót lại mười bảy, mười tám người. Nhà Vua liền sai họ cõng Hoàng thái hậu và Nguyên tử đi trước. Các hoàng thân và phi tần đi bộ theo sau. Đài đệ thu lại chỉ có bốn cái hòm còn bao nhiêu bỏ lại cả trong điện. Nội thị mang riêng được ít quần áo, châu báu nào cũng để rơi vãi cả ở đường.

Đến bờ sông, mọi người cùng tranh nhau xuống trước, không luận gì là giàu nghèo, sang hèn cả, chèn ép nhau, giày xéo lên nhau, ai khỏe thì được. Các thuyền chở đầy quá, bị đắm cũng nhiều, tiếng kêu khóc rất thê thảm. Kinh thành bỏ rỗng, quân gian kéo nhau vào cung phủ mà bòn vét của cải, không để sót lại một thứ gì. Tối hôm ấy Vũ Văn Nhậm kéo quân vào thành, cho kiểm soát lại thì kho tàng đều sạch không cả. Nhậm tức giận nói:

- Vào chợ còn bắt được đồng tiền, huống chi là kinh thành, lẽ đâu lại trống rỗng thế này. Ta từ xa mang quân đến mà không được một chút gì mang về. Nói ra đến đứa trẻ nghe cũng không được.

Hôm sau, Nhâm cho đi lục soát các phố, bắt được của quý rất nhiều. Quân lính thừa cơ lấy cả của các nhà tư nên dân ta thán không biết bao nhiêu mà kể.

Nguyễn Hữu Chỉnh theo Vua Chiêu Thống sang Kinh Bắc, dọc đường chỉ sợ giặc đuổi kịp nên đi rất vội vàng, quân lính không có hàng ngũ nào cả. Chiều tối mới đến trấn ly, Trấn tướng Kinh Bắc là Nguyễn Cảnh Thước không chó chí đánh nên cáo bệnh không ra nghênh tiếp, Chỉnh đến tận nhà trách mắng, Cảnh Thước mới ra đón.

Chỉnh cho điểm lại quân lính, còn có hơn 400 người và 60 con ngựa, vì dọc đường chúng đã chạy trốn mất cả. trong lòng lo sợ, Chỉnh thúc giục cho quân sang ngay sông Như Nguyệt lên đóng đồn trên núi Tam Tằng và thân đốc quân lính đắp lũy, làm kế cố thủ. Chỉnh dặn Cảnh Thước ở lại sau, phù Vua Chiêu Thống sang đò.

Chỉnh đi khỏi, Vua và Thái hậu đứng chực mãi ở bờ sông mà chẳng thấy thuyền bè gì cả. Sốt ruột nhà Vua cho đòi Cảnh Thước lại hỏi. Thước tâu:

- Ở đây không có một chiếc thuyền nào cả. Nếu Bệ hạ muốn sang sông ngay thì xin ban cho tôi một ít vàng bạc để tôi đi thuê thuyền. Bất hạnh quân giặc đuổi kịp thì tôi chỉ còn một cách là ken ván gỗ làm bè để Bệ hạ sang sông, nhưng đồ ngự dụng thì không mang đi được.

Nhà Vua thản nhiên đáp:

- Trẫm có cả thiên hạ mà còn chẳng giữa được thì giữ những của này, phỏng có tiếc gì!

Tiếp, cho mở hòm ra thì trong chỉ có một quả ấn với bốn mươi lạng vàng. Nhà Vua trỏ bảo Cảnh Thước:

- Đấy, nhà ngươi lấy gì thì lấy.

- Cám ơn Bệ hạ, tôi xin lĩnh một nửa.

Nhưng nhà Vua bảo dốc cho Thước cả. Thước vui mừng nhận lấy, rồi truyền bảo lái đò chở Vua và Thái hậu sang sông.

Khi sắp đến bến, Thước thấy chiếc ngự bào của nhà Vua là của quý giá. Nhà Vua cởi ra cho, rồi chạy thẳng lên núi Như Thiết.

Muốn tránh cho Thái hậu khỏi bị kinh động về việc chiến tranh, nhà Vua sai bọn Lê Quýnh hơn ba mươi người phù Thái hậu lên nương nhờ Nguyễn Huy Túc ở Cao Bằng. Còn chính mình thì đến huyện Yên Dũng có các quan văn là Nguyễn Đình Giản, Chu Doãn Lệ, Võ Trinh, Nguyễn Đình Dư, và Trương Đăng Quỹ đi hộ giá.

Được mấy hôm Vũ Văn Nhậm cho Nguyễn Văn Hòa mang quân sang đuổi. Hữu Du tuốt gươm ra cự địch, chém được vài chục người, nhưng bị tướng Tây Sơn giết ở mặt trận. Nguyễn Khuê chết trong đám loạn quân.

Chỉnh một mình một ngựa, cắm cổ chạy trốn. Nhưng tuổi đã già, lại lao lực nhiều và gần đây bị ong đốt, hãy còn nhức nhối, chạy không được nhanh nên bị quân Tây Sơn đuổi kịp. Chỉnh tự biết mệnh mình đã đến lúc cùng, đành dừng lại cho quân địch bắt.

Hòa cho giải Chỉnh về Thăng Long, Chỉnh xin vào yết kiến Vũ Văn Nhậm, nhưng Nhậm không tiếp, sai người ra hỏi Chỉnh: "Tại sao dám chống lại Bắc bình vương?"

Chỉnh ung dung đáp:

"Thế phải thế, há không biết hay sao, lại còn phải hỏi!"

Nhậm sai chém Nguyễn Hữu Chỉnh, rồi mổ bụng mà vứt thây ra chợ.

Chỉnh chết rồi, Vua Chiêu Thống phải nương vào bọn thổ hào là Phạm Tống Lân và Nguyễn Ngọc Linh. Hai người đắp lũy trên sông Nhương Nguyệt, chống với quân Tây Sơn, nhưng không được bao lâu bị Vũ Văn Nhậm đánh thua, Linh mang Vua chạy. Em Linh là Lung bị Nhậm bắt, nhưng không giết, sai về bảo Linh đưa Vua ra. Nguyễn Đình Giản biết ý, liền cùng nhà Vua chạy sang Gia Bình, hợp với một thổ hào khác là Trần Quang Châu. Nhưng nhà Vua thấy Châu tướng ít quân đơn, thế chưa thể làm gì được, nên phải sai các văn thần, mỗi người đi một nơi, chiêu dụ các thổ hào để mưu cuộc hưng phục, còn chính nhà Vua cũng nay đây mai đó, con đường vô định không biết đâu là bờ.

ĐỜI LUÂN LẠC

Tại Thăng Long, Vũ Văn Nhậm chỉ hy vọng bắt được Vua Chiêu Thống là giải quyết xong vấn đề Bắc Hà, nhưng Vua Chiêu Thống thủy chung vẫn ở ngoài cương tỏa của quân Tây Sơn, thành ra Nhậm không bao giờ được yên lòng.

Túng thế, Nhậm phải đặt Sùng nhượng công làm giám quốc để lừa dối bọn cựu thần nhà Lê. Nhưng thiên hạ lại cũng không ai mắc lừa cả và những tin Trần Quang Châu, Hoàng Viết Tuyển sắp về đánh, ngày nào cũng đồn đến Thăng Long, khiến cho Nhậm ăn ngủ không yên, bắt dân phải đắp lũy xây thành rất là khổ sở.

Vũ Văn Nhậm nguyên đã bị Bắc bình vương nghi ngờ từ trước khi mang quân ra Bắc. Cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân cất quân đi theo, bề ngoài Vương nói là để giúp Nhậm, nhưng kỳ thực là dò xét công việc Nhậm làm. Nhậm là kẻ võ biền nên không nhìn thấy chỗ đó. Nhất là ở Thăng Long, Nhậm lại không bị ai kiềm chế hết nên làm ra nhiều việc quá đáng, khiến cho nhiều người phải bất bình.

Sở nhân đó, thêu dệt thêm vào mà dèm pha Vũ Văn Nhậm với Vua Quang Trung. Nhà Vua tin lời Ngô Văn Sở là thực tức tốc mang quân bản bộ ra Thăng Long, giết Vũ Văn Nhậm và cho Ngô Văn Sở thay làm Tiết chế.

Xếp đặt xong mọi việc ở Bắc Hà rồi, Vua Quang Trung lại quay về Phú Xuân, trao việc quản trị Bắc Hà cho Ngô Văn Sở.

Để kế tiếp những vũ công của Vũ Văn Nhậm khi trước, Ngô Văn Sở lần lượt đánh dẹp các triều thần cũ và thổ hào kế tiếp nhau nổi lên để mưu việc cần vương, Trần Quang Châu, Trương Đăng Thụ, Trần Viết Tuyển, Lê Ban... kế tiếp nhau mà sa vào cuộc bại vong. vua Lê hết chạy sang Kinh Bắc, lại trốn xuống Sơn Nam, cuộc đời trôi nổi không bút nào tả được.

Sau khi Hoàng Viết Tuyển thua trận ở Đại Hoàng, thuyền Vua Chiêu Thống cũng thuận dòng chạy về phía Nam. Tới một chỗ ngã ba, không biết là nên rẽ về phương nào, mà cũng không thể hỏi ai được, đành cứ giương buồm đi thẳng. Được một lúc thì ra đến cửa bể thì chân trời mây đen đã nổi lên cuồn cuộn, rồi sóng gió lụt trời.

Nhà Vua buồn rầu, ngẩng mặt lên trời khấn nhỏ:

- Lòng trời nếu muốn tuyệt dòng dõi nhà Lê thì xin theo con hải mã mà ngụp xuống với Quảng lợi vương ở bể Nam này, chứ tôi cũng không muốn sống làm gì nữa!

Khấn vừa dứt lời thì cảnh trời bỗng đổi ra quang đãng, núi non trùng điệp như từ trong sóng mọc lên. Xa xa lại thoáng có vài chiếc chiến thuyền, đứng đầu là một viên tướng mặc chiến bào đỏ thẫm.

Nhà Vua hỏi thì bọn chân sào nói đó là vùng Biện Sơn mà viên tướng ở xa đi lại không phải ai khác là Lê Ban, một viên hổ tướng đã được nhà Vua sai về mộ quân ở miền Thanh, Nghệ.

Ban thấy rõ là thuyền Vua thì vội đến yết kiến.

Nhà Vua ứa nước mắt nói:

- Trước khi ta không nghe lời nhà ngươi mà vào Thanh Hóa nên bị lỡ việc. Nhưng bây giờ đại sự đã hỏng rồi, còn làm thế nào được nữa?

Ban tìm lời yên ủy rồi khuyên nhà Vua ghé vào Thanh Hóa, định dụ bọn thủ lĩnh ở Thanh, Nghệ mưu việc cần vương. Nhưng bọn này tìm lời nói khéo để thoái thác. Nhà Vua biết là không thể trông cậy vào bọn họ được, đành lại theo đường bể mà ra Bắc Hà, ẩn tại nhà quan Tham tri cũ là Phạm Đình Điển.

Tả hữu của nhà Vua lúc này chỉ còn có mấy người là Nguyễn Đình Giản, Chu Doãn Lệ, Trần Danh Án, Vũ Trinh, Nguyễn Xuân Hiệp.

Điển bàn:

- Nanh vuốt của nhà Vua chung quy chỉ có ba người là Hoàng Viết Tuyển, Trần Quang Châu và Lê Ban. Tuyển sau trận thua ở Hoàng Giang thì chạy vào Nghệ, nhưng hiện thời không biết ở đâu? Châu thì đang bị Tây Sơn tầm nã. Còn Ban ở lại Thanh Hóa cũng chưa có tin tức gì. Nay nhà Vua cứ tạm ngụ ở những nơi thôn ổ, đi lại sợ có

người biết rõ tung tích của ta. Chi bằng lanh lên Cao BẰng, hiện có Nguyễn Huy Túc đương phụng dưỡng Thái hậu ở đó. Trong nhờ Túc hộ vệ, ngoài nhờ thanh thế nước Tầu thì họa may ra mới tạm yên được.

Nhà Vua thở dài nói:

- Trước kia ta có sai Ngô Thời Chí thu xếp việc ấy. Nhưng nghe nói Chí đi nửa đường thì bị bệnh, không rõ bây giờ thế nào?

Trần Danh Án lại vội tâu:

Chí phải bệnh không đi được, xe về đến huyện Gia Bình thì chết.

Nhà Vua ứa nước mắt, truy tặng cho Ngô Thời Chí chức Hàn lâm đãi chế, tức Du trạch bá và bảo Trần Danh Án chuyển sắc dụ về cho gia quyến Ngô Thời Chí.

Bàn bạc hồi lâu, Lê Duy Đản nghĩ ra một kế là xin viện binh của Tầu. Nhà Vua ưng chuẩn, lập tức sai thảo quốc thư và cử Lê Duy Đản và Trần Danh Án làm chánh, phó sứ sang yết kiến viên tổng đốc Lương Quảng. Đản và Án sợ quân Tây Sơn bắt được, phải trá hình độ nón mê, mặc áo rách mà đi.

Đản thấy cái hình dung của bọn mình tiều tụy quá thì bùi ngùi mà bảo Trần Danh Án:

- Chúng ta tuy gọi là sứ thần, nhưng thực sự chỉ là mấy anh đi trốn. Rồi đây còn gặp biết bao điều ngăn trở. Nếu chưa đến đất Tầu mà bị giặc bắt thì công việc đến dở dang mà đại cục cũng cơ hồ nguy mất.

Án cười.

- Lòng trời nếu còn lựa nhà Lê thì không đến nỗi ấy. Chỉ nghĩ nước Nam ta từ xưa đến giờ thông sứ với Tầu đã nhiều. Có hồi là sáng nghiệp, có lúc là trung hưng, đi lại thật phiền phức nhưng chưa bao giờ phải khổ sở như chúng ta bây giờ.

Nói rồi, Án tức cảnh ngâm mấy câu:

Thiên cổ do truyền kỳ tuyệt sự,

Tệ sam tàn lạp, sứ thần trang.

(Sứ đâu có sứ lạ đời,

Nón mê áo rách để cười nghìn thu.)

Hai người len lủi đi đến Hòa Lạc bị du binh của tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Diệm đi tuần rất nghiêm ngặt, không có giấy thông hành không cho đi. Đản và Án giả làm khách buôn, theo người Tầu, đi lẩn vào núi sang thẳng đất Tầu.

Nghĩ đến cái thanh thế điêu linh của mình, Trần Danh Án có làm bài cảm khái sau này:

Độc hữu cô thân lệ ám lưu,

Gia tình quốc sự tứ du du.

Tha hương khởi tất phùng thanh nhãn,

Nghịch cảnh thùy năng bất bạch đầu?

Hứa quốc cô trung Thục thừa tướng,

Báo Hàn thốn thiệt Trượng lưu hầu.

Nam nhi bất bố oanh thiên sự,

Hư độ phù sinh tử cánh hưu.

(Thầm khóc riêng mình nhỏ giọt châu,

Tình nhà nỗi nước dạ âu sầu.

Quê người há gặp phường xanh mắt,

Cảnh nghịch ai không chong bạc đầu?

Giúp nước một thân Thục thừa tướng,

Phù Hàn tấc lưỡi Trượng Lưu lưu hầu.

Vang trời ví chẳng làm nên việc,

Uổng kiếp tài trai chết cũng âu.)

Tới quan ải, sứ bộ nhờ lính canh đưa vào yết kiến viên phân phủ Thái Bình.

Đẩy lậy phục xuống thềm, kêu:

- Nước tôi từ năm Bính Ngọ, bị giặc Tây Sơn đánh phá. Vua nước

tôi không may tạ thế, triều thần lập cháu trưởng lên thay để giữ việc tế tự. Không ngờ đến mùa đông năm Đinh Mùi, Nguyễn Huệ lại sai tướng là Vũ Văn Nhậm ra đánh, chiếm lấy quốc thành. Tự quân tôi phải chạy trốn. Bọn triều thần cũng phải ẩn vào rừng núi. Người nào ở nhà bị chúng bắt bớ rất là khổ sở. Tự quân tôi lẻn xuống Sơn Nam, thu thập các bề tôi cũ, định mưu khôi phục, nhưng bị chúng đánh phá nên lại phải chạy vào Thanh Hóa. Vua tôi sở dĩ còn tồn tại được là nhờ vào lòng dân trọng nghĩa, không nỡ bỏ Vua. Nếu Thiên triều cho viện binh sang giúp thì dân nước tôi sẽ được nhờ thanh thế mà nổi lên, tất có cơ hội phục được. Tự quân hiện đương nương náu ở huyện Phượng Nhãn, cho chúng tôi lặn ngòi noi nước sang đây, đường đi quanh quẩn hơn một tháng trời không dám quản gì khó nhọc. Nhà Lê chúng tôi đối với Thiên triều vẫn giữ đạo thần tử. Ba trăm năm nay, cống hiến không lúc nào dứt. Nay gặp lúc bí không thể kêu đâu khác là kêu trời. Đại hoàng đế là trời che trở cho hạ quốc mà các ngài là những thần nhân giúp trời xin nghĩ đến cõi xa, cứu người nguy khốn để nhà Lê chúng tôi được trọn lễ triều cống.

Lê Duy Đản kêu khóc rất thảm thiết, rồi đệ quốc thư lên trình. Viên phân phủ ngờ là giặc bể giả làm sứ thần nhà Lê để do thám việc nước Tầu nên nói:

Vua nước Nam mất đã hai năm nay, nếu trong nước có loạn và Tự tôn không được lập thì sao không kêu ngay hồi ấy? Vả, trước kia cũng đã có tờ tư, chỉ nói là mất quốc ấn, xin ấn khác mà thôi, chứ không thấy nói gì đến việc không được lập và bị giặc đuổi cả. Tự tôn bây giờ ở đâu? Quân giặc hành động thế nào? Người nước còn theo hay không? Xét ra không có gì là bằng cớ cả. Và Tự quân chưa cáo ai, cầu phong, Thiên triều chưa cấp ấn triện mà đã vội sai sứ thần thì không hợp lệ chút nào cả. Vậy các ngươi phải về bảo Tự tôn nhà Lê đến tận nơi mà bày tỏ chân tình mới được. Ta đây là quan giữ cảnh thổ, việc biên cương là việc lớn không thể con thường mà tin vào ai được. Chỉ nghĩ các ngươi vì việc gấp mà đến kêu, không nỡ đuổi về ngay. Vậy hãy lưu ở đây đợi ta bẩm lên quan Đốc bộ, cho người đi tra xét xem sao đã.

Nghe nói như vậy, hai người không biết trả lời thế nào, chỉ phục xuống thềm mà kêu khóc.

Viên phân phủ động lòng thương, truyền:

- Các ngươi tính thực nên khen mà cũng nên thương. Nhà Vua tự nhiên đã có phép phân xử. Các ngươi hãy ra nhà trọ mà nghỉ để chờ mệnh.

Hai người lạy ta, lui ra.

Trần Danh Án nguyên là quan văn, không chịu nổi khó nhọc, bây lâu lại nhiễm phải lam sơn chướng khí, không may bị bệnh phải nằm bẹp ở nhà trọ:

Sàng thượng yêm yêm bất xuất môn,

Lữ sầu tiêu đắc kỷ hoàng hôn.

Nhược khu chi ỷ tam phân sấu,

Chính khí duy trì nhất điểm tồn.

Vô dược khả y ưu quốc bệnh,

Hữu qua nan trở mộng gia hồn.

Tương lân hạnh hữu đồng tâm lữ,

Diện khải kim tiêu úy nhất ngôn.

(Bấy lâu ốm bệnh chẳng buồn ra,

Đất khách kim ô mấy dạo tà.

Chính khí dẫu còn nguyên vẹn một,

Thân hèn gầy đã đến đôi ba.

Thuốc nào chữa được lòng yêu nước,

Cửa nọ khôn ngăn nỗi nhớ nhà.

Thương xót con chăng người một hội,

Đôi lời yên ủi nhẹ cho ta.)

KIM, CHỈ CŨNG PHONG TRẦN

Trong lúc Lê Duy Đản và Trần Danh Án bị thần sốt rét hành hạ ở nơi quán trọ thì một sứ bộ khác cũng tiều tụy chẳng kém gì hai người, đương đứng chực ở Đốc bộ đường Nam Ninh để xin quân cứu viện cho nhà Lê.

Đứng đầu sứ bộ đó là một người đàn bà: Lê Thái hậu.

Sau khi tạm biệt Vua Chiêu Thống, Lê Thái hậu lập tức cùng với bọn Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống lên thẳng Cao Bằng. Thái hậu được trấn tướng Cao thành là Nguyễn Huy Túc phụng dưỡng rất tử tế và để ở tạm tại Mục Mã trấn.

Không may vài tháng sau chợt có quân Tây Sơn kéo đến, Nguyễn Huy Túc cùng với phiên mục là Hoàng Ích Hiểu dùng thuyền buôn đưa Quốc mẫu đến Thủy khẩu quan và ngụ tạm ở Phất Mê thôn. Mồng chín tháng Năm quân Tây Sơn theo dõi, đuổi kịp Hoàng Ích Hiểu và Lê Quýnh, quân ít, thế không thể chống được, phải đưa Quốc mẫu xuống thuyền chạy ra ẩn tại một cái đảo nhỏ ở giữa sông. Quân Tây Sơn liền bổ vây trên bờ sông mà phía bên kia thì quân Tầu giữ không cho lên. Tiến thoái đều không có đường, tình thế cực kỳ nguy ngập. Chợt mây kéo tối rầm, rồi trời đổ mưa như thác chảy, bọn Nguyễn Huy Túc liền thừa cơ đưa Quốc mẫu ghé vào bờ, rồi theo đường nhỏ ở giữa những khe núi mà trốn vào hang núi. Lúc ấy đi theo Quốc mẫu có bảy người. Hôm sau chừng năm, sáu mươi người nữa lục tục kéo đến.

Quốc mẫu tuy thoát khỏi quân Tây Sơn, nhưng lại gặp một cái nạn mới là không có lương ăn. Túng thế, bọn tùy tùng phải lên núi hái một thứ lúa gọi là Chúc ngọc mễ cho Quốc mẫu dùng tạm, còn mọi người thì đi đào lấy một thứ rễ cây gọi là túy bồ căn mà dùng cho đỡ đói.

Nguyễn Huy Túc cùng với một vài bộ hạ lẻn đến Long Châu, tình cờ bắt gặp một người Tầu quen biết từ trước, xưng tên là Tiêu Ẩn ở

núi Ngô Sơn.

Tiêu Ẩn nguyên là bạn của viện cố Đốc trấn Cao Bằng là Nguyễn Đình Tố. Sau khi Tố mất, Tiêu Ẩn đến thăm Nguyễn Huy Túc được Túc rất trọng đãi và lưu ở trong nhà đến mười ngày.

Hôm cáo biệt, người Tầu đó hỏi Túc:

- Nước ông sau này sẽ lắm việc. Quan Đốc trấn biết trước cả. Không hiểu khi ngài gần mất có dặn bảo gì các ông không?

- Nước tôi có giặc Tây Sơn hoành hành ở phía Nam, ai cũng biết cơ là không thể yên được. Nhưng sau này kết cục thế nào không ai dám đoán trước. Quan Đốc trấn với tôi vẫn lấy điều ấy làm lo lắm. Bây giờ tôi làm quan ngoài, việc triều đình không được dự đến. Dù có biết trước cũng không làm trò gì được.

- Bởi làm quan ngoài cho nên lại càng cần phải đảm đang việc nước. Một người có tài như ông há lại chẳng làm được một phen kinh thiên động địa hay sao? Nhưng chẳng qua cũng chỉ đến như một giấc ngủ mê mà thôi. Đó là số trời với vận người thâu hợp với nhau, thật đáng buồn cười mà cũng đáng tiếc.

Túc hỏi gặng là ý thế nào, Tiên Ẩn không chịu nói. Bây giờ chợt gặp, Túc liền mang những việc vừa xảy ra ở nước thuật cho người Tầu đó nghe và nói:

- Sự cơ hiện đã nguy cấp lắm. Xin ông tính kế giúp cho.

- Khi ông ở trấn, nghe biến sao không cùng với quan Đốc trấn Lạng Sơn kết hợp với tướng sĩ ở ngoài biên lại, hùng cứ một phương mà chống nhau với giặc? Rồi đưa thư sang phủ Long Bằng hẹn nguy cấp thì cứu lẫn nhau, có phải là vạn toàn không? Nhà Mạc ngày xưa dùng kế ấy duy trì được sáu mươi năm. Bây giờ nếu dùng kế ấy, ít ra cũng giữ được trọn đời. Dịp tốt đã bỏ lỡ mất rồi, nay chỉ còn một cách là nhờ qfuan Tri phủ Long Bằng để đạt lên quan Tổng đốc, xin triều đình phát quân cứu viện. May có cơ khôi phục được. Như khi việc đã thành rồi, ông nên gắng mà làm, đừng để tiếng cười về sau.

Túc mừng rỡ:

- Cảm ơn ông có bụng nghĩ xa cho tôi, tôi ghi lòng không dám quên. Bây giờ tôi mang Quốc mẫu lại đây ý cũng muốn thế. Nhưng không biết mượn ai để đạt cho được. Nếu ông giúp cho thì thật may lắm.

- Tôi đã quen biết ông, dám đâu chẳng cố sức.

Tiêu Ẩn lập tức đưa Nguyễn Huy Túc đến yết kiến viên Đô tư Long Bằng là Trần Tùng tự là Hồng Thuận và nói giúp:

- Mẹ con họ mạc của Tự quân nước Việt Nam bị giặc đuổi đánh, hiện trốn vào cửa ải, xin cứu hộ giúp cho.

Hồng Thuận thương tình liền họp Trần Thốt và trấn tướng là Hoàng Thành Phụng ra tận núi Đẩu Ao đưa Thái hậu, Hoàng Ích Hiểu, Lê Quýnh tất cả 62 người về cho ở trên ải, rồi đạt giấy cho viên Tả giang đạo Quảng Tây là Thăng Hùng Nghiệp, nhờ bẩm lên quan Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị. Viên Tri phủ Long Bằng là Lục Hữu Nhân đệ theo cả lá đơn của Nguyễn Huy Túc trong có câu: "Quốc thành bị giặc phá, quốc tang còn quàn chưa chôn, Tự tôn phải chạy trốn không được lập, các quan bị giặc làm hại, nhân dân bị giặc cướp bóc. Cả nước thề không cùng với giặc cùng sống nên kẻ thức giả náu nương ở trong núi, kết thành bè đảng, nhưng vẫn linh tinh chưa làm gì được, là vì thiếu người chủ trương. Nếu được Thiên triều phát binh cứu viện thì mọi nơi nhất tề củ hợp[12], quốc thanh sẽ lấy lại dễ như trở bàn tay."

[12]. Tụ tập lại làm một điều gì đó.

Sĩ Nghị thấy việc dễ dãi quá, bàn với các quan.

- Nước Nam xưa kia vẫn là nội thuộc. Từ đời nhà Tống, Đinh Tiên Hoàng quật cường lên mới đổi làm cống thần. Từ đấy, hết đời ấy sang đời khác, nối đời nhau mãi. Nay lại không giữ được nước, hoặc giả lòng trời lại muốn đổi làm quận huyện cho Trung Quốc ta chăng?

Nghị thân đến Long Bằng khám xét và hợp bàn với chứ Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thành. Thành nói:

- Gây ra cuộc xung đột ở ngoài biên là việc lớn, quan hệ ắt không vừa. Nếu lời Vua tôi nhà Lê là thực thì kể cũng đáng thương. Song ta cũng phải liệu xem thế giặc ra sao đã. Quân Tây Sơn tôi chắc không phải quân tầm thường. Chúng nổi lên ở bãi bể từ lâu, việc chinh chiến đã quen. Chúng đánh có một trận mà chinh phục nổi một nước đã có từ ba trăm năm, hẳn không phải là quân nhút nhát nào. Chẳng phải ta cứ dậm dọa mà làm cho chúng sợ được. Nước ta đã hai trăm năm nay yên hưởng thái bình, dân không biết binh đao là gì cả. Nhất đán đem họ vào nơi lam chướng, đánh được giặc cũng chẳng giỏi gì, vạn nhất thua ra thì thật thương tổn lớn đến danh dự của Trung Quốc. Tướng công đứng vào bực đại

thần, chức phận phải giữ gìn bờ cõi, không nên nghe người ngoài ton hót mà gây ra việc binh nhung. Cái gương Hoàng Phúc, Trương Phụ hãy còn sờ sờ ra đó, xin tướng công nghĩ kỹ.

Sĩ Nghị có ý không bằng lòng:

- Nước Nam đời đời chịu phong và vẫn giữ việc chức cống Thiên triều. Nay người ta bị Tây Sơn là đám giặc nhỏ uy hiếp cả nước, không lẽ ta lại không cứu hay sao? Vả mình vì nghĩa mà cử binh đi thì ai chẳng muốn theo. Nếu ta ngại xa xôi mà không giúp họ thì các nước man di triều cống Trung Quốc, phỏng còn hy vọng được điều gì nữa?

Nói rồi Sĩ Nghị gọi cho bọn Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Nguyễn Quốc Đổng, Nguyễn Đình Quán, Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Đình Mai tất cả sáu người đến cửa quan mà hỏi rõ về tình hình nước Nam.

Sĩ Nghị:

- Anh em Tự tôn mấy người? Hiện bây giờ trốn ở đâu?

Huy Túc:

- Tự tôn chúng tôi anh em ba người, ở với nhau rất thỏa thuận. Đích tôn Duy Kỳ hiện chạy xuống miền Sơn Nam, chiêu mộ nghĩa binh. Hai em là Duy Tụ và Duy Chỉ thì ở Tuyên Quang, Hưng Hóa hội họp đồng chí để làm thanh viện.

- Mẹ Tự tôn gần đây tin tức thế nào?

- Quốc mẫu tôi chạy sang đây. Mẹ con xa cách, cần phải báo cho Tự tôn tôi biết, vậy xin cho ba người về! Nguyễn Đình Mai đi đường núi qua huyện Mông Tự; Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đổng thì đi đường bể, qua cửa Long Môn. Đại nhân cho đưa ba người ấy ra đến biên giới. Tới đất nước chúng tôi rồi, chúng tôi sẽ đi gấp, chỉ trong một tháng thì tới nơi.

Nghị lại hỏi:

- Nước Nam lâu nay mùa màng thế nào?

- Nước tôi luôn mấy năm mất mùa, thóc gạo đắt đỏ. Vùng Sơn Nam tiếng rằng giàu có, nhưng dân hiện cũng sánh kiệt cả. Tự tôn tôi vì thiếu lương thực nên không làm gì được. Tình thực như thế, xin khai để đại nhân biết.

Sĩ Nghị lại hỏi Lê Quýnh về tình hình quân sự, Quýnh thưa:

- Nhà Lê tôi kế tiếp làm Vua đã hơn ba trăm năm nay, dùng ân huệ để cố kết lòng người, lấy lễ nghĩa mà phù dục khí tiết, tuy có kẻ bạn nghịch, nhưng lòng người vẫn quyến luyến. Không may bị họ Trịnh chuyên quyền áp chế nhà Vua , lòng người ai cũng oán ghét. Giặc Tây Sơn nhân đó nổi lên, giả danh là diệt Trịnh phù Lê nên không ai chống lại. Anh em Nguyễn Huệ không hiểu thế, càng ngày càng kiêu căng, chúng tự đặt niên hiệu, chiếm giữ quốc thành, làm cho Tự tôn phải trốn tránh ra ngoài. Dân nước oán giận Tây Sơn đến cốt tủy, đồng thời nổi lên, noi theo mục đích phù Lê, tuy không hẹn nhau mà muôn người một bụng. Nếu Thiên triều rủ lòng thương, cho quân sang giúp thì người trong nước sẽ nô nức cất quân phục thù, tưởng không phải nhọc gì đến đại binh cả.

Sĩ Nghị mừng thầm, đem địa đồ nước Nam ra bảo Lê Quýnh xem xét lại và được tùy ý sửa chữa những chỗ sai lầm. Tiếp, lại gọi Huy Túc đến bảo:

- Đợi ta tâu lên, nếu Hoàng đế chuẩn cho thì mọi việc sẽ thực hành đúng như lời các anh xin và có thể sẽ thành công được. Song trước hết các anh hãy về nước dò xem Tự tôn ở đâu, giặc cử động thế nào, lòng người trong nước ra sao, phi báo cho ta để ta định liệu.

Bọn Huy Túc mừng rỡ, cùng quay về phía Bắc, lậy vọng và hô "Vạn tuế!"

Ngay hôm đó, Sĩ Nghị sai Thang Hùng Nghiệp hộ tống Lê Thái hậu về Nam Ninh trú tạm và cấp lương cho ăn rất tử tế.

Sĩ Nghị lại thảo biểu dâng lên Vua Càn Long đại ý nói:

"Tôi trộm nghĩ cống thần nhà Lê là Tự tôn Duy Kỳ theo lệ đáng được thừa lập, chẳng may nước bị tàn phá, mẹ và vợ con chạy đến cửa quan, hết sức kêu cầu, thực nên ái ngại. Thong thả tôi xét rõ tin tức, rồi sẽ định việc cho ở hoặc về. Nhưng lại nghĩ bọn này đã đến bờ sông, gần ngay địa phận quốc triều, quân giặc trông rõ quân nhà Vua mà con đang tay chém giết không kiêng gì cả thì quyết là không dung cho chúng được. Hiện tôi đã mật sai đề thần là Tam Đức sắp sẵn khí giới, đóng các cửa ải. Nếu giặc sang sông sẽ phải đánh giết để chúng biết e sợ uy trời. Tôi lại sức cho các hạt Long Châu và Trào Châu phải xem xét tình hình nếu có việc gì xin sẽ xin tâu tiếp."

Đọc biểu của Tôn Sĩ Nghị xong, Vua Càn Long quay lại bảo với các

thần:

- Lê Duy Kỳ ở Việt Nam tuy chưa được phong, nhưng theo lệ thì đáng được kế lập, như vậy cũng tức như đã được làm Vua rồi. Nay mẹ và vợ phải chạy sang đây thì nước dầu cũng coi như mất. Ta cho quân sang cứu, chính là phù giúp cho kẻ suy yếu, việc rất nên làm. Vả Duy Kỳ còn ở trong cõi lo việc khôi phục và được dân nước yêu mến thì việc cũng có cớ thành công được.

Nhà Vua ưng chuẩn việc cất quân sang đánh Tây Sơn, nhưng không muốn làm tổn hơi sức của quân Tầu, nghĩa là ngồi mát mà hưởng sự chiến thắng nên trong dụ ban xuống cho Tôn Sĩ Nghị có câu:

"... Tự tôn tuy chạy trốn, nhưng được thần dân yêu mến, vậy chỉ nên làm thanh viện cho họ thôi, còn mọi việc để mặc cho tự họ mưu lấy, không phải đem quân đánh hộ, tốn sức cho quân mình. Nhà ngươi là người mẫn đại, phải suy xét cho kỹ và tuân theo chiếu chỉ."

***

Lê Duy Đản và Trần Danh Án nằm chờ ở phủ Thái Bình thấm thoắt đã mấy tháng trời. Một hôm chợt có lệnh của Vương phân phủ đòi vào bảo:

- Việc các ngươi xin cứu viện đã tâu lên rồi, Hoàng đế nghĩ tình nhà Lê vẫn đời đời triều cống nên đã sai quan Tổng đốc Lương Quảng hiệp với quân Tổng đốc Vân Quý mang quân sang đưa Tự tôn về nước. Việc này đã định từ trước, vì có Quốc mẫu các ngươi và Trấn mục Cao Bằng là Nguyễn Huy Túc sang kêu. Vì mẹ con cách trở, Tự tôn không biết nên mới sai các ngươi lại đây. Tình hình Tự tôn thế nào, các anh nên thảo thành cáo trạng, chờ khi đại quân qua đây ta sẽ đưa các người đến yết kiến quan Đốc bộ.

Hai người mừng rỡ, xin một người ở lại, một người về trước báo tin cho Tự tôn được biết để củ hợp đồng chí mà mộ quân ứng nghĩa.

Vương phân phủ ưng thuận, Lê Duy Đản liền để Trần Danh Án ở lại, còn chính mình thì quay về. Đản vừa tìm đến chỗ Vua Chiêu Thống ở để phục mệnh thì cũng vừa gặp Lê Quýnh ở Long Châu về.

Nhà Vua cả mừng, ngửa mặt lên trời nói:

- Ta đã ít tuổi, lại không may sinh phải lúc nước nhà lắm nạn. Nhờ ơn liệt thánh và và Tầu, nước ta khôi phục được, chính là ở lúc này.

Lập tức, nhà Vua sai thảo biểu tạ ơn Vua Tầu và đạt giấy cho các đạo cất quân cùng tiến.

NGHĨA VÀ LỢI

Tôn Sĩ Nghị sở dĩ hăng hái can thiệp vào việc Việt Nam, không phải vì có thương gì Vua Chiêu Thống hay mến tiếc nhà Lê mà vì có nhiệt tâm thôn tính nước Việt Nam. Cho nên trước khi cất quân, Sĩ Nghị lại dâng biểu về Vua Tầu:

"Tôi nghe nhà Lê yếu thế, sau này chắc không giữ nổi nước. Họ đã sang cầu ta, nghĩa tuy là phải cứu, nhưng khi nhà Lê được phục quốc rồi, ta cũng nên đóng quân lại mà giữ lấy nước Nam, vì nước ấy xưa kia là đất của bản triều. Như vậy một việc làm mà lợi cả đôi đường, vừa cứu được người, vừa thu được đất."

Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thành dâng biểu về phản đối:

"Triều đình cứu nhà Lê là vì nghĩa. Thế mà lại còn chiếm đất của người ta thì nghĩa không còn nữa mà chỉ vụ có lợi thôi. Tôi thiết nghĩ xử như thế không nên. Vả trong cuộc tranh cạnh nhà Lê và nhà Nguyễn hiện thời, Lê không có hy vọng gì thắng cả. Chi bằng ta cứ đóng quân ở đầu cõi, chờ xem kết quả thế nào, rồi chộp lấy thì hơn."

Vua Tầu bác lời tâu của Tôn Vĩnh Thành. Thành tức giận cáo về nên chỉ có một mình Sĩ Nghị cất quân mấy tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam và Quý Châu, chia làm hai đạo, kéo sang. Sĩ Nghị lại truyền hịch đi trước, đại ý nói:

"Đại hoàng đế rộng thương Vua nhà Lê lưu lạc nên cho ta cầm ấn Đại tướng quân, mang 50 vạn quân đến thẳng La Thành hỏi tội anh em Nguyễn Nhạc. Thần dân nước Nam đội ơn nhà Lê đã lâu, không nên bỏ Vua mà theo giặc. Người nào biết xướng nghĩa củ hợp đồng chí để đuổi giặc, giúp nước, sau này thành công ta sẽ tâu xin Đại hoàng đế chia đất và phong tước cho, để được cùng hưởng phúc trời với nhà Lê như họ Trịnh khi trước. Hịch này đến đâu, các ngươi phải gắng sức cho chóng thành công."

Tiếp được hịch, tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Diệm và Phan Khải Đức sợ hãi không biết nhường nào. Bọn thổ binh trong một ngày trốn mất quá nửa. Khải Đức phải mật sai người đưa thư đến Sĩ Nghị xin hàng. Nguyễn Văn Diệm là người Quảng Nam tự liệu là hàng vị tất chúng đã dung nên thu quân về Kinh Bắc, hợp với Nguyễn Văn Hòa để bàn kế đánh, giữ.

Tin về đến Thăng Long, bọn Ngô Văn Sở bàn bạc hồi lâu, biết rằng đánh không được mà giữ cũng không xong nên phao lên rừng tiến quân, nhưng kỳ thực là rút cả thủy, bộ về giữ núi Tam Điệp.

Vì không có ai chống cự cả nên quân tôn Sĩ Nghị vào nước Nam như vào chỗ không người. Sĩ Nghị có vẻ tự đắc, gọi Vũ Trinh đến hỏi:

- Trước khi đại quân rút khỏi cửa ải, có truyền hịch đi trước nên quân giặc sợ hãi mà ôm đầu chạy cả. Ta tưởng thần dân nước Nam, ai chẳng ngẩng mặt trông đợi uy trời chẳng mấy ngày việc sẽ thành công! Thế mà các ngươi cứ biếng nhác để cho giặc chạy mất cả. Nay đại binh vào đến cõi rồi mà vẫn không ai báo được điều gì về nội tình của giặc. Như vậy còn gọi là nước có người được ư?

Trinh thản nhiên thưa:

- Nước tôi không tự giữ nổi, mới phải sang cửa ải cầu cứu. Vì chúng tôi chống được với giặc thì khi nào dám phiền đại binh. Nay Ngài trách chúng tôi cũng chỉ biết đến vậy thôi. Tình giặc thì đại khái như thế này: "Nguyễn Nhạc sinh trưởng ở chỗ rừng núi thì cứ bám lấy mặt rừng núi không rời. Còn Nguyễn Huệ thì là người rất sành sỏi trong chiến trận, trong tay lại có trọng binh. Từ khi ở Bắc Hà về, Nhạc, Huệ xô sát, Nhạc ở Quy Nhơn, Huệ giữ Thuận Hóa, cùng xưng vương, xưng đế cả. Ở Thăng Long thì chỉ có đồ đảng của chúng là bọn Văn Lân, Văn Sở mà thôi. Nghe đại binh đến, chúng chưa biết hư thực thế nào nên lánh tạm đi. Nghe nói chúng giữ núi Tam Điệp để chặn giữ đường vào Nam, là có ý muốn lăm le lại tràn ra ngoài Bắc. Một viên tướng nhỏ của chúng mà đã kiệt hiệt như vậy, huống chi là anh đầu đàn. Nếu không nhờ sức Thiên triều thì phỏng còn làm gì được chúng. Nước chúng tôi sau mấy lần thua mãi, binh ít, tướng yếu, tài nào địch được. Nhờ uy linh đại nhân may ra mới dẹp yên được giặc. Đó là điều mong mỏi của chúng tôi."

Nghị cười:

- Nước ngươi bây lâu bị giặc tàn phá, thần hồn phiêu bạt cả, cho nên hơi một tí thì sợ cuống cuồng lên, cọi giặc không khác gì hùm beo vậy. Cứ như ta coi thì chúng chẳng khác gì con chó, con dê, dù có sai người lấy trạc trói cổ chúng nó lôi ra cũng không khó gì. Khi nào quân ta đến La Thành, mọi việc sẽ êm cả, ngươi chờ mà xem.

Khi Sĩ Nghị tới Kinh Bắc, vua Lê thân đem quần thần ra chào.

Nguyên khi Lê Duy Đản và Lê Quýnh về báo tin là Tôn Sĩ Nghị sẽ mang quân ang cứu, Vua Chiêu Thống lập tức sai mang thư lên nói rõ cho Tôn Sĩ Nghị biết tình hình trong nước và cáo là mắc bệnh sốt rét không thân lên được. Lúc được tin quân Tây Sơn đã rút về, nhà Vua liền triệu tập quân Cần vương đến cả nơi hành tại và kén lấy một nghìn quân khỏe mạnh sung vào đội Túc vệ ngự doanh. Còn lại, chia làm năm đạo, sai đi giữ các trấn; Trần Quang Châu trấn Kinh Bắc, Nguyễn đạo Hải Dương, Hoàng Phùng Tứ Sơn Tây. Mọi người cùng đi nhậm chức cả, duy Quang Châu lưu lại xin nhà Vua sửa sang thành lũy và làm cửa nhà để đợi quân Tầu đến. Nhà Vua lại sai chức Bình chương là Phạm Đình Dư và Tham tri là Võ Trinh lên tận Hòa Lạc đón quân Tầu và mang châu rượu lên dâng Sĩ Nghị làm đồ khao quân, nên đi đến đâu quân Tầu cũng không quấy nhiễu gì cả.

Đứng trước Vua Chiêu Thống, Sĩ Nghị ngỏ lời úy dụ:

- Hoàng tôn còn ít tuổi, gặp phải lúc quốc biến, tình cảnh thực đáng thương. Chuyến này sang đây, tôi xin sửa sang giúp việc nước. Trước hết trừ cho sạch đảng giặc, sau sẽ Chỉnh đốn quy mô trong triều, rồi tôi mới đem quân về, Hoàng tôn đừng lo.

- Chúng tôi đội ơn Đại hoàng đế như trời, không sao kể xiết được. Lại may được đại nhân đến đây thật may mắn cho chúng tôi không biết chừng nào.

Nhà Vua mời Nghị vào nghỉ tại trấn lỵ Kinh Bắc, nhưng Nghị khước từ.

- Đây về đến kinh thành không bao xa nữa, nên đi ngay chứ đừng trì hoãn.

Lập tức sai bắn chín phát súng đại bác, rồi kéo đi. Đến chiều tối tới bờ sông Nhị Hà, Vua Chiêu Thống xin sang dò trước, vào thành sửa sang lại điện Kinh thiên để mời Sĩ Nghị vào ở, nhưng Nghị không ưng, nói:

- Dinh Đại tướng đóng ở đây có nhiều điều không tiện.

Nghị ra đóng trên bãi cát về mé Nam sông Nhị Hà, chung quanh là dinh của các tướng, hiệu. Nghị lại sai bắc cầu phao qua sông để đi lại khỏi phải phiền phức.

Hôm sau, Vua Chiêu Thống thân đến dinh Sĩ Nghị, mời Nghị vào thành. Lúc Nghị đến, điện Kinh thiên trần thiết lộng lẫy, các quan chầu chực đôi bên. Nhà Vua thì mặc triều phục quỳ ở giữa sân, Sĩ Nghị dẫn các liên thuộc do cửa giữa đi thẳng vào, tuyên đọc sắc chỉ của Vua Thanh, phong Vua Chiêu Thống là An Nam Quốc vương, trong sắc có câu:

"Tu bách ngũ thập niên chi chức công, thâm hữu niệm hồ tổ tôn. Khai thập hữu tam đảo chỉ dư đồ, nguyên phi lợi phù thổ địa."

(Mười ba đạo mở mang đất rộng, nào có tham gì của Việt Nam. Ba trăm năm cống hiến lệ thường, chỉ vì nghĩ đến dòng Lê thị.)

Thụ phong rồi, Vua Chiêu Thống theo lệ cũ trông về phía Bắc lạy tạ và thảo biểu tạ ơn, nhờ Sĩ Nghị dâng về Tầu giúp.

Vì nể mặt Tôn Sĩ Nghị nên các thư trát không dám đề niên hiệu Chiêu Thống mà phải dùng niên hiệu Càn Long. Mỗi khi buổi chầu tan, nhà Vua phải thân đến dinh Sĩ Nghị để bàn việc cơ mật. Khi đi thì Vua cưỡi ngựa đi trước rồi đến Lê Quýnh và mười người lính hầu theo sau.

Sĩ Nghị thì càng ngày lại càng dương dương tự đắc. Có lần Vua Chiêu Thống sang, Sĩ Nghị không tiếp, truyền quân đứng trên gác nói lớn: "Hôm nay không có việc gì quan trọng, nhà Vua hãy về cung nghỉ."

Nghị lại dung túng cho quân lính làm những việc phi pháp. Nguyên những người Tầu trước ngụ phường Hà Khẩu (Thăng Long), phố Cơ Xá (Kinh Bắc) và phố Hiến (Sơn Nam) đều sung vào làm lính, tất cả có tới một vạn người và ở riêng hẳn một trại. Chúng nói được tiếng Nam, hiểu rõ phong tục nước Nam, nên thừa thế làm hại những người lương thiện và cướp bóc các nhà giàu. Thậm chí có đứa cướp của ghẹo gái cả ở giữa đường giữa chợ; dân gian vì chúng mà khổ sở không biết ngần nào... Sĩ Nghị cũng biết, nhưng làm ngơ, không ngăn cấm gì cả.

Các quan lại thì những người nào trước kia đi trốn cũng lục tục ra cả. Nhà Vua liền tùy theo công trạng mà phong cho Phạm Đình Dư làm Lại bộ thượng thư, Bình chương sự; Nguyễn Huy Túc, đồng Bình chương sự; Lê Duy Đản, Vũ Trinh, Tham tri chính sự; Nguyễn Đình Giản, Binh bộ thượng thư, Tri khu mật viện sự;

Nguyễn Duy Hợp, Chu Doãn Lệ làm Đồng tri khu mật viện sự; Trần Danh Án, Phó Đô ngự sử; Lê Duy Tâm, Phạm Quý Thích làm Hộ bộ độ tri; Lê Xuân Hiệp, Ngô Vi Quý, Đồng chi binh chính; Lê Quýnh được phong làm Quân trung úy đốc, tước Tràng phái hầu, quản lĩnh quân Cần vương tất cả, các đạo và theo về Mạc phủ của Tôn Sĩ Nghị. Các quan liêu khác đều được trở về chức cũ.

Chức Hiến phó Kinh Bắc là Ngô Trưởng Đạo cáo bệnh, không chịu ra và dâng sớ về, nói:

"Đang lúc loạn lạc mà lại được thấy mặt Vua là phúc lớn cho nhà nước. Nhưng tôi trộm nghĩ việc binh cần phải nhanh chóng. Có cơ làm được thì chẳng phải nhờ quân nước khác mà phí mất thời giờ. Hiện nay trong quân Cần vương các đạo, ai là người không gắng sức, mong lập chút công danh. Quân giặc mới lui, nên cho đại binh đuổi theo mà đánh, chẳng nên để cho nó kịp trở tay. Hai xứ Thanh, Nghệ nghe quân ta đến, tất kéo quân ra giúp. Văn Huệ ở phía trong; Sở, Lân ở ngoài dẫu cứu nhau cũng không kịp, chỉ trong mười ngày, ta tất thành công. Vây cánh của chúng, ta đã triệt được thì hang tổ của chúng, ta phá cũng tan. Cơ trung hưng ở đấy, không nên bỏ lỡ."

Nhà Vua trao sớ cho Khu mật viện xét. Ai nấy đều tán thành, duy có Lê Quýnh do dự nói:

- Sức ta không địch nổi, mới phải cầu người. Hiện có Tôn Sĩ Nghị đóng ở đây. Việc binh nếu ta không nói trước với họ, cứ tự ý mà làm, được đã đành, lỡ thua, họ sẽ trách ta mà kéo quân về thì ta biết làm thế nào? Tôi tưởng nói trước với Sĩ Nghị đã, xem ý họ thế nào, rồi ta sẽ liệu.

Nhà Vua theo kế ấy, đến nói với Tôn Sĩ Nghị, Sĩ Nghị không ưng nói:

- Can gì mà phải vội vàng thế? Trừ anh em Tây Sơn là việc dễ như móc một vật gì từ trong túi ra. Ta đến sớm thì lấy sớm, đến muộn thì lấy muộn. Nay gần hết ba năm rồi, quân ta từ xa đến, đi lại vất vả, hãy cho nghỉ ngơi đã. Ta béo mà nó thì gầy, nếu nó ra đây, không khác tự mang thịt mà dâng cho hùm, chỉ đánh một trận là được, Nhưng quý quốc đã nói thì từ đô thành trở vào Nam, độ 60 dặm, nên chia đóng ba ngọn đồn. Đó cũng chỉ là việc phòng xa đấy thôi. Sang xuân ta hãy tiến binh cũng chưa muộn.

Nghị liền lập ra ba đồn: Một ở bắc ngạn sông Nguyệt Quyết thuộc huyện Thanh Liêm; một ở làng Nhật Tảo, huyện Duy Tiên và đồn

thứ ba ở làng Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì. Đồn nào Nghị cũng cho xây thành cắm chông, giữ gìn rất cẩn thận.

Từ đó, Vua tôi nhà Lê cứ chắc vào Sĩ Nghị nên không ai nhắc nhỏm đến việc tiến binh nữa. Hàng ngày Lê Quýnh lại chỉ nghĩ đến chuyện báo ân, báo oán rất tầm thường.

Quýnh tâu với Vua Chiêu Thống:

- Khi trước nhà Vua đi lánh nạn, nhiều hoàng thân lấy thế làm mừng, tự hạ làm chó săn cho giặc, thóc mách những việc bí mật của nước mình, không còn gì hèn hạ hơn nữa. Tôi xin kể rõ những tội ấy mà trừ đi để làm gương cho thiên hạ.

Nhà Vua ưng chuẩn, giao xuống đình nghị.

Các quan họp bàn rồi tâu lên rằng có quan Hình bộ thượng thư là Trần Công Sán trước kia đi sứ, không chịu khuất, bị giặc hại, tình thật đáng thương. Vậy xin đến dụ tế tận nhà và cất nhắc cho con cái Công Sán.

Vua Chiêu Thống cho là phải nên thân viết lấy văn tế, trong có câu:

"Tiết nghĩa ấy, long sông lở núi, trải mấy thu càng giãi tấm lòng son; lòng trung kia giúp nước yêu Vua, gặp gỗ cứng mới hay dao sắc."

Kể đến tội thì có quan trấn thủ Tuyên Quang là Phạm Như Toại bắt hoàng đế Duy Tụ nộp cho giặc, Phó mã úy là Nguyễn Bành đưa giặc đi đuổi theo Vua, bị tội chém ngang lưng. Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích nhận chức tước của giặc, bị cách xuống làm dân, về làng phải chịu sai dịch. Nguyễn Hoàn, Phan Lê Phiên chịu khuất ở sân giặc, Trương Đăng Quỹ theo Vua không trọn, bị giáng làm Tư huấn. Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn làm thư trá xưng là Sùng nhượng công để xin hoãn binh, đều phải bỏ ngục.

Lê Quýnh nghe nói Nguyễn Quý Nha, khi ở Cao Bằng về, có rất nhiều vàng bạc, liền sai người đến đòi lấy 20 lạng rồi vào tâu Vua. Nhà Vua cười:

- Lấy chỗ thừa bù chỗ thiếu, cho ngươi tự ý.

Ba vị hoàng thúc tư thông với giặc và gả con gái cho giặc đều bị nhà Vua ngầm sai người chặt chân vứt xuống giếng.

Hoàng Thái hậu chợt ở Nam Ninh về thấy nhà Vua chỉ chăm lo những việc báo ân, báo oán rất nhỏ mọn thì nổi giận:

- Ta phải lặn nòi ngoi nước mới xin được quân về. Nhà nước đã mấy phen tan nát vì ân oán rồi còn chưa biết ư? Thế mà cứ làm cho tan nát mãi. Nếu cứ thế này thì trị thiên hạ làm sao được. Gái già này chẳng khỏi lại phải ra đi một lần nữa.

Nói rồi khóc rầm rĩ, không chịu vào cung. Nhà Vua phải mật sai Nguyễn Huy Túc ra khuyên giải:

- Lòng hiếu sinh của thánh từ rộng rãi như trời đất, nên Ngài mới quở trách như vậy. Nhưng hình phạt là phép lớn của nhà nước. Nhà Chu phải giết Quản Sái, nước Lỗ phải giết Thúc Nha, người xưa cũng không vì người thân mà bỏ được phép công. Xin thánh từ rộng thứ để hoàng thượng sửa sang lại việc thiên hạ.

Thái hậu nể Huy Túc có công to nên miễn cưỡng nghe theo. Tuy nhiên trong bụng vân không lấy thế làm phải.

GIẤC MỘNG CON

Tôn Sĩ Nghị từ khi đem quân ra khỏi cửa ải, qua rừng lội suối dễ dàng như đi trên đồng bằng. Suốt từ Nam Quan cho đến Thăng Long, Nghị không phải đánh trác gì cả. Xưa này các tướng dụng binh không bao giờ lại được an nhàn như vậy. Bởi thế Tôn Sĩ Nghị coi dân Việt Nam làm thường, lên mặt kiêu ngạo. Tại các đồn binh, Nghị cho quân được tự tiện tản mác, ra ngoài kiếm củi hoặc vào các hương thôn hay chợ búa mua bán thức ăn. Chúng cứ sớm đi tối về, có khi đùa bỡn suốt ngày, không nghĩ gì đến kỷ luật cả. Nếu có ai nhắc nhỏm đến việc giặc giã thì chúng bĩu môi, coi như cá chậu chim lồng, bắt lúc nào nên lúc ấy. Có đứa ngang nhiên trả lời:

"Quan Đốc bộ đã truyền đến mồng sáu tháng Giêng thì kéo thẳng vào hang tổ của giống Tây Sơn, bắt cả bọn chúng không để sót một mống nào. Người Bắc Hà các ngươi cứ đấy mà coi!"

Người trong nước phần nhiều tin lời ấy là phải, chợt có một người cung nhân cũ ở Tràng An[13] ra xin vào yết kiến Thái hậu, nói:

[13]. Ninh Bình.

- Hoàng thượng về kinh thành, đến nay thấm thoắt đã gần một tháng, thế mà chỉ có năm phủ là Thường Tín, Ứng Hòa, Từ Sơn, Thuận Thành, Quảng Oai là nghe theo hiệu lệnh của triều đình. Còn từ Tràng An trở về phía Nam như Thanh Hóa là nơi côn bản, Nghệ An là chỗ trọng địa vẫn ở trong tay quân Tây Sơn. Trong ngoài xa cách, một nước mà chẳng khác gì hai, tình thế quân giặc mạnh yếu thế nào, tuyệt nhiên không một ai hay biết. Hoàng thượng cùng các quan tòng vong bấy lâu lặn lội, tưởng nên lo xa mới phải, không ngờ cứ vững như kiềng ba chân, chẳng lo toan gì đến tiền đồ của nước nhà cả. Còn Tôn Tổng đốc thì từ Tầu sang, nói là hiểu biết nước mình nhưng cũng chỉ hiểu chút ít là cùng. Còn địa thế như thế nào, chỗ nào nên đánh, chỗ nào nên giữ, họ làm sao hiểu được. Khi trước Lê Quýnh có bẩm với Tôn Sĩ Nghị

rằng: "Nước ta có nhiều nơi không chịu theo giặc, nếu có đại binh sang làm thanh thế thì họ sẽ ứng nghĩa ngay." Nhưng đó chỉ là lời nói cho người Tầu yên tâm mà mang quân sang cứu đó thôi. Cho nên trong tờ hịch mới dựa cả vào ta hống hách xằng, chứ có biết đâu rằng Nguyễn Huệ là một tay đại anh hùng, bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt một con lợn, tài trí không ai bì được. Người Bắc Hà chúng ta sợ Huệ như sợ sấm sét. Chỉ ngại nay mai hắn lại mang quân ra đây thì Tôn Tổng đốc cũng khó lòng đương rồi. Rồi đây Thái hậu có thể chạy sang Tầu mà cầu cứu mãi được không?

Thái hậu giật mình nói:

- Đó chính là việc ta vẫn lo lắng, như thật chưa nghĩ được một mưu kế gì cả.

Thái hậu vội thuật lại những lời trên với Vua Chiêu Thống, nhà Vua cũng sợ hãi, lập tức cùng bọn Lê Quýnh sang xin Tôn Sĩ Nghị cất quân.

Nghị trỏ vào mặt Lê Quynh mắng:

- Tự vương còn ít tuổi, chưa từng trải việc đời, chẳng dám nói làm gì. Nhưng trước kia nhà ngươi lên đón ta ở Lạng Sơn, sao không nói rõ để ta nhân lúc thắng trận mà đánh tràn đi thì có dễ dãi lắm không? Nay cơ hội bỏ lỡ để có thì giờ phòng bị mất rồi. Vậy nếu muốn đánh phải dự bị cho cẩn thận mới được. Vả trước kia ta đã định đến mồng sáu tháng Giêng mới cất quân thì dù sao cũng phải chờ đến ngày ấy mới được. Nếu vua tôi nhà ngươi có vội thì cứ tùy tiện mang một đạo quân đi trước.

Lúc trở ra về, Vua Chiêu Thống bảo với Lê Quýnh:

- Việc nước kể cũng đã xong được quá nửa rồi. Ngươi nên cố gắng lên để dân nước khỏi dị nghị và người Tầu đừng trách đến ta mới được.

Lê Quýnh vốn là dòng dõi nhà nho, không quen việc chiến trận nên nghe Vua nói thế thì cũng ậm ừ qua loa rồi xin Vua sai viên trấn thủ Sơn Nam mang quân bản đạo ra đóng giữ cửa sông, tưởng làm thế là đủ chặn đường quân Tây Sơn ra Bắc. Quýnh có ngờ đâu rằng khi Ngô Văn Sở sai Nguyễn Văn Tuyết về Thuận Hóa cáo cấp, Bắc bình vương liền chính vương vị, đổi niên hiệu là Quang Trung, rồi cất quân ra ngay. Tới Thanh Hóa, vua Quang Trung sai thảo hàng thư gởi ra cho Sĩ Nghị để Nghị tự đắc mà không đề phòng. Ngày ba mươi tháng Chạp năm Chiêu Thống thứ hai, quân Tây Sơn qua sông Giản Thủy, thanh thế rất lừng lẫ. Các

toán quân cần vương ở vùng này không dám chống cự, đều tan vỡ cả. Đến sông Nguyệt Quyết thì gặp quân Tầu, nhưng chưa đánh đã tan. Vua Quang Trung thúc quân đuổi theo đến Phú Xuyên thì bắt sống được cả nên không một tên nào về báo được với Tôn Sĩ Nghị. Ngày mồng bốn tháng Giêng, quân Tây Sơn tiến đến Hà Hồi, vây kín lấy quân Tầu, rồi bắc loa lên gọi. Tiếng đáp lại như sấm vang. Quân trong đồn này sợ hãi, phải xin hàng.

Vua Quang Trung lại sai quân lấy 50 mảnh ván, cứ ghép ba mảnh làm một, rồi lấy rơm ướt mà quấn ở ngoài. Nhà Vua sai bọn quân khỏe mạnh, giắt dao nhọn khiêng những mảnh ván ấy hai bên có 20 người cầm khí giới đi kèm, thành một hàng trận hình chữ nhất. Nhà Vua cưỡi voi đốc chiến, thúc quân tiến thẳng đến đồn Ngọc Hồi. Quân Tầu ở trong đồn bắn ra, vướng những mảnh ván không tin một phát nào. Họ phải đốt lửa và bắn hỏa hổ ra, không ngờ trời trở gió, khói lửa bay cả vào phía quân Tầu. Vua Quang Trung thừa thế thúc quân sấn vào đồn, bỏ ván xuống đất và rút dao nhọn ra đâm chém. Quân Tầu không đương nổi, phải bỏ đồn mà chạy. Tướng Tầu là Thượng Duy Thăng bị chết trong đám loạn quân.

Tuy ngoài thành đánh nhau rất kịch liệt mà Tôn Sĩ Nghị tuyệt nhiên không thấy biết gì cả.

Tại Thăng Long, Nghị vẫn cùng với vua Chiêu Thống uống rượu mừng xuân. Ngày mồng bốn, chợt có quân đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp. Tôn Sĩ Nghị hoảng sợ, như kẻ bị sét đánh ngang đầu. Lập tức Nghị sai viên lãnh binh Quảng Tây là Dương Hùng Nghiệp và hàng tướng Tây Sơn là Phan Hoài Đức đi cứu. Lại sai luôn 20 kỵ binh đi theo, dặn hễ có tin tức gì thì phải về báo ngay tức khắc. Trong bụng Nghị chỉ phòng một mặt Ngọc Hồi, chứ không nghĩ gì đến nơi khác.

Canh tư đêm ấy, bỗng nghe phía Tây Bắc có tiếng súng nổ, vội cho người lên ngựa ra xem thì đồn Điền Châu đã vỡ rồi và quân Tây Sơn đương kéo vào cửa ô, lửa sáng rực trời và chém giết rất dữ dội.

Nghị giật mình kinh sợ, chẳng kịp mặc giáp thắng yên gì cả, nhảy tuốt lên ngựa mà chạy qua cầu phao sang Bắc. Quân Tầu mất tướng như hổ mất đầu, cùng tranh nhau chạy, thậm chí đứt mất cả cầu phao, lăn cả xuống sông mà chết.

Tự liệu là không còn trông cậy vào ai được nữa, vua Chiêu Thống vội cùng với vài người cận thần đưa Thái hậu đi trốn. Nhưng ra đến bờ sông thì cầu phao đã đứt rồi, phải rẽ lên Nghi Tàm, thuê

một chiếc thuyền đánh cá sang sông và thẳng đường lên Bắc.

Trưa ngày mồng sáu năm Kỷ Dậu, nhà Vua tới núi Tam Tằng, nghe tin Sĩ Nghị vừa chạy qua đó và quân Tầu lũ lượt theo sau. Nhà Vua nhập bọn với họ, cùng đi. Tới Hòa Lạc nhà Vua được một người thổ hào biết mặt, mời về nhà, làm cơm khoản đãi. Vừa ăn xong thì quân Tây Sơn đuổi cũng gần đến, nhà Vua cáo từ vị thổ hào kia và ứa nước mắt nói:

- Tôi thật không biết lấy gì để tạ cái hậu tình của ông bây giờ. Chỉ cầu trời đất thấu biết tấm lòng thành của ông mà giáng phúc cho ông thôi. Nay quân giặc đuổi đến nơi rồi. Có đường nào chạy thoát được lên cửa ải không, xin ông chỉ bảo giúp cho.

Thổ hào sai con đưa Vua Chiêu Thống và Thái hậu đi tắt vào đường núi.

Đi theo Vua Chiêu Thống lúc này chỉ có tám người là Nguyễn Viết Triệu (Phó Đề lĩnh) dắt ngựa cho nhà Vua; còn bọn Địch Quận công Hoàng Ích Hiểu (Phụ đạo Cao Bằng), Lê Hân (Thự trấn), Phạm Như Tùng (Đề lĩnh), Nguyễn Quốc Đống, Phạm Đình Thiện (Hiệp lý), Lê Quý Thích, Lê Văn Trương thì đi theo hộ vệ Thái hậu và Nguyên tử[14].

[14]. Con vùa Chiêu Thống.

Thấy đường lối gập ghềnh và sự đi lại rất khổ sở, trong bọn bề tôi tòng vong có người buột miệng ra bốn câu thơ sau:

"Truy tùy loan giá xuất Nam quan

Sơn lộ khi khu bộ bộ nan.

Báo quốc thử thân duy nhất tử,

Lâm nguy lý hiểm cảm tư nhà."

(Theo hầu loan giá vượt Nam quan,

Đường núi gay go cứ bước tràn.

Giúp nước thân này đành một chết,

Ở trong nguy hiểm, dám mong nhàn.)

Buổi trưa hôm ấy, nhà Vua tới cửa ải thì gặp Tôn Sĩ Nghị cũng vừa chạy về tới đó. Nhà Vua trông Sĩ Nghị ứa nước mắt nói:

- Tôi vì vô tài nên không giữ nổi nước. Nay được Ngài phụng chỉ sang giúp, không ngờ trời không có lòng tựa nước tôi nên lại phải chạy sang lần nữa. Thôi xin chúc Ngài về quý quốc được hưởng phúc lành, còn tôi thì xin lưu lại đây, thu thập lấy ít nhiều dân binh, may ra có cơ khôi phục. Bằng không nữa thì cũng liều với giặc một phen.

Sĩ Nghị có ý thẹn, lấy gươm vạch vào gốc cây thành mấy chữ "Quang Trung bất diệt, tắc bất hưu" lại nói:

- Tôi sẽ dâng biểu về xin viện binh, chỉ nay mai là tới nơi. Chốn này gần đất giặc không nên ở lâu. Nhà Vua hãy tạm vào Nam Ninh nghỉ ngơi và chờ sắc chỉ.

Vì không thể làm khác được nên vua Chiêu Thống phải nghe theo Sĩ Nghị mà đến Nam Ninh, tiếp lại lên Quế Lâm, dọc đường nghe tin Vua Càn Long biết tin thua trận, đã phái Các thần là Phúc Khang An được quyền điều khiển quân sĩ chín tỉnh, sang đánh báo thù cho Tôn Sĩ Nghị.

Vua Chiêu Thống ngụ ở đất Tầu chưa được bao lâu thì các bề tôi khác cũng lục tục kéo sang. Hoàng thúc là Trung Quận công Lê Duy Án thì đi đường Đồng Trụ; Đinh Nhạ Hành, Đinh Lệnh Dận, một bọn chừng mười người do Long Môn đi tới, Trần Huy Lâm, Phan Khải Đức đi đường Trấn nam quan, Phụ đạo Cao Bằng là Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyễn Doãn đi đường Cao Bằng.

Phúc Khang An cho vua tôi Vua Chiêu Thống an trí ở Quế Lâm và cấp lương cho ăn. Sau lại cắt Phan Khải Đức làm Đô tư Liễu Châu, Đinh Nhạ Hành làm Thủ bị T oàn Châu. Còn bọn hoàng thúc và Trần Huy Lãm thì cho ở lại hầu Vua Chiêu Thống.

Phúc Khang An tuy được tiếng là dẹp yên giặc bể ở Kim Châu, Đài Loan, nhưng xuất thân là một viên ấm sinh[15], nhờ Vua Càn Long tin yêu mà leo lên đến chức Các thần, sự thực cũng một phường văn nhược như Tôn Sĩ Nghị.

[15]. Danh vị cấp riêng cho con trai của quan lớn, thời phong kiến.

Khang An không có chí tiến quân nên đánh tiếng cho vua Quang Trung, nói nếu chịu dâng biểu xin hàng thì để đạt giúp cho mà tránh được cái nạn binh cách[16].

[16]. Việc chiến tranh, việc quân sự.

Vua Quang Trunh nhân muốn dưỡng uy súc nhuệ nên cũng thể

theo ý ấy mà sai bọn Nguyễn Quang Hiển sang đút lót cho Khang An và dâng biểu xưng thần. Khang An đã được tiền, lại thoát được cái họa chiến tranh nên tìm hết cách đồng thời lừa dối vua tôi nhà Lê lẫn bưng mắt vua Tầu.

Đối với vua tôi nhà Lê thì Phúc Khang An nói:

- Trời đang mùa hè nồng nực, sang đánh phương Nam không tiện. Đợi sang thu mát mẻ sẽ tiến quân cũng không muộn.

Rồi cho binh mã tỉnh nào quay về tỉnh ấy.

Một hôm Khang An cho mời vua Lê đến dự yến. Trong khi ăn uống, Khang An nói:

- Chẳng bao lâu nữa sẽ mang quân sang đánh An Nam, nhà Vua nên dóng dả[17] các tướng sĩ dự bị sẵn sàng đi. Nhưng xưa kia sở dĩ Tôn Tổng đốc thua trận là vì giặc phân biệt được người Tầu với người Nam dễ dàng quá. Vậy, nhà vua cùng với các bề tôi tòng vong nên cắt tóc và đổi ăn mặc theo người Tầu để lẫn với quân Tầu, làm cho giặc không thể nhận được. Đến khi thành công rồi thì tùy ý, muốn ăn mặc thế nào cũng được. Việc hành binh cần phải biến trá, nhà vua thử nghĩ mà xem.

[17]. Thúc giục.

Vua Chiêu Thống tưởng lời Phúc Khang An xuất ở thực tình nên vô tình đáp:

- Tôi đã mất nước. May nhờ Thiên triều tái tạo cho thì dù bắt cả nước tôi đổi y phục theo người Tầu, tôi cũng bằng lòng, có đâu dám trái mệnh.

Từ đó vua tôi nhà Lê đều để tóc và đổi cách ăn mặc giống hệt như Tầu. Phúc Khang An liền dâng biểu mật tâu lên vua Càn Long:

- Vua nước Nam là Lê Duy Kỳ không có ý xin viện binh nữa. Hiện vua tôi họ đã dịch phục và tình nguyện lưu ở Trung Quốc. Vậy xin bãi việc cất quân đánh phương Nam.

Tại Bắc Kinh, Khang An xui sứ bộ Tây Sơn đút lót Các thần là Hòa Thân, nên được Hòa Thân hết sức tán thành. Vì đó, vua Càn Long tưởng thực nên không đả động gì đến việc cất quân nữa và cả quyết phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam Quốc vương.

Một hôm Khang An sai bầy kiếm kích và súng, ngựa rất tề Chỉnh ở

trong thành. Phía giữa lại dựng một lá cờ thực to trên viết mấy chữ: "Đề đốc cửu tỉnh binh mã", rồi cho mời vua Lê đến. Khang An cho pha trà mời nhà Vua uống, nhưng từ lúc vào cho đến lúc ra không nói một câu gì. Nhà Vua không hiểu dụng ý của Khang An thế nào. Một lát Vua Chiêu Thống cáo về, ra đến ngoài cửa chợt gặp các sứ thần Tây Sơn. Bấy giờ nhà Vua mới hiểu rằng Khang An làm như vậy là cốt để cho sứ Tây Sơn xem mặt mình nên tức giận vô cùng, nhưng cũng chỉ đến ôm hận mà về nơi quán trọ.[18]

[18]. Dụng ý của Phúc Khang An là tỏ ra cho sứ Tây Sơn biết rằng nhà Thanh không có ý gì giúp vua Chiêu Thống cả.

MÁI TÓC CỦA LÊ QUÝNH

Khi vua Chiêu Thống theo Tôn Sĩ Nghị chạy sang Tầu thì Lê Quýnh đương mắc bệnh, phải về tĩnh dưỡng tại quê nhà ở làng Đại Mão (Kinh Bắc).

Bệnh khỏi, Quýnh định củ hợp nghĩa binh để mưu việc khôi phục thì chợt có tin Phúc Khang An đòi đến Nam Ninh để bàn về việc cất quân.

Quýnh vội vã cùng với mấy đồng chí là Lê Doãn Trị, Lý Bỉnh Đạo, Nguyễn Mậu Nhĩ, Trịnh Hiền và Nguyễn Hiền lên đường. Tháng Tám năm Kỷ Dậu, bọn Quýnh tới Nam Ninh. Sực nhớ đến việc sang xin viện binh năm trước, Quýnh làm ra bài dưới này:

Khứ niên kim nhật đại Đông dương,

Thảm vũ sầu vân mãn thủy hương.

Giá đoạn quy trình vân vạn trục,

Vọng hồi khứ lộ thủy thiên quang.

Kim niên thử nhật Minh giang phố,

Nguyệt lãng phong thanh yên vạn hộ.

Tào tạp nha tê khuyến thưởng thu,

Phân mang quốc sự nan thành thú.

Phong tiền nguyệt hạ uổng thương bi,

Khốc tự tán đình đối khấp nhi.

Thí ngã chung tiêu song tận lệ.

Tư quân nhất nhật thập đa thì,

Tưởng lai tại tích Thiên hương các.

Quân tể tiêu ung hòa thả lạc,

Quân niệm dân gian tối khả lân,

Thân ngân binh sự nan giao độ.

***

Ngày dầy năm trước ở Đông dương,

Gió thảm mưa sầu rất thảm thương.

Lối cũ dặm nghìn mây khói phủ,

Đường về trông lại nước mênh mang.

Ngày nay lưu lạc ở Minh giang,

Gió mát trăng trong trong cảnh rỡ ràng.

Eo óc người khuyên ta thưởng nguyệt,

Bộn bề việc nước thưởng sao đang.

Gió đấy trăng kia khóc cũng thừa,

Tân đình nào khác chuyện năm xưa.

Đôi hàng lệ nhỏ ta rầu rĩ,

Ngày trọn lòng ta những nhớ vua.

Nhớ xưa khi ở Thiên hương các,

Vua tôi vui hưởng thú xum họp.

Vua lo dân khốn tình nên thương,

Nghĩ việc quân cơ khó nỗi lường.

Bọn Lê Quýnh hội kiến với Phúc Khang An ở Ngô Châu. Khang An nói cho Quýnh biết là vua tôi nhà Lê đã cắt tóc dịch phục rồi khuyên Quýnh cũng theo gương ấy. Quýnh quát lớn:

- Ngài cho đòi chúng tôi nghìn dặm lại đây, tưởng truyền bảo được điều gì. Không ngờ chỉ khuyên có cắt tóc với đổi ăn mặc theo người Tầu. Xin nói để Ngài biết rằng đâu chúng tôi có thể cắt được, chứ tóc chúng tôi không thể cắt được.

Phúc Khang An dỗ dành Lê Quýnh không được, tức giận cho giải cả bọn lên Yên Kinh. Bọn Quýnh đi đến Sơn Đông thì gặp vua Càn Long đi tuần đến tỉnh này. Vua Tầu cho đòi Quýnh đến Thái An hành cung truyền:

- Các ngươi không vì sự thịnh suy mà một lòng theo chủ, lòng trung nghĩa thật đáng thương. Trẫm không bao giờ nỡ làm tội các ngươi cả. Theo như lời tâu của Quân cơ đại thần[19] thì tiến, các ngươi không thể làm được như Bao Tư mà thoái thì tất bị Nguyễn Huệ làm hại. Vậy để khi nào Trẫm trở về kinh sẽ xét mà khu xử cho các ngươi[20].

[19]. Hòa Thân.

[20]. Dàn xếp phân minh.

Tới Bắc Kinh, bọn Lê Quýnh bị giữ lại Lôi thần miếu. Được ít lâu, vua Thanh lại cho quan đến bảo:

- Chủ các ngươi đã cắt tóc, đổi áo và nhận một chức quan tam phẩm rồi. Nhà vua định cho các ngươi làm quan ngũ, lục phẩm gì đó, nếu các ngươi cũng cắt tóc và đổi áo như vua các ngươi. Các ngươi có bằng lòng không?

Lê Quýnh nhất định khước từ và xin cho được về nước để phụng dưỡng cha mẹ, nhưng vua Thanh làm ngơ đi, giam luôn bọn Lê Quýnh ở Thận hình ti dòng dã tới mười năm, tuy thỉnh thoảng vẫn khuyên cắt tóc và đổi áo, nhưng Quýnh không chịu. Nói về thân thế của mình, Tràng Phái hầu có gửi cho bạn một bài thơ, trong có hai câu:

"Thân khốn thập niên hoài tố tiết,

Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung."

***

(Mười năm giữ tiết cam tù tội,

Một tấm lòng son gửi tóc tơ.

Hay là:

Thân khốn mười năm, tròn một tiết,

Mệnh treo mái tóc, rãi lòng son.)

***

Sau khi đã phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam Quốc vương rồi, người Tầu nghĩ lưu vua tôi Chiêu Thống ở Quảng Tây cũng vô ích nên cho đưa cả lên Yên Kinh để biệt hẳn đi một nơi.

Nhà Vua và Thái hậu khởi hành từ Quế Lâm ngày hai mươi mốt tháng Hai năm Kỷ Dậu, đến mùng năm tháng Năm mới tới Bắc Kinh trú tạm tại phía ngoài cửa Chính Dương.

Sáng ngày mồng bảy, người Tầu cho xe ngựa đến đưa Thái hậu, vua Chiêu Thống và Nguyên tử đến ngụ tại ngõ Hồ Đồng cạnh Quốc tử giám về phía cửa Tây Định, thành Bắc Kinh. Chỗ này người Tầu gọi là "Tây An Nam doanh". Các bề tôi tòng vong thì họ cho ở cửa Đông Trực, gọi là "Đông An Nam doanh". Họ lại cấp lương cho ăn, việc đi lại thăm nom nhau được tùy ý.

Được ít lâu, vua Chiêu Thống nghe tin vua Càn Long sắp lên hành cung Nhiệt Hà nghỉ mát. Nhà Vua liền họp các bề tôi lại, thảo biểu xin viện binh và nhờ đức Đô thống Nhượng hoàng kỳ là Kim Giản tâu lên giúp.

Kim Giản với Hòa Thân và Phúc Khang An vốn cùng một bọn nên đã tự tiện chữa biểu văn hoặc tâu khác hẳn lời trong biểu đi để bưng mắt vua Thanh và đánh lừa vua Chiêu Thống, nên khi vua tôi vua Chiêu Thống quỳ phục ở vệ đường để đón, xa giá vua Thanh có ngừng lại một lát và một quan thị thần truyền xuống:

- Hoàng đế có chỉ ban khen, cho lậy tạ mà về kinh.

Một lúc sau, Kim Giản đến giao sắc phong cho vua Lê chức Lĩnh thôi, đời đời được tập phong quan chức và mũ áo tam phẩm. Vua Lê miễn cưỡng phải nhận.

Mấy hôm nữa lại có quan trong Nội phủ ra vời nhà vua vào Định đình, ban cho bốn trăm lạng bạc và truyền cho người trong Nhượng hoàng kỳ phải cung cấp cho vua tôi vua Chiêu Thống tất cả những vật cần dùng. Các bề tôi đi theo thì mỗi người được hưởng 500 đồng tiền và mọi việc mừng, phúng đều theo tục người Mãn Châu cả.

Sang tháng Tám, Kim Giản phụng chỉ vua Thanh (ở Nhiệt Hà về) đến thăm nom vua Chiêu Thống và lấy Phan Khải Đức làm Khiêu kỵ hiệu, Đinh Nhạ Hành, Phạm Đình Thiện làm Lĩnh thôi. Các bề tôi khác thì được ban cho mỗi người ba khẩu phần lương, tháng ba lạng bạc và một thạch gạo. Không bao lâu vì Phan Khải Đức phạm tội bất kính với vua Chiêu Thống nên bị truất, lấy Đinh Nhạ hành lên thay làm Khiêu kỵ hiệu.

Thấy người Tầu không có ý gì cất quân cả và chỉ tìm cách lừa dối mình, vua Chiêu Thống buồn rầu làm nên mấy thiên đường luật sau này:

Cố hương thiều đệ tín âm diêu,

Nhất phú mao khâu bách cảm chiêu.

Xương tuyết na kham phi cố quốc,

Phongba thùy dữ cộng kim chiêu,

Bất tu đối khấp tăng trù trướng.

Thả phú phiêu vân đa bất trắc,

Khả tương tung tích hỗn ngư tiều.

Tin nhà bằn bặt cách trời mây

Một khúc gò Mao mấy đắng cay.

Xót nỗi tuyết sương nơi đất lạ,

Ai cùng sóng gió cuộc ngày nay?

Chi trò "đối khóc" càng thêm tủi,

Này phú "lên lầu" hãy tạm khuây.

Mây trở, khôn lường đời lật lọng,

Thôn chài, xóm củi, liệu qua ngày.

***

Nhất soang tâm sự hữu thùy trí,

Uất khí không hoài úy đẩu, ky,

Thân thế thán như triều đăng rạng,

Hành tàng tiếu tự liễu ly phi.

Khuyến quân thả tửu Tân đình lệ,

Đãi ngã hoàn ngâm Trung lộ thí.

Thử khứ hảo bằng tam xích kiếm,

Khẳng giao tha thí độc tiên thi.

Một tấm lòng son tỏ với ai?

Khi căm như muốn phá mây trời,

Gập ghềnh thân tựa trào sô đập.

Lang chạ đời như liễu tả tơi,

Giọt lệ Tân đình ngươi vẩy thử.

Câu thơ Trung lộ tớ ngâm chơi,

Chuyến này chỉ cậy gươm ba thước.

Há trận đòn thân chịu kém người?[21]

[21]. Không có biệt tài về nghệ dịch thơ chữ Hán, những bài trên này đều dịch lược để cung một sử liệu cho các độc giả. Nếu có câu nào không lột được hết ý nghĩa của nguyên văn xin các Ngài vui lòng tha thứ và sửa giúp cho.

Liệu biết chờ đợi mãi cũng chỉ đến tổn thì giờ vô ích, mùa đông năm ấy, nhà Vua cùng với bọn Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích, Lê Tùng, Nguyễn Đình Cẩm, Lê Thức, tất cả mười người, uống máu ăn thề, quyết dâng biểu xin viện binh; bằng không được thì cũng xin lấy hai tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên để giữ việc tế tự và nếu có xảy ra điều gì bất trắc đi ngữa thì sống chết cũng có nhau.

Biểu thảo xong, vua tôi đến nói lót với Kim Giản, Kim Giản từ chối, vua tôi liền phục xuống đất kêu khóc, nhất định không về. Bất đắc dĩ Kim Giản phải mời vào, pha trà đãi tọa và dỗ:

- Nhà Vua cứ về ngụ sở mà an nghỉ, để tôi còn thương lượng.

Một tháng sau, có lại dịch đến bảo nhà Vua:

- Hoàng thượng đã xuống chỉ cho ở Khâm Châu, sang xuân này khởi hành cũng không muộn.

Vua tôi Chiêu Thống tuy không dám tin, nhưng không làm thế nào khác được, đành cứ ngong ngóng ngồi chờ. Tháng Ba năm sau chợt có lại dịch đến bảo:

- Hoàng thượng đã xuống chỉ cho nhà Vua về ở Tuyên Quang. Các bề tôi phải lập tức đội mũ mặc áo theo quốc vương vào lậy tạ.

Mọi người vội vã theo lại dịch đến chờ ở ấn phòng. Không ngờ Hòa Thân đã ngầm sai người lấy khóa sắt khóa cửa ấn phòng lại, rồi bắt cả bọn lên xe trâu mà đẩy ra ngoài ba trăm dặm:

Hoàng Ích Hiểu đi Y Lê;

Phạm Như Tùng lên Hắc Long Giang;

Lê Hân đi Phụng Thiên;

Nguyễn Quốc Đống, Cát Lâm;

Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương đi Trương Gia Khẩu.

Duy có Phạm Đình Thiện được lưu lại Bắc Kinh với vua Chiêu Thống, Thái hậu và Nguyên tử.

Tại sao Hòa Thân lại có cử chỉ tàn nhẫn như vậy?

Nguyên trong thời kỳ ở Bắc Kinh, ngày nào vua tôi Vua Chiêu Thống cũng quây quần với nhân để bàn chuyện tiến thủ và xin viện binh. Mỗi lần nhà Vua dâng một tờ biểu vào triều thì Hòa Thân lại mất công bưng bít để khỏi bị vua Thanh nhìn thấy chỗ giả dối. Sau rốt, Kim Giản nghĩ chỉ có cách là đầy mỗi người đi một nơi là khỏi phải ngầy ngà[22] và mới có cơ ăn ngon ngủ yên được.

[22]. Trách móc dai dẳng.

Vua Chiêu Thống nghe tin trên này, trong lòng bứt dứt không sao chịu được. Nhà Vua lập tức cưỡi ngựa đến nhà Kim Giản, định kêu oan cho bề tôi. Nhưng lại gặp phải lúc Kim Giản vào chầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Nhà Vua vô tình cứ tế ngựa vào vườn, bị quân canh ngăn cản lại. Người đi theo hầu nhà Vua là Nguyễn Văn Quyên kêu rầm lên. Bọn lính canh sợ đến tai vua Thanh, liều kéo nhau ra lôi vua Lê xuống ngựa mà đẩy lên xe, đưa thẳng đến

nhà ngục.

Quyên tức giận, quát lớn:

- Bọn chó Ngô kia, sao dám làm nhục đến Vua tao?

Rồi nhặt gạch đá mà ném bừa vào bọn lính canh. Bọn này xô đến đánh Nguyễn Văn Quyên đến nhừ tử, rồi bắt giam. Một tháng sau, Quyên được tha thì vì những vết thương mà chết.

Khi vua Lê đương bị giữ tại Thận hình ti, Hòa Thân sai người đến Tây An Nam doanh bảo Thái hậu viết biểu tâu, trong đó nói quốc vương vẫn tình nguyện ở yên Trung Quốc. Việc xông xáo vào vườn kêu xin viện binh là do bọn bề tôi xúi giục. Đương thảo thì chợt có viên nội giám là Nguyễn Trọng Đặc bước vào, trông thấy, liền giằng lấy biểu xé đi, nói:

- Cứ mắc lừa người ta mãi, để bề tôi chết cả hay sao?

Từ đó Hòa Thân cấm chỉ không cho hai doanh đi lại với nhau nữa. Thành thử chung quanh vua Chiêu Thống chỉ trơ trọi có Thái hậu, Nguyên tử và mấy người hầu. Bị thua trận, bị mất nước, tiếp lại bị người Tầu lừa đối và kinh bỉ, nhà Vua tuy đau khổ, nhưng còn có chỗ để tự yên ủy là san sẻ được cái đau khổ ấy với bọn bề tôi tòng vong. Đến nay thì cái hạnh phúc sau cùng ấy cũng không còn nữa, vì Thanh triều đã đầy ải mỗi người đi một nơi, khiến cho nhà Vua rầu rĩ suốt ngày, mở miệng không biết phàn nàn với ai được.

Để thống mạ[23] cái dã tâm của bọn Hòa Thân, bọn cựu thần nhà Lê đã thảo nên mấy thiên đường luật dưới đây:

[23]. Chửi mắng thậm tệ.

"Nhất tâm báo quốc thử thân khinh,

Thác trước ta tai phu tử hành.

Tảo thức đại bang vô tín nghĩa,

Bội thành nhất chiến tử do vinh."

(Tấm thân báo nước nhẹ lông hồng,

Tính nước cờ lầm hóa uổng công.

Sớm biết đại ban không tín nghĩa,

Đánh liều, có chết cũng hơn không.)

***

"Ỷ lại tha nhân kế dĩ phi,

Thương lương nhất khứ khứ vô quy.

Tân đình đối khấp thùy ngu ngã,

Hồi thủ hà sơn không tự bi."

(Nhờ sức người nay kế hỏng rồi,

Quá chân lỡ bước, chuyện về thôi.

Cùng nhau khóc kể mưu phường bịp,

Ngoảnh lại non sông lệ vắn dài.)

TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Hôm vua Chiêu Thống cùng Thái hậu theo Tôn Sĩ Nghị chạy sang Bắc thì Hoàng tam đệ là Lan Quận công Duy Chỉ cũng đưa Hoàng phi[24] là Nguyễn thị Kim chạy theo. Không may ra đến bờ sông thì cầu đứt, hai người phải theo bờ đê mà đi ngược lên mãi Tuyên Quang, nương náu ở nhà một người thổ tù là Nông Phúc Tấn. Phúc Tấn cùng với một người thổ tù khác là Hoàng Văn Đồng, thay mặt Duy Chỉ triệu tập các dân miền núi như Vạn Tượng, Trịnh Tuyên, Quy Hợp, Trân Ninh, quân thế rất là lừng lẫy.

[24]. Vợ vua Chiêu Thống.

Đứng đầu những đội quân đó, Duy Chỉ tràn xuống cướp thành Nghệ An.

Vua Quang Trung sai đốc trấn thành này là Trần Quang Diệu làm Đại tổng quản và Đô đốc là Lê Văn Trung mang quân đón đánh.

Quân Tây Sơn vốn là quân thiện chiến. Trái lại, trong tay Duy Chỉ tuy có nhiều người nhưng là quân ô hợp, thành ra chưa đánh đã tan. Quang Diệu thừa thắng phá luôn cả Trấn Ninh, Trịnh Tuyên, Quy Hợp. Vua Vạn Tượng thua trận, phải bỏ thành mà chạy, Diệu đuổi tận đến giáp giới Xiêm La, cướp được khí giới và của cải rất nhiều, lại chém được tướng Vạn Tượng là Tả Phan Dung, Hữu Phan Chiêu.

Duy Chỉ, Nông Phúc Tấn và Hoàng Văn Đồng bị bắt giải về Phú Xuân xử tử.

Người đương thời phúng Duy Chỉ bằng mấy câu sau:

Trời đâu bảo lạc mịt mù,

Nước non để chữ phục thù kiếp sau.

Giận này biết để vào đâu,

Nghìn thu chôn xuống địa cầu Phú Xuân.

Sau cuộc thất bại của Duy Chỉ, cái trí phục thù của các cựu thần nhà Lê ở trong nước cũng bạc nhược dần và lâu lâu đến tuyệt hẳn.

Nguyễn Đình Giản trốn tại huyện Lập Thạch trấn Sơn Tây. Vua Tây Sơn cho đến dụ, Giản nhất định không ra, Nhà Vua lại bắt con gái Đình Giản cho vào hậu cung, cốt ý để dụ Giản, nhưng Giản thản nhiên nói:

- Con bé ấy sao không chết đi. Nó sống làm gì mà làm nhục cả môn hộ nhà ta. Ta có khi nào vì tình cha con mà bỏ nghĩa vua tôi!

Vua Tây Sơn biết trí Đình Giản không thể cưỡng nổi, liền lập mưu bắt sống đem về. Nhưng Đình Giản không chịu khuất mà chết.

Lê Ban, một võ tướng có sức khỏe gấp mấy chục người, sau mấy lần khởi binh đánh Tây Sơn, bị quân địch bắt sống, nhưng tha cho, sau chết ở Thăng Long.

Trần Danh Án thì len lủi tại miền Bắc Giang. Triều thần Tây Sơn là Trần Văn Kỷ và Ngô Thì Nhiệm có viết thư khuyên Án ra hàng, nhưng ông từ chối. Trong thư trả lời có câu:

"Thân này dẫu bón mồm hùm cọp,

Dạ sắt khốn theo bụng chó dê."

Trần Quang Châu cũng đánh mãi, sau bị bắt không chịu khuất mà chết.

Tại Nghệ An một chí sĩ là Trần Phương Bình củ hợp các thổ hào, đánh nhau với Tây Sơn. Nghĩa binh bị thua, Bình chạy lên ngọn núi Hồng Sơn, đề bài thơ dưới đây vào vách đá, rồi đâm cổ mà chết.

"Thẹn mình khôn chống nước non,

Thân này đao ấy lại còn tiếc sao.

Non Hồng ngoảnh lại nơi nao,

Chín mươi chín ngọn cao cao kia kìa."

Song hành với cảnh ngộ điêu đứng của các cựu thần nhà Lê, vì

không theo kịp vua Chiêu Thống mà phải ẩn núp ở trong nước, bọn bề tôi tòng vong bị đầy ải vào một cuộc đời đau đớn không biết nhường nào. Tuy nhiên giữa chỗ xa lạ nhiều người may mắn đã gặp được những tấm lòng vàng, nên cái nông nỗi xa nước xa nhà cũng đỡ được một vài phần thống khổ.

Lê Văn Trương chẳng hạn, khi bị đầy ra Trương Gia Khẩu, được người địa phương trọng vì nghĩa khí cấp cho cơm ăn áo mặc không thiếu một thức gì. Hàng ngày, ông không phải bận rộn về một việc gì khác là ngâm thơ, đọc sách.

Lê Hân ở Phụng Thiên, nhân giỏi về nghề thuốc nên được người địa phương ngày ngày mời đi bắt mạch kê đơn, sự sinh hoạt nhờ đó mà được dư dụng[25]. Viên Lưu Thái thú ở hạt này gia tư giàu có. Trọng Hân là người có tài, gả con gái cho, thành ra trong mười mấy năm bị đầy ải, Lê Hân được hưởng hoàn toàn hạnh phúc.

[25]. Thừa thãi.

Khi Hân về nước, người vợ này cũng theo về và thủ tiết cùng ông suốt đời, lại xuất của riêng ra cho người trong họ để lập tự.

Nhưng ngoài Lê Văn Trương và Lê Hân là những người có diễm phúc đặc biệt ra, biết bao bạn đồng chí khác phải sống trong cảnh cơ hàn để trọn một tấm lòng thành với chủ.

Khi nghe tin mẹ chết, Đinh Nhạ Hành có làm đôi câu đối rất bi thảm:

"Nhật trầm Tây lĩnh Đông lưu, cổ kim thường thái.

Mẫu mộng Nam kha, quân Bắc độ, gia quốc câu ưu."

(Thói thường ngán nỗi xưa nay,

Vừng đông nước chảy, non tây bóng tà.

Buồn trông việc nước, việc nhà,

Vua xa đất Bắc, mẹ già cõi Nam.)

Biết rõ cái tình cảnh của vua tôi vua Chiêu Thống, con trai vua Càn Long là Lục vương, nhân lui chầu về có đến thăm Hòa Thân bàn về chuyện nước Nam và hỏi:

- Vua tôi nhà Lê mắc nạn, chạy sang đây xin cứu mà không được, kể cũng đáng thương. Vả trong bề tôi của họ cũng có nhiều người

là trung thần nghĩa sĩ. Họ vô tội mà đem đầy đi nơi xa. Nếu nước ngoài nghe biết thì còn coi Trung Quốc ra gì nữa?

Hòa Thân thản nhiên đáp:

- Đó là chỉ của Hoàng thượng, Điện hạ biết đâu được những việc ấy.

- Hoàng thượng ở ngôi lâu năm, nay đã già yếu. Việt thiên hạ nay đều ở tay Các lão[26], Việt Nam là một việc rất quan trọng, há ta lại chẳng biết hay sao?

[26]. Chỉ Hòa Thân.

Hòa Thân cậy được vua Càn Long yêu mến nên nói ra nhiều câu vô lễ, Lục vương tức giận vớ ngay lấy cái bàn cờ để gần đó, đánh luôn cho Hòa Thân mấy cái. Những người đứng gần đó chạy đến can ngăn, Lục vương mới thôi, nhưng vẫn còn tức giận, vừa đi ra, vừa chửi mắng.

Hòa Thân mang việc này tâu lên vua Thanh. Nhà Vua nổi giận, cho đòi Lục vương đến, định đánh ngay. Nhưng các thần là A Lâm lậy phục xuống đất, hết sức can ngăn, nhà Vua mới nguôi giận, tuy nhiên vẫn sai nọc Lục vương ra ở sân điện mà đánh mười roi.

Lục vương uất ức quá thành bệnh, mỗi ngày một nặng. Vương tự biết không thể qua khỏi, liền cho gọi các em là Bát vương, Thập vương và Thập ngũ vương đến, dặn:

- Trong ba em, chưa biết sau này hoàng thượng sẽ cho em nào kế tự. Nhưng dù ai được nối ngôi nữa cũng nên trừ tên gian thần Hòa Thân đi để tránh một mối hại cho xã tắc.

Ba người khóc, lậy hai lậy, xin vâng mệnh.

KHỐI HẬN KHÔNG TAN

Bị dồn dập ở dưới bao nhiêu đau khổ, vua Chiêu Thống không có đủ uy lực để tự chủ lấy cái thân mình nữa. Tuy nhiên, nhà Vua vẫn phải gắng gượng mà sống trong một cái sống vô hy vọng, vì còn con nhỏ và mẹ già. Mỗi lúc ôn lại dĩ vãng, nhà Vua lại rùng mình mà nhắm mắt lại để khỏi phải hình dung ra biết bao cảnh đau thương, trong đó nhà Vua đã nhiều phen giãy giụa, nhưng không ra thoát.

Nhà Vua ở đâu?

Một nơi rất xa xôi và chung quanh toàn là người lạ: lạ cả phong tục, ngôn ngữ lẫn y phục.

Nhà Vua chờ gì?

Không gì hết. Vì cái hy vọng xin viện binh đã chết ở trong óc nhà Vua ngay từ hồi bọn Lê Văn Trương phải đi đầy.

Tuy nhiên nhà Vua vẫn phải sống, sống trong những ngày giờ phẳng lặng và không có màu sắc gì cả.

Năm Nhâm Tý, nghĩa là bốn năm sau khi vua Chiêu Thống trôi dạt sang đất Tầu, Nguyên tử lên đậu, chết. Thế là một lẽ sống nữa của nhà Vua tàn. Một mối đau thương mới chồng chất lên bao nhiêu mối đau thương đã sẵn có, đè nặng lên chí nhà Vua.

Vua Chiêu Thống vì đau khổ quá, sinh bệnh và bệnh tình mỗi ngày một nặng, không thuốc thang nào khỏi. Nhớ đến cái công hầu hạ khó nhọc của một tên đầy tớ nhỏ là Lê Duy Vượng, nhà vua vội nhận hắn làm con nuôi và đổi tên là Duy Khang, để cho hắn giữ việc thừa tự sau khi nhà Vua băng hà.

Việc vừa xếp đặt xong thì bệnh nhà vua cũng tới lúc nguy. Vua Chiêu Thống liền gọi Duy Khang lại bên giường dặn:

- Trẫm gặp phải lúc không may nên không giữ được toàn xã tắc, phải phiêu bạt ra quê người. Tưởng là mưu được khôi phục, không ngờ lại bị người lừa dối, đến nỗi phải căm giận mà chết. Song chẳng qua cũng là vì lòng trời không tựa nhà Lê. Vậy, sau này nếu các ngươi có tìm về được nước cũ thì nên cố gắng mang lấy hài cốt của Trẫm về, phụ táng vào sơn lang để tỏ tấm lòng thành của Trẫm. Ngươi nên nhớ kỹ mà truyền bảo cho các quan ở xa biết.

Duy Khang khóc, lậy, xin vâng mệnh.

Vua Chiêu Thống mất!

Hôm ấy là ngày mười sáu tháng Mười, năm Quý Sửu. (Càn Long thứ 58)

Nhà vua thọ được 82 tuổi.

Nhà Thanh cử hành tang lễ vua Chiêu Thống theo tước Công và táng ở cửa Đông Trực. Chỗ đất xây lăng rộng chừng ba mẫu, phía ngoài có xây bình phong. Các quan còn lưu ở Bắc Kinh tự chế lấy đồ tang phục theo tục nước nhà mà chia phiên nhau tế lễ.

Lê Duy Khang được vua Tầu cho nối chức Lĩnh thôi.

Các bề tôi bị đầy đi phương xa, nghe tin Vua mất đều làm lễ truy điệu và khóc lóc rất thảm thiết. Người Tầu trông thấy đều phải động lòng mà tìm lời an ủy.

Tại Nhiệt Hà, sau khi đã lập đàn tế lễ điếu rồi, Nguyễn Viết Triệu thương khóc suốt ngày sau sinh bệnh mà chết.

Thái hậu còn trơ trọi có một mình ở Yên Kinh, tình cảnh hiu quạnh không biết nhường nào. Thái hậu liệu cũng không có hy vọng gì trở lại được cố hương, nên khi đã đoạn tang vua Chiêu Thống rồi, bà liền dâng biểu lên vua Thanh, xin cho các bề tôi được lấy vợ ở Trung Quốc để giữ lấy tồn tự.

Vua Tầu thuận cho và ban cho mỗi người tám lạng bạc và ba vạn năm nghìn đồng tiền làm hôn lễ.

Rồi đây Thái hậu cũng chỉ sống gắng được mấy năm nữa. Đến năm Kỷ Mùi thì bà vì ưu phiền quá mà chết. Vua Thanh cho quyền táng tại lăng vua Lê.

Chồng bị giết, ba con chết vì nạn nước, đời Thái hậu tưởng không thiếu một nỗi đau đớn nào. Ngoài ra, lại còn bị u cầm trong ngục

mười năm, lang bạt ra nước ngoài mười năm lênh đênh cơ khổ, nay chạy loạn, mai xin viện binh, cái cảnh trôi nổi và đau thương của Lê Thái hậu tưởng về trước bà và sau này, khó lòng có ai bì kịp.

***

Năm Ất Mão, vua Càn Long thoái vị, nhường ngôi cho Thập ngũ vương là vua Gia Khánh mà tự tôn làm Thái thượng hoàng.

Nhớ lời Lục vương dặn lại, vua Gia Khánh muốn giết Hòa Thân, nhưng ngại hắn là người được Thượng hoàng thương yêu nên không nỡ. Đến khi vua Càn Long mất, vua Gia Khánh lập tức bắt Hòa Thân tự tử và tịch biên cả gia sản, một cái sản nghiệp có lẽ lớn nhất mà từ xưa đến nay, một quan chức Tầu chưa bao giờ có.

Một hôm, cùng với thị thần nhắc đến việc nước Nam, vua Gia Khánh động lòng thương vua tôi nhà Lê, liền xuống chiếu triệu tất cả bọn bề tôi tòng vong về Lam Thân xuống ở Bắc Kinh mà cấp tiền lương cho rất hậu. Nhà Vua lại tha bọn Lê Quýnh, bốn người – Nguyễn Mậu Nhĩ chết từ trước – ra khỏi ngục và cho được để tóc cùng ăn mặc tùy ý.

Để biểu dương cái khí tiết của Lê Quýnh, trong Việt sử Tổng vịnh của vua Tự Đức có bài:

Văn Nghiêm tướng quân đầu,

Dữ Kê thị trung huyết.

Hưu Trương thư dương sỉ,

Cập Nhan Thường Sơn thiệt.

Viêm phương khởi vô nhân,

Hữu Trường phái hầu phát.

Thủy vân đại nghĩa thân,

Chung thị âm mưu thiết.

Đồ nhiên thán trung thần,

Tất cánh tư ngụy nghiệt.

Bất đặc vong trung nghĩa,

Trĩ điện di thể khuyết.

Năng toàn trung hiếu quy,

Đại bang túc quý sát.

Đã được trở lại ánh mặt trời, bọn cố thần nhà Lê không có một hoài bão nào khác là thực hành lời di chúc của vua Chiêu Thống. Nghĩa là mang nắm xương tàn của nhà Vua về táng ở đất nước.

Nhưng thực hiện được cái ý muốn cỏn con ấy, cũng không phải là việc dễ dàng. Vì nước nhà đã ở trong tay quân địch cả. Biết rằng triều Tây Sơn có dung cho nắm xương khô ấy koong và nhất là họ có tha thứ cho những kẻ tên mười năm trời, đã cậy cục mãi với nước ngoài để đánh lại họ không?

Mọi người đương lo nghĩ và kiên nhẫn chờ một thời cơ mới thì tiếp được tin rằng nhà Tây Sơn đã đổ rồi, hiện thời dư đồ[27] ở cả trong tay con cháu chúa Nguyễn là vua Gia Long, một thù địch của triều Tây Sơn.

27. Tức bản đồ.

Tin đó làm cho bọn Lê Quýnh mừng rỡ, lập tức dâng biểu xin vua Gia Khánh cho đưa di hài của cố quân về nước.

Vua Gia Khánh chuẩn cho, nhưng bảo nên chờ sứ bộ của nhà Nguyễn sang cầu phong rồi cùng về.

Mọi người để ý chờ đợi, không bao lâu sứ bộ tới nơi, trong có cả con Lê Quýnh là Lê Doãn Trác đi theo. Gặp con, Lê Quýnh mừng rỡ cảm hứng nên thiên đường luật sau:

"Thập ngũ xuân thu nhạn tín hi,

Vô đoan đáo Trác ngộ đồn nhi.

Tài văn nghi vị nhân khi ngã,

Cập kiến kinh hô nhĩ thị thùy.

Lữ thứ thông tiêu ngôn nhược mộng,

Gia tình trục sự thính như si.

Sâm thần phân thủ thông mang khứ,

Phụ tử tình thâm bất tự trì.”

(Mười lăm năm chẵn vắng tin nhà,

Chẳng hẹn dầy con lại gặp cha.

Những tưởng mới nghe ta mắc lỡm,

Nào ngờ mắt thấy thật con ta.

Gửi thân đất khách coi nhường mộng,

Nghe chuyện quê hương dạ luống ngơ.

Sớm dậy chia tay, người mỗi ngả,

Tình thâm phụ tử biết là bao.)

Được tổng quản Hỏa khí doanh là Định Thân vương đến truyền dụ của vua Thanh cho được về nước, Lê Quýnh vội vã cùng với các bạn đồng chí vội cải táng cố quân, Thái hậu, Nguyên tử, Nguyễn Văn Quyến và Nguyễn Viết Triệu.

Khi mở quan tài vua Chiêu Thống ra, người ta thấy da thịt đều tiêu hết cả, duy có trái tim, tuy đã chôn 12 năm mà vẫn y nguyên như cũ, huyết đỏ hồng hồng. Ai nấy đều sa lệ và cho rằng mối hận của nhà Vua dù đến chết cũng không tan đi được.

Những phí tổn về việc chuyên chở di hài của vua Lê nhất thiết được Thanh triều cung cấp và truyền cho quan chức ở các địa phương có đi qua, phải tống giúp ra tới cửa ải.

Ngày mười ba tháng Tám, năm Gia Long thứ ba thì linh cữu vua Chiêu Thống về tới Trấn Nam quan, được cựu thần nhà Lê kéo nhau lên đón tiếp và khóc viếng, coi rất thê thảm.

Sau khi Hoàng tam đệ Duy Chỉ bị hại, Lê Hoàng phi là Nguyễn thị Kim bị phiêu bạt nay đây mai đó, có khi ăn mặc giả làm nhà quê, ẩn trốn trong chỗ hương thôn, có khi vận áo nâu sồng, nương nhờ cửa Phật. Sau rốt, được tin linh hài của vua Chiêu Thống, Thái hậu và Nguyên tử đã đưa về đến biên giới nước nhà, bà vội vã kên đón ôm lấy quan tài mà khóc thảm thiết không biết chừng nào.

Từ đó, bà không chịu ăn uống gì cả, hàng ngày chỉ cầm hơi bằng một chén hồ.

Tới Thăng Long, quan tài vua Lê quàn tại nhà Duyên Tự công[28]

trên hồ Trúc Bạch, các quan thay phiên nhau vào tế lễ.

[28]. Duyên Tự công tên là Lê Duy Hoán, con trai Hoàng đề Duy Chỉ, được vua Gia Long cho giữ việc kỷ tự nhà Lê.

Khi tang lễ cử hành đã xong xuôi cả, Nguyễn thị Kim khóc mà bảo mọi người:

- Tôi chịu nhẫn nhục mà sống trong 15, 16 năm trời nay là vì yên trí rằng còn có Vua, Thái hậu và Nguyên tử ở Tầu. Nay ba vị cùng quá cố cả, tôi sống không còn ích gì nữa vậy xin họ hàng ở lại, để tôi xuống âm phủ hầu hạ Vua và Thái hậu.

Nói xong, bà uống thuốc độc mà chết. Sứ Tầu có mặt ở đó, cũng phải thương tình mà sa nước mắt.

Song tháng Chín, người ta rước linh cữu vua Chiêu Thống, Thái hậu và Nguyên tử xuống thuyền về táng ở lăng Bàn Thạch (Thanh Hóa), Nguyễn thị Kim, Nguyễn Văn Quyến và Nguyễn Viết Triệu cũng đều được phụ táng ở đó.

Nghĩ đến cuộc đời điêu linh và bi thảm của mẹ con và vua tôi vua Chiêu Thống, một cựu thần nhà Lê cảm khái lên thiên đường luật sau:

Nấm cỏ đưa về tấc đất xưa.

Bể Bắc chín lần rồng lẩn sớm,

Non Nam một ngọn hạc về trưa.

Nhớ câu năm nọ như ngày nọ,

Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ.

Thua được cuộc cờ thôi để đó,

Gội ơn cây cỏ vẫn còn thưa.